

SƠN - NAM

TÌM HIỂU
ĐẤT
HẬU
GIANG

Khai-đè của Giáo-Sư

NGUYỄN - THIỆU - LÂU



THÁI - VI - THỦY

PHÙ-SA — MCMLIX

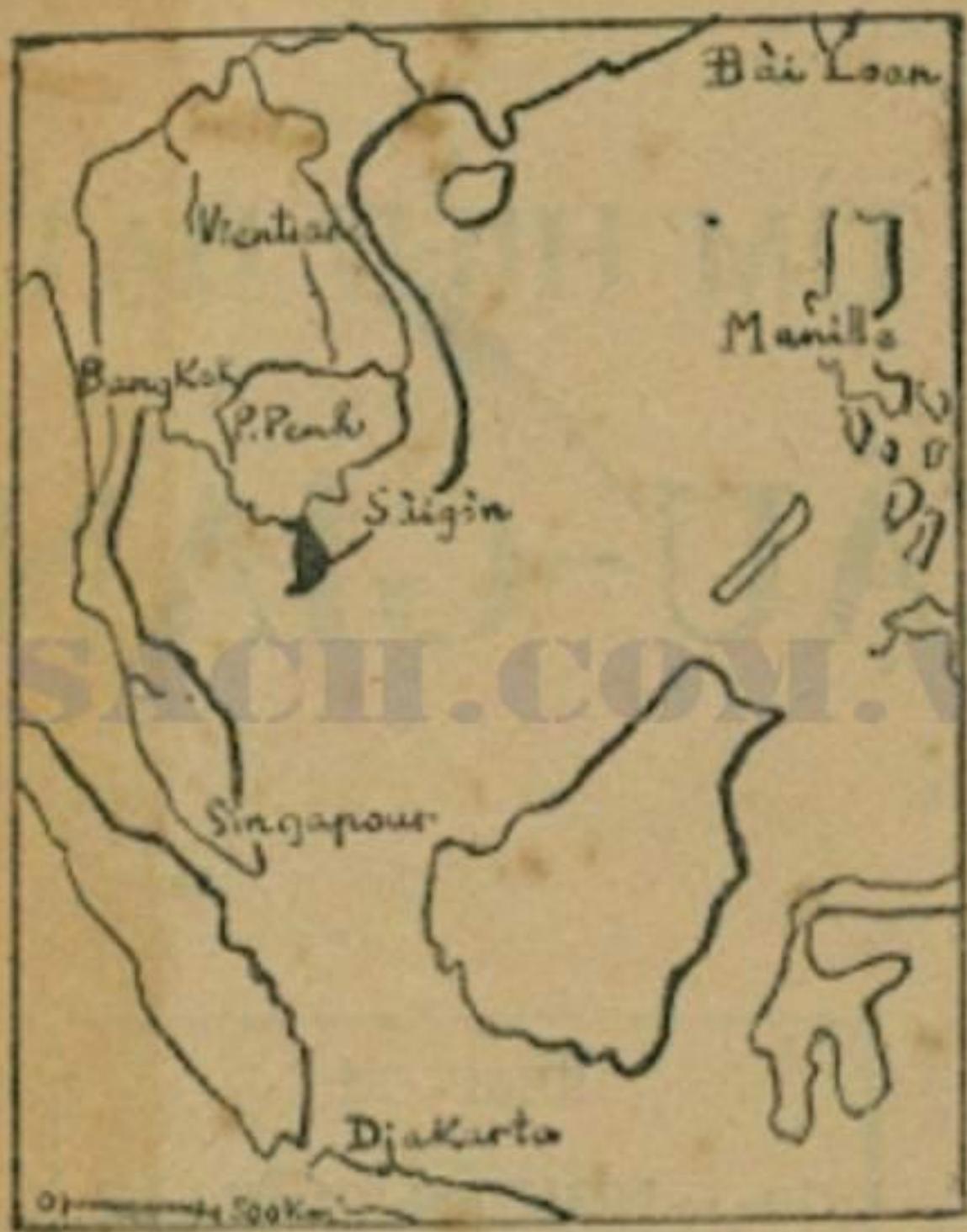
SƠN - NAM

TÌM HIỂU ĐẤT
HÂU-GIANG

KHAI - DÉ
của
Giáo-sư NGUYỄN-THIỆU-LÃU

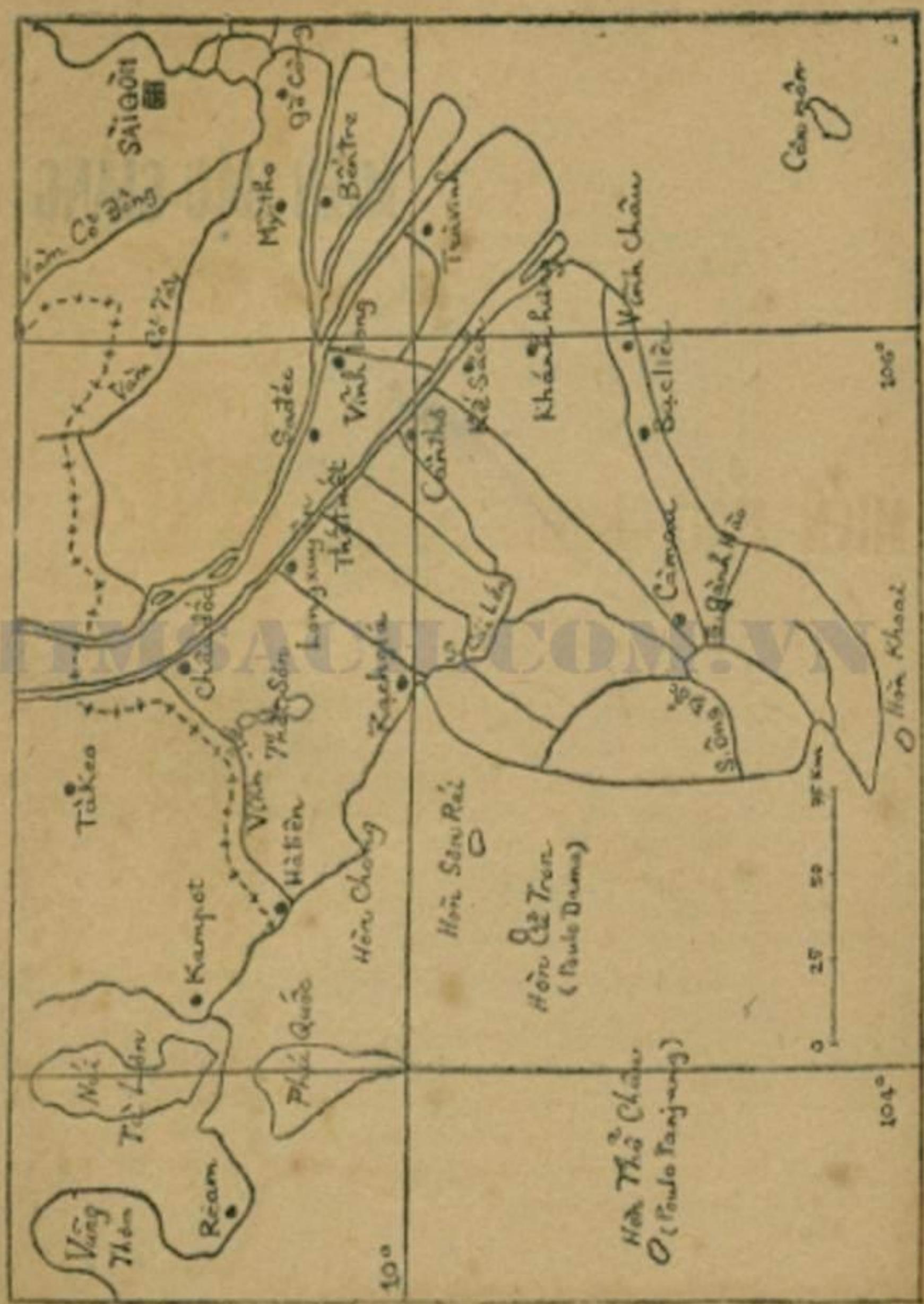
THÁI - VỊ - THỦY

IN LẦN THỨ NHÚT
PHÙ - SA
MCMLIX



MIỀN HẬU-GIANG

TIM SACH.COM.VN



MIỀN HẬU-GIANG

FIMSACH.COM.VN

Miền Hậu-Giang là miền đồng bằng, rất rộng ở về phía Nam con sông Hậu. Con sông này là chi nhánh của sông Cửu-Long chảy từ Nam-Vang xuống nước ta, hướng Tây Bắc — Đông Nam. Từ biển-thùy Cam-Bốt đến cùa biển, sông dài độ hai trăm hai mươi cây số. Nếu ta lấy bờ kè mà kê hai con đường thẳng thước thợ tới sông Hậu thời con đường ngắn nhất là từ Long-Xuyên đến Rach-Gia, dài độ sáu mươi cây số và con đường dài nhất đi qua Ba-Xuyên và An-Xuyên dài độ một trăm sáu mươi cây số.

Không cần phải đo diện tích thời miền Hậu-Giang là một phần ba đất Nam. Toàn là đồng bằng rất thấp, trừ mấy ngọn đồi ở An-Giang và Hà-Tiêm nổi lên như đè làm cảnh. Trừ Ba-Xuyên và An-Xuyên, tức là miền Bạc-Liêu và Cà-Mau trước thời một phần ba là bùn lầy, đầy rừng, nhưng nhúc nhích rắn.

Miền Hậu-Giang là một miền địa lý quan trọng của nước Việt-Nam ta. Miền này có nhiều tương-lai, không phải cho một tương-lai gần đây mà còn cho một tương-lai độ vài ba trăm năm nữa.

Đứng về phương-diện một đất, chất đất và linh-trong
canh-lác mà nói thời ta chia miền Hậu-Giang ra làm hai
phần. Đại-khai như sau này :

Phần thứ nhất là hữu ngạn sông Hậu, rộng độ bốn
năm mươi cây số.

Đây là một giải đất phù-so tốt, đã chắc. Các giồng
chạy song song với nhau từ An-Giang tới Khanh-Hưng.
Giồng, là những giải đất cát pha, chỉ cao hơn ruộng độ một
thước mét. Làng và vườn ở trên giồng. Vườn trồng đủ
các thứ nhưng tốt nhất là dừa, cau và chuối. Có những
đường mương ngang dọc như đường bàn cờ. Từ các
mương cái, đã từ hàn một trăm năm nay, các cụ ta đã đào
mương con. Có ba con sông đào chính, ấy là sông Vĩnh-
Tế ăn từ Chợ-Đốc đến Hà-Tiên và sông Thụy-Hà; rồi con
sông lấy nước từ sông Cửu-Long tới Rạch-Gá. Ba con sông
chính này đã là ba mạch máu chính cho phần địa-lý này
để lấy nước ngọt sông Cửu-Long đem vào tận các ruộng xo-
lánh, các vườn, để rửa đất phèn thải mới có cảnh trù-phú
trên vườn dưới ruộng ngày nay. Các sông chính, các mương
cái lại còn là đường giao-thông rất thuận-liên, không những
cho các xuồng mà lại còn cho cả các ghe bắc to-zu.

Miền này là toàn địa-hạt tỉnh An-Giang, Phong-Dinh và
phần Bắc tỉnh Kiên-Giang và Ba-Xay-en.

Công-trình của tiền-nhân chúng ta nếu ta ngược lên
dĩ-vãng, thời có ở miền nói trên từ giữa thế-kỷ thứ mươi
bảy. Nhưng tuy ruộng vườn bát-ngát, hays còn nhiều đất
bỏ hoang. Phải còn đào nhiều mương nữa và phải có thêm
nhieu nhân-công. Nguyễn-Trí-Phương đã tổ-chức đòn-diều,
đã lập ấp ở miền này.

Vào khoảng thu năm Giáp-dần (1854), dân mới hồi-phục
đã thù thành cơ-đội, lập thành làng xóm phòng chừng
một trăm làng chia ra dần khẩn.

Hai mươi mốt cơ túc là mươi ngàn năm trăm quân tự-
túc. Nghĩa là phải vỡ lấp ruộng để có gạo mà ăn. Mấy
năm đầu nhà nước cấp cho ngưu-canh điền-khí. Thời bình
thời là nông-dân. Thời loạn thời một mặt làng ấp nào phải
tự-vệ cho làng ấy. Nhà nước lại còn tuyển một số trai-tráng
của mỗi làng, tùy theo nhân số, mà cho đi tùng quân,
sót với quân-đội chính quy.

Ngoài các đòn-diều ấy còn có độ một trăm làng, xã mồi

thành-lập, tức là số dân, cà-nom, phу, lão, áu-độ hai trăm ngàn người.

Thật là một công-cuộc lịch-sử vĩ-đại do sự tò-chức khôn-khéo và mạnh-mẽ của Nguyễn-trí-Phương. Công cuộc này, bộ sứ Chính-Biên ghi rõ.

Trên đây ta nói về đại cương miền Hậu-Giang và phần thứ nhất của miền ấy, ấy là toàn dèo đất chõc ở phía Nam sông Hậu, toàn tỉnh An Giang, một phần Phong-Dinh, một phần Kiên-Giang và một phần Ba-Xuyên.

Bây giờ ta nói tới phần thứ hai...

Tức là dèo bờ biển Kiên-Giang, phần lớn Ba-Xuyên và toàn An-Xuyên. Ba-Xuyên đã có tên là Bạc-Liêu và An-Xuyên là Cà-Mau.

Miền này có mấy điểm chính về địa- lý thiên-nhiên.

Một đất rất thấp. Nhiều nơi, mặt đất chỉ cao đỗ và ba thước: ấy là các giồng như ở bất cứ miền phù-so nào. Còn các nơi đất thấp chen vào giữa các giồng thời chỉ cao độ vài thước hay hơn một thước. Ấy thế mà, ngày ngày tùy theo tuần trăng, tùy theo giờ, nước thủy triều dâng cao dần dần lên tới hơn một thước có khi đến thước rưỡi, làm ngập hết các miền đất thấp nói trên. Các miền này ở rất nhiều nơi còn toàn thứ rừng nước, rừng cây bần, cây vẹt. Rễ ăn sâu xuống bùn và bị nước thủy triều làm ngập.

Thứ cây được, cây vẹt (palétuviers) tự-nhiên mọc ở chỗ đồng chua nước mặn, sinh sôi này nở một cách dễ-dàng lắm. Thân cây nhỏ và chỉ cao độ mươi thước. Về mùa hoa, các hoa nở, hình một trái cồn của trẻ con chơi. Rồi khi hoa chín mà có gió thổi hoa theo lòn gió mà bay... rồi rơi đánh phlop một cái xuống đất bùn: ấy là mỗi hoa sẽ thành một cây non, mọc dễ-lâm.

Ở ngoài Bắc thuộc bờ biển tỉnh Quảng-Yên cũng có thứ cây này mà tên địa-phương gọi là cây vú-giu.

Các rừng cây này có một tác-dụng quan-trọng, ấy là sự giữ các phù-sa của sông Hậu do một luồng nước biển đưa vào.

Nguyên là con sông Hậu có luồng nước mạnh và chờ nhiều phù-sa hơn con sông Tiền. Ra tới cửa sông, nước và phù-sa bị một luồng nước biển hướng Đông-Bắc — Tây-Nam đánh lật vào bờ nên dần dần đọng lại theo các rừng cây đước. Rồi đến giờ nước thủy triều dâng lên thì bị đánh vào bên trong. Vì vậy nên miền đồng chua nước mặn này nói rộng và mũi Cà-Mau mãi có hình cái mó vịt.

Rời bờ biển ôn thảng về phía Chính-Bắc tới vĩ-tuyến đảo Phú-Quốc.

Nói tóm lại, rõ ràng nhất là ở miền An-Xuyên, miền biển không định rõ được; thế nào là đất, thế nào là biển, cũng không định rõ được, các giồng đất cát pha không có, chỉ là giồng đất thịt, rất khác các giồng ở miền Thanh-Nghệ.

NÓI TÓM LẠI, miền Ba-Xuyên, An-Xuyên có rất nhiều rừng cây đước kha-thác khó, chỉ dễ dàng lèm than. Các giồng thường xâm. Ruộng lại xâm nứa. Sông thiên tạo thường chỉ là các rạch ngóc-nga ngóc-ngách vào các rừng, vào các đồng cỏ lùn rậm-rạp, nhung-nhúc những rãnh nước, những rãnh đục, những cù sũa con. Ruộng vườn so với miền An-Giang, Phong-Dinh, Kiên-Giang kẽm xa. Có nhiều miền không có thể canh-lúc được, với điều kiện kỹ-thuật và số lượng nhân công của ta bây giờ. Có bệnh sốt rét.

Trong thời toàn quốc kháng-chiến chống Pháp, miền Cà-Mau đã là một chiến-khu quan-trọng vì Pháp không vào lão-thanh ở miền bùn lèg này, còn bom ném thời nhiều khi không nổ vì rơi xuống bùn.

NGUYỄN THIỆU LÂU

LỜI NÓI ĐẦU

TIMSAH.COM.VN

BLA đá ở núi Sam còn ghi lại nguyện-vọng của Thoại-Ngọc-Hầu đối với vùng An-Giang. Đó cũng là nguyện-vọng chung của những vùng mới khai-thác : Sao cho đồng ruộng đồng-đúc nhà cửa, có vườn dâu, vườn gai và khò bếp trong nhà bay lên đó đây không dirt.

Ngày nay cuộc Cách-mạng quốc-gia giành lại độc-lập cho dân-thị, nhân-vị cho con người. Danh-từ dĩnh-diễn xuất-hiện trong ngôn-ngữ bình-dân. Nông-tin cuộc, kinh-tác xã nông-nghiệp... đang trên đà phát-triển. Vùng Cái-Sán, An-Xuyên, U-Minh được đồng bào miền Bắc di-cue vào khai-thác khai-sử các mỏ bauxit nồng đở và khem ngợi. Điều mà tiền nhân ao-xóng đã thành sự thật.

Dất Hậu-Giang thành hình nhờ tài đức của người dân Việt-Nam.

Biết đâu nguồn sinh-lực và những đặc-tính của một dân-tộc lại chẳng biếu-lộ ở những cảnh lá non ta, xa gốc nhiệt ? Ông mong các bậc thày-giá, các nhà văn-hóa chú ý hơn nữa đến phần đất Hậu-Giang. Được như thế, tập sách này đã đạt mục-dịch vây.

Sơan một tập địa-phương-chí hoặc địa-lý nhân-văn, hoặc lịch-sử địa-phương theo đúng nghĩa của nó là công việc vượt ngoài kiến-thức và phuơng-tiến của chúng tôi.

Đây chỉ là sự cố gắng để tìm hiểu đất Hậu-Giang trên những nét mà chúng tôi nhận thấy cần thiết, theo thứ tự thời-gian, nhằm vào việc khai-thác nông-nghiệp, tạm kết-thúc vào khoảng năm 1930 vì từ đây đến nay những sự việc xảy ra đều có tinh-chất thời sự. Thời thực-dân phong-kien, kiếp sống của người dân rất u túi. Điều ấy giúp chúng ta so-sánh để hiểu rõ hơn ý nghĩa quan-trọng của cuộc cải-cách đổi-địa do Chánh-phủ Cộng-hà chủ-trương, nâng người ta-diễn lên địa-vị tiêu diển-chù, canh-tanh-hoa nông-nghiệp.

Chúng tôi ít lần-cập đến các vùng đã khai-thác từ lâu hoặc kém quan-trọng (Sóc-Trăng, Hà-Tiên) cùng các hòn đảo, các ngành nông-nghiệp, ruộng muối, vườn tiêu..., e quá rườm rà.

Đất Hậu-Giang đã trải qua nhiều giai-đoạn gay go, nhất là những năm bị thực-dân thao-túng. Đa số tài-liệu, thống-kê... chỉ có giá-trị là gãy-f-thác. Ranh giới các tỉnh, nói chung, không thay đổi từ khoảng 1900 đến 1945 (trừ tỉnh Hà-Tiên) và chúng tôi dùng những địa-danh cũ : Cần-Thơ, Rach-Gia, Nam-Kỳ, hoặc Cao-Miền trong khoảng thời gian ấy. Vì không chịu động về khuôn khổ trang-sách và kỹ-thuật làm bản kẽm nên vài bản đồ không ghi rõ tỷ-lệ xích; xin đối-chú với bản đồ của Nhà Địa-Chính cho rõ hơn.

Một công-đất đo vuông-véc mỗi góc 12 tăm, mỗi tăm chánh-thức (tầm quan, tầm đền) là 2 mét 50. Khi đo công để phết, cát, gặt, thường xài tăm từ 2 mét 70 đến 3 mét. Những con số dân chúng trong sách nghiên-cứu của người Pháp căn cứ vào mẫu-tỷ (hectare) tức là hơn 11 công-tầm đền hoặc hơn 7 công-tầm phết.

S.N.

I

KHUNG-CÀNH

TIM SACH.COM.VN

Sơ-lược về địa- lý

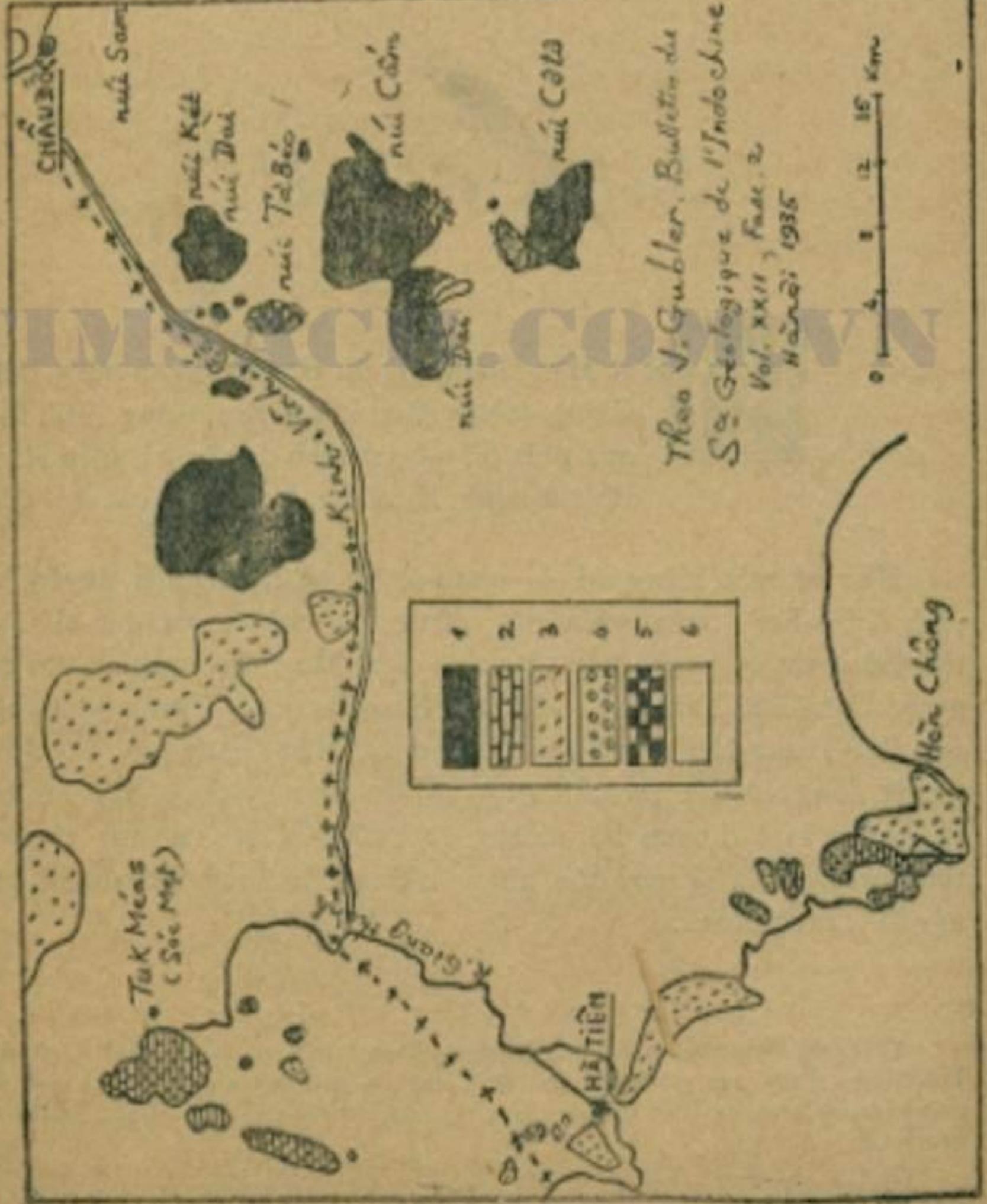


MIỀN Hậu-Giang (1) án từ hữu- ngạn sông Hậu-Giang (sông Cái, sông Sau, sông Ba-Thắc) qua phía Tây-Nam theo duyên hải biển Nam-Hải và vịnh Xiêm-La, bao gồm các hòn đảo.

Nhờ ba mặt biên-giới — quan-trọng nhứt là phần duyên hải vịnh Xiêm-La — nên miền này đứng vào một vị-trí đặc-biệt, có thể thông-thương trực-tiếp và mau chóng bằng đường biển với các nước Cam-Bốt, Thái-Lan, Mã-Lai, Nam-Dương. Trong địa-phận của Địa-Trung-Hải nhò bé ấy (2), miền Hậu-Giang có vài điểm tương-đồng với các nước lân-cận thí-dụ như kỹ-thuật xây nò bắt cá, những kiệu thuyền bè, những loại cây ăn trái, những tập-tục tín-ngưỡng. Và là nơi đón nhận những làn sóng xuất-ngoại của người Trung-Hoa...

(1) Người Pháp thường gọi là l'Extreme-Ouest, l'Ouest, Cochinchine occidentale, Transbaïec. Theo ranh giới cũ, miền Hậu-Giang chỉ gồm một phần diện-tích sau đây phia hữu- ngạn sông Ba-Thắc của các tỉnh Long-Xuyên : 960 km², Chợ-Đốc : 3.225 km², Sóc-Trăng : 1.409 km².

(2) Các nhà địa- lý thường nói đến vùng Địa-Trung-Hải lõa ở Đông-Nam-Á gồm biển Nam-Hải, vịnh Xiêm-La, biển Java.



- (1) Granite (đá hoa cương),
 (2) đá vôi tuổi Permian, (3)
 phiến thạch hỗn hợp với lá
 thạch (série schisto-granite)
 tuổi Devonian-Carbonifer, (4) ta
 thạch, (5) dolomite, (6) phyllite
- Không có trang bản đồ này:
 đảo Phú Quoc (ta thạch);
 Núi Sập, núi Ba Thê, Hòn Sỏi,
 Hòn Đất (đá hoa cương).

Theo J. Gubler, Bulletin de
 Socé Géologique de l'Indochine
 Vol. XXII, fasc. 2
 Năm: 1935

Dân số ước chừng một triệu người; diện-tích 20.000 cây sô vuông, nhâm $\frac{1}{3}$ diện-tích Nam-phần Việt-Nam, $\frac{4}{3}$ diện-tích Trung-châu Bắc-phần, 3 lần lớn hơn diện-tích vùng đồng bằng Thanh-Nghệ-Tỉnh.

Giữa dãy núi Cardamomes và mũi Vũng-Tàu xưa kia là một vịnh rộng lớn hình bầu dục dài 500 ki-lô-mét, rộng 200 ki-lô-mét. Hồi đầu đệ tứ kỷ (ère quaternaire), đất phù-sa của sông Cửu-Long bồi vào lấn hối từ Siêm-Réap đến Cà-Mau.

Đồi núi khá nhiều; dãy Thất-sơn (cao nhứt là đỉnh núi Cầm, 716 mét tại Vồ Bồ-Hồng) ăn mài đến tận núi Ba-Thè, núi Sập. Sát bờ biển, dãy Hòn Chồng nhô ra biển (mũi Công-Chúa). Về phía Nam, Hòn Me, Hòn Sóc, Hòn Đất tuy còn gọi là hòn nhưng đã dính vào đất liền.

Đồi núi miền duyên hải này smoc dội lên⁽¹⁾ bằng chứng là ở vùng Hòn Chồng còn vết sóng biển ăn lở vào vách đồi ngay chõa cao 1 mét 50; trên sườn các hòn đảo đồi diện Hà-Tiên, sò ốc đóng thành khôi.

Các hòn đảo tập-trung về phía Bắc, rải rác ở phía Nam (tất cả chừng 100), quan-trọng nhứt là Phú-Quốc, Sơn Rái...

Vùng Hậu-Giang đã thay đổi hình dáng, sông Cửu-Long đã đổi đổi phương hướng như thế nào? Mãi đến nay, các nhà chuyên môn chưa giải đáp rõ. V. Delahaye phỏng đoán vàm sông Cửu-Long xưa kia đổ ra ngay phía mũi Cà-Mau (2). L. Malleret châ-

(1) J. BOUAULT, *La Cochinchine*, IDEO, 1930 trang 2, nguyên văn: «Un mouvement positif d'érosion». Ngoài những bằng-chứng trong tài liệu ấy, ta có thể kê thêm Thạch Đặng, Ông-bảo ở đây nói thắc mắc về mực vò sô vò ác và cái bánh lùi ghe bằng cây nứa chót động (2). J. Bouault dẫn theo R. CASTEX, *Les rivages indochinois...*, tên đưa ra con số quá đáng (cao 50 mét). J. GUBLER nói rõ hơn, từ 1m5 đến 2 mét.

(2) VICTOR DELAHAYE, *La plaine des Jones et sa mise en valeur*, Rennes, 1928.

trường rằng từ hồi đầu kỷ nguyên đền giờ, vùng Trung-châu sông Cửu-Long (phía đất Hậu-Giang) không thay đổi rõ-rệt về hình-thái (1).

Ý kiến sau e quá táo bạo. Trong thực-tệ ngày nay, sông Cửu-Long mang ra biển hàng năm từ 400 đến 1.200 triệu thước khối phu-sa, bồi ngay mũi Cà-Mau lấn ra biển trung bình từ 60 đến 80 mét (2). Hiện-tượng ấy diễn-biển khá phức-tạp : nơi này lở, nơi kia bồi. Và nơi bồi không phải là được bồi tuân-tự. Nhiều nơi đang bồi nhanh chóng bỗng nhiên ngưng bặt 5, 10 năm hoặc vĩnh viễn. Ngay ở chót mũi Cà-Mau về phía Nam thỉnh thoảng đất lở cát lê vì ảnh-hưởng của hải-lưu (3). Từ mũi Cà-Mau trở lên phía Bắc đến vịnh sông Cái-Lớn (Rạch-Giá) bồi biển lan ra tuy chậm nhưng rõ-rệt, đáng kể (4). Chúng tôi thử đặt giả-thuyết : Hồi đầu kỷ nguyên Tây-lịch, nếu vùng Hậu-Giang có hình-thái như ngày nay thì ít ra diện-tích cũng nhỏ bé hơn nhiều ; bờ biển phía vịnh Xiêm-La & sâu trong nội-dịa ngày nay từ 5 đến 7 ki-lô mét. Vịnh sông Cái Lớn, Cái Bé có thể ăn đến chân núi Sập, chân núi Ba-Thê. Như vậy chúng ta mới không ngạc-nhiên khi nghe những lời đồn dồn cãi nhiều khi có thật : thí dụ như những chiếc ghe lớn có cột buồm nằm sâu dưới đất ở phía Tây U-Minh thượng, những dây vò sò, vò ốc nằm lộ thiên hàng ngàn thước ở Giồng Đá (Làng Bàn-Tân-Định, Rạch-Giá), và ở giữa khoảng núi Sập và núi Ba-Thê (5). Song song với vịnh Xiêm-La, mây con kinh Cái-Lớn — Cán-Gáo, Rạch-Giá — Hà-Tiên về sau này xáng đào rất khổ nhọc, tốn nhân công để đóng cù giữ bờ kinh vì đất thường lở sụp...

(1) L. MALLERET, *Antiquité du delta du Mékong*, Université de Hô-nội, 1954.

(2) Các nhà nghiên-cứu nêu ra những con số quá xê-xích nhau. Malleres : 1.500 miệu thước khối và 150 mét. (*Cochinchine, terre inconnue*, BSEI, 3e trimestre, 1943).

(3) Đang kể nhót là tai-sa-vap lở khu vườn dừa của ông hương quan Sang, đối diện kè Kênh cách đây không lâu.

(4) Trời Pháp thuộc, những giao kèo bồi đất thường quy định rõ quyền sở hữu về phần « lấn bồi »... trong tương lai đổi với những phần đất giáp ranh với bồi biển. Ở Xeo-Bản, cứ 7 hoặc 10 năm, các chủ đất thường đòi bồi đê lấn ra phía biển dù khai-thác đất « lấn bồi ».

(5) Hai vùng sô ốc này chưa được nghiên-cứu hoặc khai-quật kỹ-lưỡng — nhót là vùng thứ nhì mà dân chúng gọi tắt là SÔ ở gần Ông-En.

Mưa khá nhiều dọc theo duyên hải (1500 đến 2000 mm) vì gió mùa từ hướng Tây-Nam thổi tạt vào vịnh Xiêm-La. So với các vùng khác ở Nam-phần, chợ Rạch-Giá là nơi mưa nhiều nhất (2060mm) chợ Châu-Đốc là nơi mưa ít nhất (1125mm) (1). Mùa nắng rất «độc»; & những nơi thiều bóng cây, nước mặn dâng chảy lờ đờ giữa lòng rạch khô cạn, hơi bùn láy bắc lên nóng hỏi. Mùa Nam (tháng 6 — tháng 9 dương lịch) thường xảy ra bão nhỏ bất lợi cho ghe biển đi ra hòn.

Biển không sâu: ngoài khơi ngang chợ Rạch-Giá, cách bờ 15 hải-lý, nước sâu 2 mét (2). Khoảng với giữa Cà-Mau và Mi-Lai (400 kilô-mét), nơi sâu nhất là 65 mét. Thủy triều yêu nhung vì địa-thể bằng phẳng nên «nước rầm chảy thầu Nam-Vang». Ngày 30 âm-lịch, nước lớn hỏi 14 giờ tại Vũng-Tàu, 14 giờ 30 đèn mũi Cà-Mau. Vì ảnh-hưởng phía Ấn-Độ dương nên sông Bảy Háp (bên vịnh Xiêm-La) nước lớn rất trễ, sau cửa Bô-Đé (phía Nam-Hải) từ 1 đèn 2 tiếng đồng hồ.

Các sông rạch, kinh xáng ăn thông từ Hậu-Giang qua vịnh Xiêm-La chịu ảnh-hưởng tương-phản của hai phía nước lớn gặp nhau tại «giáp nước». Người dùng đường thủy cần khéo tính toán, tùy theo tốc-lực của thuyền mà chọn giờ khởi hành để có thể gặp nước xuôi trên một khúc sông ngắn.

Nơi chót mũi Cà-Mau, nước lớn phía Nam Hải dâng lên 3m, phía vịnh Xiêm-La dâng lên 0m50. Mây con rạch nhỏ bị nước bên Nam-Hải chảy lùn từ Đông sang Tây.

Qua mùa mưa, sông rạch cứ đứng linh-bình, nước xáo trộn tại chỗ gọi là nước «pha chè». Dưới đáy rạch, nước lớn từ biển chảy về rừng trong lúc nước mưa tràn rừng đổ xuống rạch, đòi chảy ra biển... Nước xanh của biển, nước đen của rừng tràm tạo nên một bức tranh độc đáo, rực-rỡ màu sắc.

(1) Theo J. Bousquet, sách đã dẫn trang 7, thí vùng rừng miền Đông Nam-phần, mưa nhiều hơn ở Rạch-Giá: Lộ-Ninh 2.330mm.

(2) Nơi mũi Varella cách bờ 3 hải lý, biển sâu đến 1.000 mét, xem M. DUFEIL, *Manuel de Géographie du Viêt-Nam*, trang 54.



Mùa mưa bão, vùng Bảy Núi thường đây chèo & giặc biển lúa là : (1) ^{nhái} Cát-Tát,
 (2) ^{mái} Tà-Pa, (3) ^{mái} Nam-Vi, (4) ^{mái} Cát, (5) ^{mái} Xát-Low, (6) ^{mái} Dài,
 Ngoài Bảy Núi : (7) ^{mái} Cát.
 Ở đây có khai mỏ Xitom-Lat ; (8) Bù Hòn, (9) Hòn Chồng, (10) hòn đảo pha Ranh-Gia,
 (11) Chợ Xát-Tát (Tri-tôn) và (12) chợ Cát-Me ở sát lối xe hơi.
 (13) Xóm Nam-Vi, chuyên săn côn trùng và nồi đất từ bao thời kỳ...

Từ Bắc chí Nam chúng tôi thử chia đất Hậu-Giang ra từng vùng (1) :

— KHU TÚ GIÁC GIỮA KINH VĨNH-TỀ VÀ KINH NÚI SẮP :
Đất thấp, hoang-vu, dãy Thàt-Sơn chiếm phần trung-tâm. Qua mùa lụt của sông Cửu-Long, «Bảy núi mây liền chim nhịp cánh, ba dòng nước chảy cá vênh râu». Chợ Châu-Đốc và chợ Long-Xuyên tuy ở nơi cao nhưng thường bị ngập (năm 1904, ở chợ Long-Xuyên, nước ngập đường phè từ 6 đến 8 tấc) (2). Đất ruộng quá siu thích-hợp với loại ruộng sạ. Qua mùa nắng, nước giựt xuồng, đất khô-khan, cỏ vàng cháy như sa-mạc, lồm-dồm tùng đoàn trâu bò tìm bóng mát bên mây cây gáo xơ-rơ. Sông rạch và kinh đào rất ít; trừ phía Nam, vùng Cái Sản.

— KHU TAM GIÁC RẠCH-GIÁ, THỒT-NÒT, KÈ-SÁCH : Kinh rạch khá nhiều, dẫn nước ngọt đèn Rạch Sỏi gần vịnh Xiêm-La.



BẢO-VỆ CỎ-THỦ

Bên sườn núi Cát, vì thiếu đất làm ruộng, dân chúng san bằng mây già nồng (A). Mặt đất trồi nón thấp, tuy nhiên mây cây cỏ-thủ được bảo-vệ, chỉ bị xén đất chung quanh (B); gốc cây đứng cao nghêu, gác đầu mặt gỗ nồng ngày xưa.

(1) P. GOUROU, (*L'utilisation du sol en Indochine française*) phần vùng cần cù vào mật độ dân số.

Chúng tôi cẩn cù vào hoàn cảnh sông ngòi, thảo-mộc.

(2) Xem thêm *Monographie Long-Xuyên*, Publications SEI, 1930.

Rạch Bình-Thủy, rạch Ô-Môn, rạch Cần-Thơ (Ba-Láng — Phong-Diên) có lẽ là nơi phi-nhiêu nhứt nhì của Nam-phán. Vườn cam quýt xum-xuê, mùa nước son, mỗi ngày đất phè-sa bồi lên bãi sông một lớp rõ-rệt (trên cầu ao ngập nước, đi không khéo thi trượt chân). Gốc quýt ở vùng Kè-Sách lớn như gốc khẽ, sòng hàng 15 năm mà chưa cỗi.

— VÙNG BA-XUYÊN : Đất trên giồng và chung quanh giồng đã khai-thác hèt. Giồng cát ở bờ biển Vĩnh-Châu nổi danh về vườn nhãn, rây, bên cạnh những ruộng muối.

— U-MINH THƯỢNG, U-MINH HẠ, MŨI CÀ-MAU : Rừng tràm mọc thưa, ước chừng 100.000 mẫu tây, choại bò lan, phủ lớp đất mêt-cật, dưới đất mêt-cật là đất sét (1).

U-Minh hạ gồm hữu ngạn sông Ông Đốc và rạch Cái-Tàu ấn trở ra biển. Giữa rừng tràm ẩm-u tư bể nước mặn, vùng đất



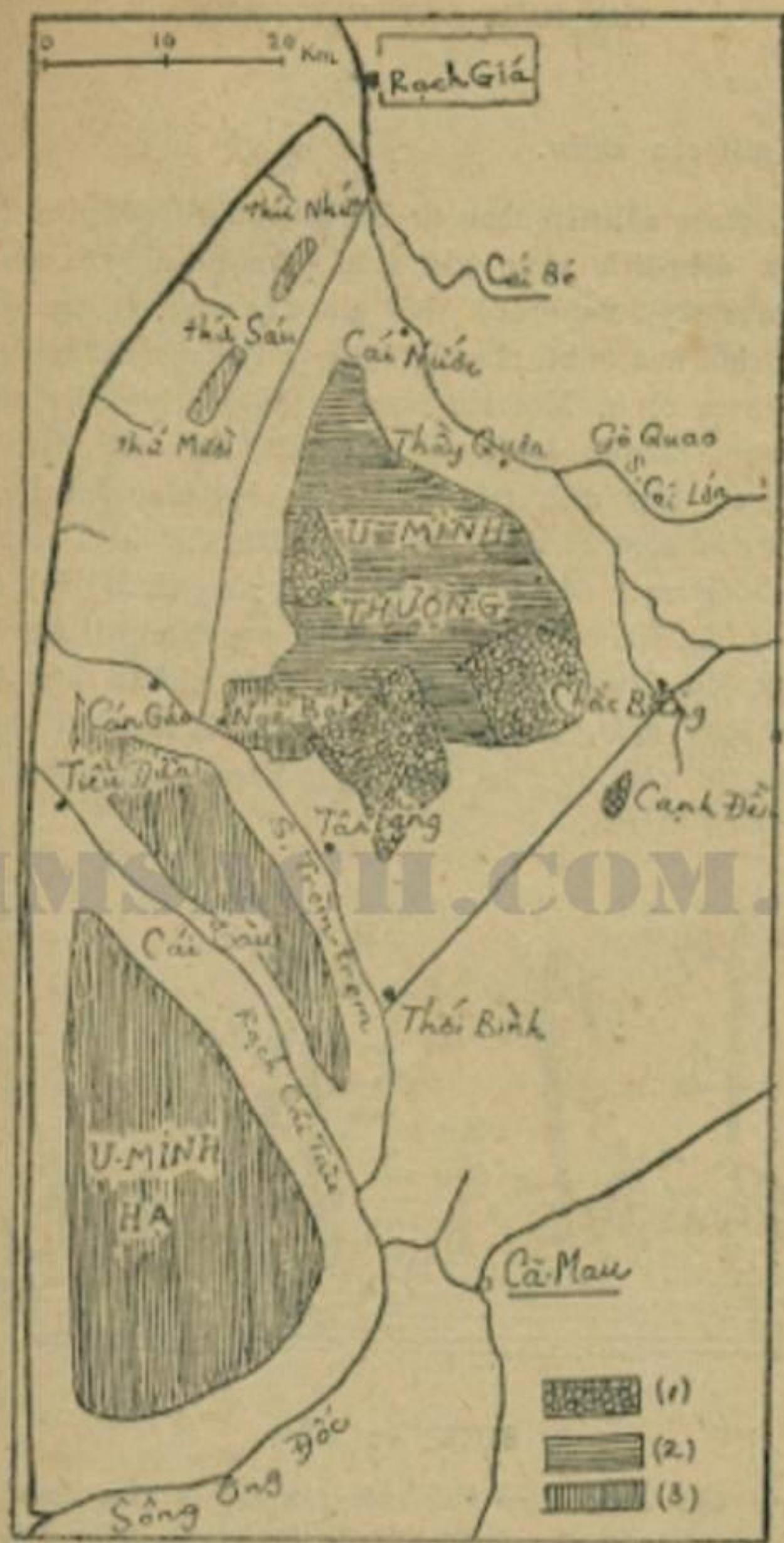
Vùng than bùn (*tourbière*) gọi là đất cháy, đất mêt-cật.

(1) đất sét — (2) tràm chồi — (3) mêt-cật rụng lá xuống thành thanh than bùn — (4) than bùn rút nước, móc lên có nước ngọt chảy ra — (5) kinh đào — (6) khoai mì.

Bề dày lớp than bùn từ 8 tấc đến 2 mét.

phuộc Cái-Tàu hiện lên như một đc-đảo phi-nhiêu không kém vùng nước ngọt (vườn trái, dâu, cam, mảng-cật, dứa...)

(1) CONSIGNY, Les forêts à bois de feu, Indochine, no 227, đã nghiên cứu kỹ-lưỡng vùng này.



U-MINH THƯỢNG, chung-quanh là xóm Cái Nước, Thầy Quan, Chắc-Băng (địa điểm Sân Chém ngày xưa), kế đến Tân-Băng, Ngã Bát. Vùng than bùn Chắc-Băng (rãy khóm), vùng than bùn Tân-Băng (rãy khoai mì.)

U-MINH HÀ chung-quanh là bờ biển, sông Ông Đốc, Rach Cái Tàu nối qua Rach Tiếu-Dừa (đường Gia-Long tầu-quốc).

(1) than bùn (đất mạt cát) — (2) rừng chèo, rừng tràm thưa thớt — (3) rừng tràm dày.

Ong mật còn nhiều.

Mùa, được nối tiếp nhau từ bãi biển mũi Cà-Mau chiếm non phần nửa diện-tích từng sác toàn Nam-phân (140.000 trong 300.000 mẫu tây). Được cõi thè cao đèn 20 mét, trực-kinh 80 phần (1), chồi non như sắn chừng 4, 5 ly khi trái được cõi treo lủng-lẳng trên cành. Một khi rụng xuống bãi bùn, lập tức chồi nở ra lá non, rẽ mọc dài trong sóng gió, bám giữ đất phù-sa. Thân trái cứ lớn mãi, trở thành gốc cây: hình ảnh ày tượng-trưng cho sức sống có thừa của người dân Việt luôn luôn không mệt-mỏi. Sông rạch đầy cá tôm như tên sông (Bảy Hấp), tên xóm (Năm Căn) (2). Hai bên bờ, dừa nước mọc thẳng, lá như cờ, đọt như gươm dài. Nước xoáy vào vịnh, khoét những «hố» ăn luồn, sâu thăm, lạnh ngắt, nơi cư-trú tốt của loài sứa đói khi hung-hăng. Cọp chỉ còn một hai con bình hoạn... phần lớn đều lùi vào giai-thoại xa xưa.



ĐƯỚC VÀ MĀM

- (1) Cây đước có rẽ hình chén nón (gọi là chén đước).
- (2) Cây mām và «rẽ gió» nhô trè lên mặt bùn (như rẽ bần).

(1) CREVOST et PETELOT, Catalogue des produits de l'Indochine (tome VI) và bài của M. Duges đăng trong tập ấy, trang 39-45.

(2) Bảy Hấp tức là nỗ con nước một mibang dày đã được 7 hắp (hắp, 1 đơn vị đo lượng 1). Năm Căn, ngày xưa với đó có 3 cửa dày giang ngang 1 stag.



TRÁI DƯỢC

Loại dược xanh ở Cà-Mau
trái dài từ 20 đến 25 phân
tay; khi già, trái mọc mọng và
rụng ngay nơi có chì mũi tên.

Bàn về khung-cảnh Hậu-Giang, chúng ta nên tránh những nhận-xét khái-quát. Cũng như ở những phần đất mới khai-thác khác, nơi đây là sự tèp-hop và dung-hòa mâu-thuẫn (*terre des contrastes*). Mây tiềng «sông rạch chàng chít» ở mũi Cà-Mau không thể áp-dụng được nơi vùng khá rộng giữa kinh núi Sập và kinh Vinh-Tè. Từ chợ Rạch-giá trở xuống phía Nam, trên khoảng bờ biển dài hằng ba bốn mươi kilô mét không thấy bóng dáng cây dược. Nơi không có muối và nơi muối nhiều nhất (Búng-tàu) vẫn nằm trong vùng nước ngọt Cần-thơ. Ở Thàt Sơn, Sóc Xoài phần lớn nhà cửa đều lợp bằng đưng, bằng tranh vì thiều lá dừa mọc tại chỗ. Giữa tư bể nước mặn, nước ngọt sôi lên từ lòng đất U-Minh thường như mạch suối. Nơi chót mũi Cà-Mau bùn lầy, bãi Viễn-An tuy không thơ mộng, tản thời nhưng cũng có cát mịn sạch-sẽ, xứng đáng cho người địa-phương đèn nghi mắt.

Nói chung, không có gì quá xa lạ. Vùng đồng bằng quá thấp ở chung quanh Thàt-Sơn là sự tiếp-tục của Đồng Tháp Mười (đất trấp nhiều phèn). Tỉnh Long-xuyên hơi giồng Sa-dec; tỉnh Cần-thơ như Vinh-Long (đất sét sông, đất phù sa); Sóc-trăng như Trà-vinh (đất sét biển, đất phù sa). Rạch-giá — Cà-Mau như vùng rừng tràm Đức-Hòa hoặc vùng Cần-Giuộc, Cần-Đước (Long-An). Sông Trèm-Trèm, sông Gành-Hào giồng như rạch Bình-Điền, rạch Thị-Nghè, bền Lò-Gồm & ngoại-đô Saigon (đất phù-sa chịu ảnh hưởng nước mặn), nhưng ở đây ô-rô, cốc-kèn, bần, lá dừa nước, vừng... to lớn hơn gấp bội.

II

TÙ MẠC-CỨU

TÌM SÁCH ĐẾN .COM.VN

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG

Vài nét lịch - sử trước khi Nam-Tiến



AC nhà khảo-cứu đã tìm gặp ở Hậu-Giang
khá nhiều tài-liệu : Bia cổ khắc chữ Phạn,
tháp cổ, các loại tượng thần Bà-La-Môn

Giao, các loại tượng Phật Giáo, sọ người, dụng-cụ bằng đá, di
tích thành-phò, kinh đào...

Sự giải-thích của các học-giả chưa được ôn-thoba, dứt khoát ;
nói chung chỉ là phỏng-định, đóng khung mỗi tài-liệu vào từng
thời-kỳ dài hàng năm ba thế-kỷ.

Để có một ý-niệm khái-quát, chúng ta không thể tách
rời những giai-doạn lịch-sử của đất Hậu-Giang ra khỏi lịch-sử
của nước Phù-Nam, của nước Chân-Lạp nói riêng — và lịch-sử
của các nước chịu ảnh-hưởng văn-hóa Ấn-Độ & Đông-Nam-Á
nói chung.

Thổ dân thời tiền-sử ở Hậu-Giang có lẽ thuộc giống Indo-

nésiea. Bộ sọ người tìm được ở Vinh-Hưng (Bạc-Liêu) chứng minh điều này (1).

Người Mon-Khmer tràn tới, xua các thô dân (lui qua miền Trung-kỳ hoặc miền Nam-Dương quần đảo), nhưng họ vẫn sống trong tình-trạng quá lạc-hậu, xài những dụng-cụ bằng đá chuột, đèn khoảng thế-kỷ thứ nhứt (Tây lịch) khi các thương-gia Ấn Độ vượt biển qua hướng Đông để tìm vàng, trầm hương, đậu-khầu.

Kaundinya từ miền Nam Ấn-Độ đến kêt duyên với Hoàng-hậu Liêu-Diệp ở vùng hạ lưu sông Mêkong, phô-biển văn-hóa Ấn-Độ và lập nên nước Phù-Nam. Kinh-đô bấy giờ ở vùng Ba-Nam, thuộc tỉnh Preyveng ngày nay, cách biển chừng 500 dặm. Hải cảng quan trọng nhất có lẽ là Óc-Eo ở chân núi Ba-Thê (nơi giáp giới tỉnh An-Giang và Kiên-Giang ngày nay) do các thương-gia Ấn-Độ tò chúc (2).

TÙ ĐẦY NƯỚC PHÙ-NAM hùng cứ suốt 5 thế-kỷ (I đến V) chinh phục các lân bang, đưa sứ giả qua Ấn-Độ (trào Murundas) và Trung-Hoa (đời Tam-Quốc).

Năm 357, một người quý tộc thuộc giống Nhục-Chi (Indo-Scythe) từ Ấn-Độ chạy sang Phù-Nam, được làm vua ở đây, du nhập luôn văn-hóa Ấn-Độ thứ nhì có sắc thái Ba-Tư (3).

Tóm lại, trước khi nước Phù-Nam bị tan-vỡ vì sự quật-khởi của tiều-quốc Khmer xưa kia là chư-háu (610), văn-hóa Ấn-Độ đã gieo nhiều ảnh-hưởng khá sâu đậm Bà-La-Môn Giáo, Phật-Giáo trong giới quý-tộc. Cuộc khai-quật ở Óc-Eo sau này đã vớt-vát được ít tài-liệu : Tượng thần Bà-La-Môn Giáo, Phật-Giáo, gương đồng đời Hán, mè-đai chạm hình hoàng đế La-Mã Antonin le Pieux

(1) E. GENET - VARCIN, *Les restes osseux des Cest-Rues*, BFEQ, tome XLIX fasc. 1, 1958.

(2) Xem G. COEDÈS, *Les Etats hindou-sés d'Indochine et d'Indonésie*, E. De Boccard, Paris 1948; P. PELLiot, *Le Fou Nan*, BFEQ, tome III.

(3) Người Nhục-Chi cũng đến đất Giả-Châu truyền bá Phật-Giáo, thời Bắc-Thục.

(152 sau kỷ-nguyên), nhiều con dấu khắc kiêu chữ Phạn hối thè-kỷ thứ hai — thứ năm, và các đồ trang sức (1).



CỜ VẬT, ÔC-EO

(1) Ngọc châm chìm (*intaille*) hình thiêng-nic đang dâng rượu cho thần lửa (tục Án-Đô).

(2) Đồng tiền vàng (*bracteate*) có châm hình hoàng-đế La-Mã Antonin le Pieux (năm thứ 15 tức 152 sau Chúa Giêsu). (Vẽ theo *Artibus Asiae*).

Suốt thè-kỷ thứ VIII, lại xảy ra nội-biên Nam-Bắc phàn-tranh. Thừa cơ, họ Cailendra & đảo Java nồi lên, đặt nước Chân-Lạp vào địa-vị chư-hầu (5), phò-biền Phật-Giáo đại-thừa. Nhưng đến đầu thè-kỷ sau, nước Chân-Lạp khôi-phục chủ quyền, dời kinh-đô về Angkor đạt mức hưng-thịnh vេ-vang với những kiến-trúc vi-đại Angkor Thom, Angkor Vat, tháp Bayon vào thè-kỷ thứ 12.

Dân tình tò ra uê-oái sau những năm phục-dịch để xây cất đền-dài và chinh-chiền... Phật-Giáo tiêu-thừa du nhập, gây ảnh-hưởng trong giới binh-dân (6). Nước Chân-Lạp bắt đầu suy-đổi khi người người Thái (Xiêm) nồi dậy chống trả, lập thành vương

(4) G. COEDÈS, Le site de Gò Ôc-Eo, *Artibus Asiae*, tome X/3, 1947, trang 193-199.

Cuộc khai quật này quá trễ, dân chúng đã bón vắng trước 5, 6 năm... số người quá đông đảo, có hối hận, tiêm quan thường trực...

(5) Phải chăng vì cuộc chinh-phạt này mà hải cảng Ôc-Eo bị tàn phá? Xem VOYAGE DU MARCHAND ARABE SULAYMAN... Ed. Besson, Paris, 1922, trang 98-99.

(6) Xem G. COEDÈS, Une période critique dans l'Asie du Sud-Est, le 13e siècle, BSEI, No 4, 1958 — Lý do suy-dỗi vì tôn-giáo của Coedès nếu ta không được vững-vi người Thái cũng theo Phật-Giáo tiêu-thừa.

quốc riêng biệt ở phía Tây. Trước áp-lực của quốc-gia đây sinh-lực này, người Chân-Lạp bỏ vùng Angkor dời về phía ngã tư sông Cửu-Long tức Nam-Vang ngày nay. Ày cũng nhầm lúc người Chiêm-Thành bỏ Phật-Thệ (1471) trước làn sóng Nam-Tiền của người Việt. 40 năm sau, người Bồ-Đào-Nha chiếm Malacca (1511), lần đầu tiên thực-dân Tây Phương đặt chân vào miền Đông-Nam-Á. Nhưng hai quốc-gia đây sinh lực Việt-Nam và Thái tiếp-tục đường Nam-Tiền, suốt hai thế-kỷ mãi tranh chèp nhau; những trận đánh cuối cùng xảy ra ở Hậu-Giang vào ~~dời~~ Minh-Mạng.

Di-tích của nước Chân-Lạp & Hậu-Giang phần lớn đều thuộc vào khoảng tiền Angkor (thế kỷ thứ VII, thứ VIII) tập trung chung-quanh các đồi núi: tượng thần Civa và «Bà chúa Sù» (Núi Sam), tượng Vishnu, Brahma (núi Ba-Thê), tượng Phật (Hòn-Sóc), thần Hari-Hara (núi Ba-Thê), bia đá ở núi Ba-Thê, núi Cô-Tô, núi Sam, tháp Vinh-Hưng (có bia ghi năm 892). Nói liền các khu-vực này có con kinh đào từ Ba-Thê ra vịnh Xiêm-La, từ Ba-Thê lên Thủ-Sơn, thẳng về Angkor Borey (1).

Trong thời-gian là lãnh-thổ của Chân-Lạp, đất Hậu-Giang giữ khá nhiều tánh chất địa-phương tự-trị nhờ nền kinh-tế tự-túc; vì đường giao thông đèn kinh đô thật xa xôi. Trung-tâm quan-trọng nhất là vùng Ba-Thắc (Sóc-Trăng) (2). Thời ấy, dân số không quá đông đảo như chúng ta thường có ý-thức. Họ sống tập trung theo chân núi và các giồng cát; làm ruộng, lập vườn, bắt cá trong mức vừa đủ ăn cho gia-đinh. Cách xóm chừng trăm thước là rừng tràm âm-u, bờ sông dày bít cây cỏ. Dân chúng không muôn và ít dám động tới vùng «đất thiêng»: cọp, sàu, voi, rắn, chim-chóc tha hồ tung-hoành như mãi đèn hói đầu thế kỷ thứ XX chúng ta còn thấy.

Theo thống-kê năm 1886, bên cạnh 100 người Việt-Nam, số người Miên là 114 ở Rạch-Giá, 84 ở Trà-Vinh và 80 ở Sóc-Trăng. Tỷ-lệ ấy sụt dân, đến năm 1930 chỉ còn có 38 ở Rạch-Giá,

(1) L. MALLERET, *Catalogue du musée Blanchard de la Brosse, Cochinchine, terre inconnue*, BSEI, 3^e trimestre, 1943.

(2) Xem lời truyền khẩu trong *Monographie Sóc-Trăng*.

49 và 47 ở Trà-Vinh, Sóc-Trăng (1). Lý do chánh-yếu là người Việt ở miền Tiên-Giang tràn xuồng lập-nghiệp quá nhiều. Đến khoảng năm 1930, dân số ~~người~~ Miền tăng lên gấp ba lần so với khoảng 1886. Điều này chứng tỏ rằng người Việt-Nam và người Việt gốc Miền vẫn sống trong bối cảnh không-khi thuận-hòa... Những cuộc xô-xát (cấp duong) nêu thịnh-thoảng có xảy ra thì đều do bàn tay của thực-dân, hoặc của bọn tà đạo xúi-dục và chỉ gây thiệt-mạng một số người rất ít. Luận-diệu « Nếu không có người Pháp đến làm trọng-tài thì người Việt đã tiêu-diệt người Miền » vẫn là mảnh-khúc chia rẽ đế-trị của bọn thực-dân. Giới binh-dân Việt-Nam và Cao-Miền gắp nhau ở sự tôn-kính Phật-Giáo; điểm đồng-giữa tiều-thừa và đại-thừa gần như không đáng kể vì họ không chú-trọng đến những vấn-de siêu-hình, quá lý-thuyết.

Cuộc tranh-đấu giữa khôi Indo-européen và khôi Touranien đã vẫn ở đất Hậu-Giang! Chỉ còn hai nước lớn Trung-Hoa và Ấn-Độ chia nhau ảnh-hưởng văn-hóa, chính-trị từ đầu kỷ-nguyễn, ở Nam-Kỳ nói chung và Hậu-Giang nói riêng! Dưới sự cai-trị của thực-dân Pháp, họ vẫn còn giữ ưu-thê năm việc mua bán lúa gạo, cho điện-chủ vay bạc khẩn đất... như sau này — năm 1930 — ta thấy rõ-rệt nhứt. Âu đó cũng là tất-yếu của địa-lý và lịch-sử.

(1) J. BOUAULT, *La Cochinchine*, IDEO, Hà-nội 1930, trang 20.

//

*Mạc-Cửu thành-lập 7 xã
suốt Vịnh Xiêm-La*

FIMISACH.COM.VN



AM 1658, vùng Mô-Xoài (Bà-Rịa — Biên-Hòa)
được chánh-thức sáp-nhập vào lãnh-thổ
Việt-Nam.

Hai mươi năm sau (1679), bên Trung-Hoa xảy ra một biến cờ lớn: quân Mân-Thanh đuổi nhà Minh, xâm chiếm tới vùng Phước-Kiền. Quan nhà Minh là Dương-Ngạn-Địch và Trần-Thắng-Tài vì không hàng-phục nhà Thanh nên đem 3.000 quân và 50 chiến thuyền đến Cửa Hòn, yết-kiến chùa Hiền, xin cư-ngụ ở Việt-Nam.

Tình-thì ày thật e ngại, khó xử : cuộc Nam-Bắc phân tranh vừa lلي sông Gianh làm giới hạn, nhà Thanh đang thắng thè, thông-trị hâu hết lãnh-thổ Trung-Hoa. Chùa Hiền đưa ra một kế hoạch đồi phó chứng tỏ Chúa là người có thiên-tài về chánh-trị: dung-nạp lập-túc các trung-thần nhà Minh nhưng đưa họ di nơi xa, vào đất Đồng-Phò (Gia-Định) mà khai hoang.

Họ chia nhau vùng Lộc-Dã (Biên-Hòa) và Mỹ-Tho (Định-Tường).

Vào khoảng năm 1695, một người Trung-Hoa trẻ tuổi tên là Mạc-Cửu đãn đền đất Cao-Miên, vịnh Xiêm-La, nơi vùng Sài-Mạt. Mạc-Cửu rời phủ Lôi-Châu (tỉnh Quảng-Đông) hồi 17 tuổi (1671) xuông miển Nam-Hải, từng ghé qua Phi-Luật-Tân và Batavia (Nam-Dương) (P.P). Trên hai mươi năm lưu-lạc nơi đất khách đe tìm cơ lập nghiệp đã đem lại cho Mạc-Cửu nhiều kinh-nghiệm già dặn (1).

Đất Sài-Mạt (2) thuộc ày là nơi gặp gỡ của các tay giang-hồ quắc-tè: Mã-Lai, Xiêm, Trung-Hoa, Việt-Nam và là nơi mà người Bồ-Đào-Nha đã từng đến mua bán từ trước (PP). (3)

Dân ở đây sống bằng nghề buôn lậu, ăn cướp biển. Nhờ tài thao-túng lanh lợi, Mạc-Cửu đền Nam-Vang (TH.C.) yết-kiện vua Cao-Miên, được vua mời & lại lo việc thương-mãi trong và ngoài nước. Mạc-Cửu đút lót tiền bạc, vận động với bọn cận thần và ái thiếp của nhà vua để xin phép đền vùng đất Mang-Khám (4) chiều mộ các thương-gia, lấy cớ là làm vậy sẽ giúp nước Cao-Miên đặc lực hơn. Vua Cao-Miên đồng ý, phong chức Ông-Nha (5), Mạc-Cửu đền cai quản vùng Mang-Khám, tức là nơi huyện-ly Hà-Tiên ngày nay.

Cứng tội soạn theo những sù-liệu do Gaspardonne sưu-tập (EMILE GASPARDONNE, Les Choses des mers du Sud, le fondateur de Hà Tiên, *Journal et alio*, 1952, trang 253-283). Vì các nguồn sù-liệu không giống nhau về chi tiết nên chúng tôi ghi chép như sau bên cạnh :

(P. P) — PIERRE POIVRE, *Voyages d'un philosophe*.

(L. TR) — Đại-Nam Liệt Truyện.

(TH. C) — *Gia-Dịnh thành [thông chí] của TRỊNH-HOÀI-ĐỨC*.

(G. P) — *Mạc thị gia-phả* của VÔ THẾ DOANH.

(TH. L) — *Đại-Nam Thực Lục*.

(1) TH. C ghi Mạc-Cửu đi hồi năm 1680, "sau khi vùng Quảng-Đông lật trào vào tay Giang-Thành".

Nhưng năm 1671 (G. P) hoặc 1680 (TH. C) có lẽ là năm rời đất Quảng-Đông chứ không phải là năm đầu Hà-Tiên.

(2) Àm lịt tên vùng Banay-Méss (thành bằng vàng) nơi cao nguyên phát sinh cách Giang-Thành. Hà-Tiên hoặc Phan hoặc Phương Thành... àm chỉ thương cảng ngã sáu rạch Giang-Thành, thuộc vùng Banay-Méss (Sài-mạt).

(3) R. CASTEX, *Les rivages indochinois*, Berger-Levrault et Cie, Paris, 1904, trang 6 thuật lại chuyện có người gặp ở chùa Hang loại tiền Tây-Ban-Nha ghi năm hiệu 1604-1699.

(4) Mang-Khám, một tên khác cũng chỉ vùng thương cảng Hà-Tiên, àm lịt tiếng Cao-Miên : Mang-Khan.

(5) Tiếng Miên OKNHA, một chức vụ cao cấp như tinh trưởng.

Việc thâu thuế hoa-chi các sông bắc & nơi đây đem lại rất nhiều huê-lợi. Nhờ vậy, Mạc-Cửu đã khéo-léo bỏ tiền ra chiêu mộ rất nhanh chóng những lưu dân về cư-ngụ để làm hậu-thuẫn riêng. Bảy xã được thành lập rải rác từ biển-giới Xiêm xuống đền chót mũi Cà-Mau :

- Hương-Úc
- Trung-Kê
- Cần-Một
- Giá-Khê
- Cà-Mau
- Phú-Quốc (L. TR.) (1)

Ý-thức chiêm cứ đất đai ấy nhằm việc phát-triển bê-tông chiêm trọn duyên-hải, lấy Hà-Tiên làm trung tâm. Phía Bắc, phía Nam, phía mặt biển đều có cơ sở bảo-vệ, phía hậu-bờ là vùng hoang vu không quan-trọng.

Nơi mũi Cà-Mau bùn lầy, Mạc-Cửu đã khéo-léo bỏ vùng, duyên-hải, vào nơi trung tâm đất liền, nhờ đó mà kiểm-soát được toàn bộ mũi Cà-Mau, qua đền phán duyên-hải phía Đông thuộc Nam-Hải.

Các thương thuyền từ Ngũ-Quảng (Trung-kỳ), Hải-Nam, Xiêm La đến Hà-Tiên mua bán tấp nập. Dân chúng bắt đầu sản-xuất được lúa gạo đủ ăn. Hải cảng trở nên phồn-thịnh.

Quân Xiêm-La dòm ngó, cử binh sang đánh phá, thâu đoạt của cải (L. TR.).

(1) Hương-Úc hoặc Hương-Áo hoặc Vàng-Thơm tức là vùng Kompong Som.

Trung-Kê hoặc Lang-Kỳ tức là vùng Réam.

Cần-Một hoặc Cần-Bột hoặc Cần-Vợt tức là vùng Kampot.

Giá-Khê, tức là Rach-Gia. Khê : khe nước. Giá : một loại cây sặc-mi loài ong mật thích làm ồ.

Xã thứ bảy là nơi chợ Hà-Tiên.

Hà-Tiên lúc ấy chưa được phong-thù (1), quân Cao-Miên thi không kéo tới ứng phó, Mạc-Cửu đánh bộ thành mà chạy, được mời sang Xiêm-La để giam lỏng. Trước sự cưỡng bách ấy, Mạc-Cửu tuẫn theo tối xin lưu-trú tại hòn Vạn-Tuè thuộc hải phận Xiêm-La (G.P.) (2). Thừa cơ Xiêm-quốc có nội loạn, Mạc-Cửu lén trốn vào lục địa, tại Trung-Kê. Thời gian sau, nhận thấy địt-thè nơi đây chật hẹp, không thuận-lợi, Mạc-Cửu trở xuống Hà-Tiên như trước, cò gáy dựng lại cơ-nghiệp.

Bây giờ có quan mưu-sĩ họ Tô bàn với Mạc-Cửu nên thán phục Nam triều đê nhờ sự bảo-hộ, phong khi bị ngoại bang xâm-lấn.

Rất dè dặt, Mạc-Cửu cho sứ giả đèn dọ ý Chúa Nguyễn & Hué, xin dâng phản đàt đã khai khẩn. Ấy là năm 1708 (L. TR. và TH. L.) (3).

Chúa Nguyễn đồng ý. Ba năm sau (TH. L.) (1711), Mạc-Cửu đích thân đèn kính đô Hué đê tạ ơn. Minh Vương đón rước long trọng và đặt tên chánh-thức phản đàt ấy là Hà-Tiên Trần, phong Mạc-Cửu chức Tông-Binh.

Trở về Hà-Tiên, Mạc-Cửu xây đón đáp lũy, tổ-chức bộ máy quân-sư, chánh-trị; dân chúng kéo đèn tấp-nập xin cư ngụ. Việc mua bán được phồn-thịnh hơn trước.

Năm 1715, quân Xiêm lại tấn-công Hà-Tiên lần thứ nhì (L. TR.) (4), lầy cờ là đưa Nặc-Thâm về nước, vơ vét của cải rồi rút lui. Mạc-Cửu chạy lên Trung-Kê. Mạc phu-nhơn (5) hạ sanh nơi đây đứa con trai là Mạc-Thiên-Tích, cũng gọi là Thiên-Tứ.

(1) Đây là lần cuộp phá thứ nhất. Theo L. TR., còn một cuộc cuộp phá thứ nhì vào năm 1715. G. P. chỉ chép một cuộc cuộp phá duy nhất (có lẽ lần thứ nhì) đời Mạc-Cửu. Vì nhập ba cuộc cuộp phá làm một vào REGNIER (*Histoire militaire de la régence d'Haï-tnam, Revue Indo-chinoise*, Juillet 1905) và CH. MAYEON (*Histoire moderne du pays d'Annam*, trang 126) đã ngày Hà-Tiên sáp nhập vào lãnh thổ Việt-Nam quá khứ, năm 1724.

(2) Vạn tuế son hải tần : Chứng tài không rõ vị trí đảo ấy...

(3) Th. L. phân biệt việc dọ ý của sứ-giả với cuộc lai kinh về sau của Mạc-Cửu. G. P. và Th. Ch. ghi năm 1714, có lẽ vì không phân biệt hai việc.

(4) G. P. ghi một cuộc tấn-công duy nhất, tức là cuộc tấn-công (thứ nhì) này.

(5) Tên Bùi-thi-Lim, người trên Bốp-Hoa, vùng Đồng-Mỹ.

Mạc-Cửu trở lại Hà-Tiên, chỉnh-đốn thành-quách, quân ngũ. Hà-Tiên sống những năm thanh-binh, thanh-vượng.

Năm 1735, Mạc-Cửu thọ bịnh mà mất, hưởng 81 tuổi, sau 41 năm cai trị (1).

Mạc-Thiên-Tú, lúc ấy mới 18 tuổi (2) dâng biểu về Huế báo tin.

Ninh-Vương truy tặng Mạc-Cửu là Khai-Trần, Thượng trụ quốc, Đại tướng quân Võ Nghị Công, nhìn nhận Mạc-Thiên-Tú là kè kè nghiệp, phong Mạc-Thiên-Tú làm Tông-binh đại đốc của trấn Hà-Tiên, giao quyền-hạn rộng hơn (như được quyền lập trường đúc tiền kẽm...)

Mạc-Thiên-Tú tiếp-tục sự-nghiệp của cha, cảng-cờ vùng Rạch-Giá — Cà-Mau. Rồi từ Rạch-Giá tiến qua phía Đông, theo sông Cái Lớn, lập Trần Di (1737), nỗi liền Trần Di là Trần Giang (Cần-Thơ) tận hữu ngạn sông Ba-Thác.

Năm 1757, Nặc-Nguyên chết. Người chú là Nặc-Nhuận hiền vung Trà-Vang (Trà-Vinh — Bến-Tre) và Ba-Thác (Sóc-Trăng, Nam Bạc-Liêu) để xin được phong vương. Nhưng Nặc-Nhuận bị người rě soán ngôi. Cháu của Nặc-Nhuận, Nặc-Tôn (con Nặc-Nguyên) chạy sang Hà-Tiên cầu cứu với Mạc-Thiên-Tú.

Võ-Vương chấp-thuận, ra lệnh dẹp loạn ở Cao-Miền, đưa Nặc-Tôn về nước.

Để tạ ơn ấy, Nặc-Tôn hiền cho Võ-Vương vung Tám-Phong-Long (Châu-Đốc — Sa-Đéc). Riêng về công ngoại-giao, Mạc-Thiên-Tú được Nặc-Tôn cát cho năm phủ: Hương-Úc (Kom-

(1) Sinh năm 1655, mất năm 1735, thọ 81 tuổi (tuổi 10). C. P. chép Mạc-Cửu cai trị Hà-Tiên hơn 40 năm; do đó chúng ta phỏng đoán Mạc-Cửu đến vào khoảng $1735 - 40 = 1695$ nghĩa là lúc đến Hà-Tiên, Mạc-Cửu đã non 40 tuổi.

(2) Nếu nhận rằng Mạc-Thiên-Tú sinh tại Tứ-S-Ké lỷ chay loại thứ nhì (1715) thì khi tự tử bên Xiêm, Mạc-Thiên-Tú sống hơn 60 tuổi. Theo C. P. thì Mạc-Thiên-Tú lỷ từ vào năm hơn 70 tuổi.

pong Som), Cán-Bột (Kampot), Sài-Mạt (Bantay-Méas), Chung-Rùm (Chal-Chun), Linh-Quỳnh (Raung-Veng). Vùng duyên hải phía bắc Hà-Tiên này, Mạc-Thiên-Tú đều dâng cho nhà Nguyễn.

Thì là trong vòng một thế-kỷ (1658 — 1759) trọn vùng Thúy Chân-Lạp từ Biên-Hòa đến mũi Cà-Mau đã trở thành lãnh-thổ Việt-Nam. Từ hai bên sông Cửu-Long, gần biển giới, đồn lũy được xây-dựng lên : Tân-Châu đạo (cù lao Giêng), Châu-Độc đạo, Đông-Khẩu đạo (Sa-Đéc). Phía vịnh Xiêm-La, ngoài trấn Hà-Tiên được phòng-thủ chắc-chắn còn có Kiên-Giang đạo (Rạch-Giá) và Long-Xuyên đạo (Cà-Mau), để gìn giữ ven biển. Công lao sau cùng ấy, phần lớn là của ông Nguyễn-Cư-Trinh, người đã từng cát-trại, mò đồn-diễn ở vùng Quảng-Ngãi để trị giặc mọi Đá-Vách và soạn quyển Sài Vãi nêu cao tinh-thần tích-cực của nho-sĩ Việt-Nam.

TIM SACH . COM . VN

Hà-Tiên thời Mạc-Thiên-Tứ, hưng-thịnh và suy-vong



UNG Hà-Tiên đã là lãnh-thổ của Việt-Nam trước khi có vùng An-Giang. Dưới thời Mạc-Cửu và Mạc-Thiên-Tứ, nơi đây đã có bàn tay khai-thác của người Việt-Nam. Họ sanh-hoạt trước khi có lệnh của vua Tự-Đức ban-hành chè-độ đốn-diến hàng 150 năm.

Trong hâu-quốc tự-trị của họ Mạc, lúc mới lập bầy xã, họ sống theo qui-chè điền-địa nào ? Du-ký của Pierre Poivre ghi rằng họ được trọn quyền sở-hữu, không nhiệm-vụ nào ràng buộc với chủ đất, ngoài ra lại được cấp phát những nông-cụ cần-thiết. Chúng ta tin rằng vì cần tạo gấp một địa-bàn rộng lớn để làm áp-lực với vua Cao-Miên, Mạc-Cửu sẵn sàng đưa ra những điều-kiện chiêu-mộ quá dẽ-dãi trong hoàn-cảnh đất rộng người thưa, không cần lây việc thâu địa-tô làm huê-lợi chánh. Mạc-Cửu nắm trong tay trọn guồng máy thương-mại. Dân chúng tất nhiên sẽ mua hàng hóa vào và bán sản-phẩm ra khi mùa

mảng thịnh-vượng. Sự trung gian ấy nhất định đến bù lại những sò vòn khai-thác mà Mạc-Cửu tung ra lúc ban đầu (1).

Có thể là dân chúng cư ngụ trong vùng thoát ngoài vòng kiểm-tra dân sò, tự-tiện thay đổi chỗ & mà không cần khai báo. Hoàn-cảnh đja-lý, nguồn lợi thiên-nhiên thúc dục họ. Ta thử hình-dung cuộc sống phiêu-lưu của người dân vùng vịnh Xiêm-La thời ấy. Hôm nay thì bơi xuống theo sông rạch để vớt sáp ong, ngày mai thì theo vài người bạn đi tìm săn chim. Mùa mưa giết chim, họ ra biển đánh lưới. Lồng chim, sáp ong, cá khô... vì quá nhiều nên họ sẵn sàng bán lại với bất cứ giá nào cho các thương buôn Hải-Nam để xuất-cảng ra ngoại quốc. Rồi thì họ đi ghe biển đèn Rạch-Giá để ăn uống, cờ bạc cho thỏa-thich. Họ không cần lo đèn ngày mai vì ngày mai còn dành cho họ nhiều thú vị mới. «Người đời muôn sự của chung, Hợp nhau một tiếng anh hùng mà thôi». «Bầu trời đất dọc ngang ngang dọc». Sau khi sạch túi, họ ra khơi, tìm hòn Nhạn để hốt trứng chim, nhìn mây nước xa vời, thả hồn ao ước một cuộc viễn-du đèn tận bên kia Vịnh. Họ là người cực khổ, đèo dai, chịu đựng muỗi mòng, rắn rít, cọp sâu giòi nhứt và cũng là người hào-hiệp, lăng phỉ nhứt, đồng tánh chắt với những người cũng đồng thời đi tìm vàng, mua bán da chồn tận bên kia biển Thái-Binh-Dương, & Gia-Nâ-Đại, & Mỹ, & Ba-Tây (2).

Cuộc sống đã tạo cho họ nhiều đức tính và nhiều tật xấu : máu «anh chí», trọng nghĩa bạn bè, sẵn sàng kết thân và hy sinh với người lạ miến là người ấy tỏ ra rộng lượng, anh hùng như minh ; không phân biệt giàu nghèo, chủng tộc ; vô kỷ-luật ; thích biếu-dương vô lực để giải-quyết mọi xung đột ; ưa hài-hước, lăng phỉ, tự đắc. «Xứ đâu thị tứ bằng xứ Kinh Cung, Trầm xanh cùi lục anh hùng thiều chí».

(1) Lối doanh-thương này, hồi tiền-chiến người Hué-Kiều hay các ấp-dụng & Hậu-Giang. Họ bán chủn tất cả hàng-hóa cần-thiết cho những người duong «cà-ròn». Đến mùa, tất cả cà-ròn sản-xuất được phải bán lại độc quyền cho họ.

(2) Xem thêm NEVINS and COMMAGER, *Petite histoire des Etats-Unis, Overseas edit*, chương IX, trang 166.

ROGER BASTIDE, *Brésil, terre des contrastes*, Hachette, Paris, 1957, trang 134.

Nhưng người Việt-Nam ta vốn chuộng việc canh-nông và ngư-nghiệp. Phần lớn tìm cách định-cư, phá rừng, cuốc rẫy, trồng dừa, trồng tre, đào mương. Nhà cát sờ-sài, rái-rác theo mé sông cái, trong ngọn rạch, nơi ven rừng. Biển cũng là một nguồn lợi cần khai-thác nhanh. Tại cửa sông, vàm rạch gần duyên hải vịnh Xiêm-La, những căn chòi đơn-sor dựng lên kè bên những sào phơi lười, những trại có sàn, cát cao cảng lùm nơi trú-ẩn tạm thời trong mùa đóng đáy (trại đáy).

Mạc-Cửu mắt lúc Hà-Tiên đang ở trên đà hưng-thịnh. Mạc-Thiên-Tú tuy trẻ tuổi nhưng rất xứng đáng là kè kè-vị, tỏ ra có tài kinh-bang tè-thè.

Nếu thời Mạc-Cửu là giai-doạn tập-hop và tổ-chức thì thời Mạc-Thiên-Tú là giai-doạn củng-cô và phát-triển. Vừa mới chấp-chánh, Thiên-Tú lập thêm Trần Di, Trần Giang. Cũng vào những năm ấy, lại đây lui được một cuộc tấn-công của quân Xiêm (1). Đồng thời, con rể của Thiên-Tú là Từ-Hữu-Dung chinh-phat được bọn cướp biển lợi hại do tên Đức cầm đầu.

Triều-đình rất đòi vui mừng ban cho bòn đao Cáo-thân tức là bàng-sắc Cai Đội để Thiên-Tú tùy ý cấp cho tướng-sĩ có công.

Việc văn-hóa được Thiên-Tú trực-tiếp khuyễn-khích. Tại Hà-Tiên, ngoài những chùa Phật như Tam-Bảo, Phù-Dung lại còn có miếu thờ Không-Tú, nơi tè Thần Nông... Đặc-biệt là có trường nghĩa-học dạy giúp những con em nghèo khó.

Các nhà sư ở Qui-Nhon, các nho-si ở Phước-Kiền được dời đến. Chiêu-Anh Các là bội tao-dàn đón rước các tao-nhân mặc khách. Mười cảnh đẹp của Hà-Tiên trở nên đấu-de xướng-hoa giữa các thi-si Trung-Hoa và Việt-Nam. Lần đầu tiên, đất Hậu-Giang ghi một điểm son trong lịch-sử văn-chương toàn-quốc.

(1) Về quát-ty, họ Mạc thất bại lỗn-miễn, duy có một số này là thắng.

Thương cảng Hà-Tiên vô cùng tấp-nập, liên-lạc với Xiêm, Cao-Miên, Việt-Nam, Trung-Hea, Mã-Lai... Các món hàng xuất cảng là gạo, sáp ong, ngà voi (1), con đồn-đột, cá khô, tôm khô, thịt bò khô (2). Địa-danh Cảng-Khẩu Quốc (tức thương cảng Hà-Tiên) đã xuất-hiện trong các bộ Hoàng-Triều Văn-Hiền Thông-Khảo với lời khen-ngợi của sứ-gia đời nhà Thành. Doãn-Đại-Ma, Côn-Đại-Ma (tức Sài-Mạt — Bantay-Méas) được ghi chú trong Gia-Khánh Trùng-Tu Nhút Thông Chí, Hải Quốc Văn Kiến Lục cũng thời ấy.

Các bến-đô hàng-hải, các ký-sự của vài thương-gia Pháp, Anh: Pierre Poivre, J. Crawfurd, Hamilton đã nêu rõ địa-diểm Ponthiamas, Po-Taimat, Ponteaméas (Sài-Mạt) hoặc Cancso, Kongkao, Athiene, Hattian... (Hà-tiên).

Về chính-sách đồi ngoại, Thiên-Tứ sẵn-sàng đón nhận và cho lưu-trú những người tị-nạn. Các quốc vương Cao-Miên: Nặc-Nguyễn, Nặc-Tôn đến Hà-Tiên nhờ sự trung-gian của Thiên-Tứ để thương-thuyết với Chúa Nguyễn. Các nhà truyền-giáo Thiên-Chúa từ Xiêm lánh nạn được cư-ngụ tại Hòn Đất (1765) (3); năm (1767) Thiên-Tứ lại đón nhận Bì-Đa-Lộc.

Năm 1768, Xiêm Quốc có cuộc đảo-chánh. Thiên-Tứ tước Chiêu-Thúy, con của vua Xiêm vừa bị truất-phè.

Vua Xiêm đương thời là Trịnh-Tân yêu cầu Thiên-Tứ trả lại thái-tử lưu-vong nọ để diệt hận hoạn. Thiên-Tứ bèn sai con rể là Tử-Hữu-Dụng đem 100 chiến-thuyền đậu án-ngữ thành Vọng-Các nhưng thất bại nặng vì bị giông bão và bịnh thời-khi. Tử-Hữu-Dụng chết dọc đường.

Mạc-Thiên-Tứ phái một cánh quân khác tấn-công Chơn-Bùng

(1) PIERRE POIVRE, Journal d'un voyage à la Cochinchine de H. CORDIER dans *Revue de l'Extrême Orient*, 1884.

(2) Theo Hoàng-Triều Văn-Hiền Thông-Khảo.

(3) Cần-Réam, đây là Đặng-Tử-Son, không phải Tây-Tử-Son (Hòn Đất) ở duyên-hà Rạch-gá.

(Chantaboun), tuy đánh thắng nhưng phải rút lui vì binh dịch thời khí làm tiêu hao mồi ngày cà trát quân sĩ (1769).

Đất Hà-Tiên theo đà thất-bại nguy khôn ày mà bước lắn vào cuộc suy-vi, khôn sao cứu vãn nổi.

Nhiều cuộc nội biến xảy ra, tiếp theo hàng năm một, khiên toán quân của Thiên-Tứ càng mệt mỏi : tiêu trừ bọn cướp biển do Hoắc-Nhiên cầm đầu (hùng cứ nơi đảo Cô Dụ chuyên cướp phá các thương thuyền ra vào hải cảng), truy nã bọn Trần-Thái (1) nổi dậy từ Bạch-Mã (Kép) toan kéo xuống chiếm cứ Hà-Tiên. Lại có ám-mưu nổi loạn của Nặc-Phòn, của bọn lưu manh Cán-Vợt, Vũng-Thơm. Bọn này do Phạm-Lam cầm đầu, hợp với một số quân si đào ngũ. Lực lượng của bọn chúng khá mạnh : 800 tên, 50 chiến thuyền, kéo đến đánh Hà-Tiên bằng hai mặt thủy bộ.

Tuy giết được bọn đầu đảng Phạm-Lam và Kê nhưng Thiên-Tứ không dặng an tâm, liên dặng sợ về triều bão-cáo tình-trạng. Nguyễn Vương (2) bèn súc cho quan diêu-khiên ở Gia-Định hãy sẵn sàng tiếp-ứng khi Hà-Tiên có việc binh.

Đúng như sự dự đoán, năm sau (1771) Xiêm Vương động binh, Mạc-Thiên-Tứ cặp bão. Quan diêu-khiên ở Gia-Định lúc bấy giờ là Tòng-Vân-Khôi cho là hoang báo (3). Cuối năm ày, vua Xiêm đích thân kéo 20.000 quân chiếm cứ Lục-Sơn, Bạch-Mã, tràn xuống bao vây Hà-Tiên. Đầu không nhận được viện binh, Thiên-Tứ cùng 3 con trai là Tử-Hoàng, Tử-Thượng, Tử-Duyên đắc lòng chồng cự. Quân Xiêm đóng binh bên kia vòm, từ trên đồi Tô-Châu nã thần-công qua đồi cháy kho đạn trong thành, hủy-hoại phò xá. Sau 15 ngày cờ thồ, Thiên-Tứ cùng các con phá trúng vây chạy theo rạch Giang-Thành, qua Châu-Đốc. Quân Xiêm mãi truy-kích đèn cù-lao Giêng nhưng bị quân triều-định đánh tan rã.

(1) Trần Thái (Trần Nghê) và Hoắc Nhiên đều là người Triều Chăo.

(2) Định-Vương, Nguyễn Phúc Thuần.

(3) Theo GIA-PHÀ thì Tòng Văn Khôi đời tiền nhà-lao quá cao. Nếu kéo đến kịp thời thì Hà Tiên chưa đến nỗi bị cướp phá hoang tàn và chiếm đóng từ 1771 đến 1774.

Trước thái-độ nhu-nhược của Tông-Vân-Khôi, triều đình giáng cấp ông ta rồi sai quan điêu-khiên Nguyễn-Cửu-Đàm cầm đầu 10.000 quân, 30 chiến-thuyền đi lên chặn đánh, lúc vua Xiêm tàn công Nam-Vang. Thất bại tại Nam-Vang, vua Xiêm đành rút về Hà-Tiên cõi thù, xin cầu hòa. Thiên-Tứ cự tuyệt. Vua Xiêm bắt Chiêu-Thúy và gia-quyền Thiên-Tứ đem về nước, để tướng Trần Liêng giữ Hà-Tiên. Tuần-lịnh của triều-định Huế, năm sau Thiên-Tứ nhận lời cầu hòa. Tướng Trần-Liêng rút quân về Xiêm sau khi đốt phá.

Sau ba năm bị chiếm đóng, Hà-Tiên đã trở thành chiến-địa hoang-tàn. (1) Mạc-Thiên-Tứ & lại Trần Giang, sai con trưởng nam là Mạc-Tứ-Hoàng về chinh đòn Hà-Tiên lại. Nhưng tinh-hình ngoài Phú-Xuân không lặng yên-ôn. Chúa Trịnh hâm dọa đánh qua sông Gianh ; anh em Tây Sơn đang dồn binh. Thiên-Tứ thu-thập thóc gạo áp-tài về kinh để giúp nhà Nguyễn nhưng đèn hải-phận Qui-Nhơn thì bị quân Tây Sơn cướp sạch...

Phú-Xuân thất thủ. Khi Định-Vương chạy vào Bến-Nghé, Thiên-Tứ và các con đèn nơi bái-yết tỏ lòng trung-thành rồi trở về. Gia-Dịnh thất thủ. Định-Vương chạy xuống Cần-Thơ. Thiên-Tứ đèn dồn hộ giá. Cố thè trong dịp ấy (1776) nhờ sự trung-gian của Thiên-Tứ, lần đầu tiên Bá-Đa-Lộc gặp mặt Định-Vương và cháu là Nguyễn-Ánh cùng tướng Đỗ-Thanh-Nhơn (2).

Định-Vương bị Tây-Sơn bắt tại Cà-Mau. Trước lời dụ hàng của Tây Sơn, Thiên-Tứ từ chối, chạy ra Phú-Quốc. Chừng hay tin Định-Vương đã bị giết, Thiên-Tứ đành nhận lời của Xiêm mà qua Vọng-Các lưu-trú.

Chúa Nguyễn-Ánh lên nhiếp-chánh (1778) sai sứ-giả qua Xiêm giao-hảo nhưng phái-đoàn bị hại. Một phái-đoàn khác lại sang (1780) nhằm lúc đoàn thương-thuyền của Xiêm từ Quảng-

(1) Câu hỏi „Vài năm bờ mìa ria lông, Cầm cánh thương chùng di thà Hà-Tiên” (đi học đường xa), bài về : Sau lô thời như gốc Hà-Tiên, gốc Hà-Tiên người ta còn đánh... có lẽ ám chỉ tình-trạng thuở ấy.

(2) CLÉ MAITRE, Documents sur Pigneau de Behaine, évêque d'Adran, *Revue indochinoise*, 1913, tome II, trang 343.

Đông trở về bị cướp tại hòn-phận Hà-Tiên. Vua Xiêm hổ-nghi thiện-chí của Nguyễn-Ánh, lại có lời đèm-pha của cản-thán cho rằng Thiên-Túy toan làm nội-ýng phòng khi đánh Xiêm. Để thoát khỏi sự tra-tàn, Thiên-Túy tự-tử (1770).

Khi Gia-Long phục quốc, mặc dầu có sự cõ gâng chinh-dòn-lại (bãi thuế cho vùng Hà-Tiên) vào năm 1811, thời Trương-Phúc-Giáo, nhưng mức hưng-thịnh không thàm vào đâu so với thời Càng-Khau, Chiêu-Anh Các thuở nọ. Sứ-mạng lịch-sử của Hà-Tiên đã châm dứt. Công-đức của họ Mạc là đã giúp người Việt-Nam sớm hoàn thành cuộc Nam-Tiền, ít tòn hao xương máu.

Địa-danh Hà-Tiên lần lán thu hẹp lại trong một vùng nhỏ bé từ Hòn Chông đến biên-giới. Đông-Hồ và Tô-Châu sòng lặng lờ, trang-nhã như sông Hương núi Ngự của chòn Huế đó. Ngoài trừ vùng Hòn Chông khơi sắc nhòe các các vườn tiêu do người Hải-Nam đến lập vào khoảng 1840, bao nhiêu đồi núi của chòn Mười Cảnh Đẹp đều khan đất làm ruộng, chỉ được vài huê-lợi tuy sản-xuất ít ỏi nhưng nổi danh về phẩm ở khắp Hậu-Giang: xoài Hà-Tiên, dưa hấu Hà-Tiên, nhứt là cau ăn trầu (cau hòn).

Ảnh-hưởng của những chuyến Gia-Long tàu quốc ở Rạch-Giá — Cà-Mau



GƯỜI Cao-Miên gọi miệt Rạch-Giá là vùng sáp ong trắng. (Cò-mun-so); Cà-Mau — do tiếng Tức kha-mau (nước đen) âm lại (1).

Sáp ong trắng, nước đen... hai địa-danh ấy giúp chúng ta hình-dung cảnh thiên-đường ở Rạch-Giá — Cà-Mau thời xưa. Hàng năm, cứ đến mùa bông tràm, bông già, ong bay về xây ở trên rừng. Ông rụng xuống trời lênh-bếnh khắp sông rạch, trên giồng nước đen sậm như màu nước trà từ rừng tràm, rừng choại tràm xuống.

Vì chưa tìm đủ bằng chứng xác-thực, chúng ta không dám quả-quyết rằng đã có người Việt-Nam đến Rạch-Giá — Cà-Mau trước ngày Mạc-Cửu chiêu-mộ lưu dân (2), họa chăng một ít người từ Bình-Thuận — Phú-Yên đến lưu-trú để bắt đói-mồi, ô yèn, thám-hiem các hải đảo.

(1) Ông ăn bông già thì sáp màu vàng, ong ăn bông tràm thì sáp màu trắng. Thiết tưởng địa-danh Cò-mun-so xưa kia bao gồm một vùng khá rộng mà trung-tâm là sông Cái Lớn, xung quanh có rừng tràm (sáp trắng) chờ không phải trong địa-phương nhỏ ở chợ Rạch-Giá (cây già, sáp vàng).

Nước đậm chín rừng tràm thường là màu đen. Ở Long-Xuyên, Mỹ-Tho hấy còn nhiều địa-phương gọi là chợ Cà-Mau, tách Cà-Mau chừng tờ xưa kia ở đó có rừng tràm.

(2) Ông sông Cái-Tàu (U Minh-hồ) hiện nay còn giang-hồ của họ Đào là họ xưa nhất và đông đảo nhất... Chúng tôi chưa được xem, chỉ nghe nói người họ Đào đầu tiên đến Tắc-Thủ trước lúc Gia-Long tàu quốc.

Đời Mạc-Thiên-Tú, Rạch-Giá và Cà-Mau được tri thành đạo (Kiên-Giang và Long-Xuyên), đồn lũy dựng lên tại vùng chợ Rạch-Giá và Cà-Mau hiện nay. Lần hồi, hai trung-tâm này trở nên quan trọng về mặt kinh-tế nhờ sản-xuất nhiều cá, mật ong, sáp, lông chim, lúa gạo. Việc thành lập Trần Giang chứng tỏ Kiên-Giang là một bàn đạp vững-chắc để người dân Việt tiến sang bờ sông Ba-Thắc. Con sông Cái Lớn, Cái Bé được thám-hiểm kỹ-lưỡng từ vàm chí ngọn, nòi qua rạch Ba-Láng và rạch Ô-Môn.

Cuộc chinh-phạt của vua Xiêm (1771) khiến Mạc-Thiên-Tú phải suy vong. Sau khi quân Xiêm rút lui, Thiên-Tú ngụ tại Trần Giang chờ chinh đồn cơ sở ở Hà-Tiên. Không mấy năm sau (1777), Duệ-Tôn bồ Sài-Gòn (1) chạy đến hiệp cùng Thiên-Tú, qua Kiên-Giang.

Ngài xuống Long-Xuyên (Cà-Mau) tháng 9 năm ấy rồi bị Chưởng-cơ Thành của quân Tây Sơn bắt sống. Chùu của ngài, Nguyễn-Ánh, chạy thoát nhờ chiếc thuyền nhỏ Thủ-Quyền đi theo Tắc-Thủ ra sông Ông Đốc đèn vàm, vượt qua hòn Thủ-Châu (Poulo Panjang) (2).

Tháng sau, Nguyễn-Ánh từ Thủ-Châu vào Cà-Mau rồi tiến lên Sa-Déc, thâu phục Sài-Gòn lần thứ nhì vào tháng chạp.

Năm 1782, bị Tây-Sơn đánh bại, Nguyễn-Ánh bỏ Sài-Gòn chạy lui về Bến-Lức, xuống Vĩnh-Long, Cần-Thơ rồi qua Rạch-Giá, lên Hà-Tiên, ra Phú-Quốc. Tháng 6 năm ấy, Chùu-văn-Tiếp chiếm Sài-Gòn lần thứ 3 rồi sai người ra Phú-Quốc rước Nguyễn-Ánh về.

Năm sau (1783). Nguyễn-Huệ lại kéo vào Sài-Gòn. Nguyễn-Ánh rút lui xuống Tân-An, Mỹ-Tho rồi ra Phú-Quốc. Tháng 6 năm ấy, tướng của Tây-Sơn là thông-suất Thuận ra đánh Phú

(1) Đề-Thanh-Nhơn đuổi quân Tây-Sơn, chiếm lại Sông-Đốc là đầu vào 1777.

(2) Rời xa, ngay vịnh sông Ông Đốc. Ngày nay muôn đảo Thủ-Châu bằng ghe buồm thì phải ra hòn Cỏ Tron (Poulo-Dam) mà chờ thời tiết. Gấp giờ thuận (mùa chuồng) từ Cỏ Tron chạy buồm suốt 12 tiếng đồng hồ thì mới thấy dạng hòn Thủ-Châu ở chín trời. Ở Cỏ Tron bây giờ có Hòn Ngự; ở Thủ-Châu, có Bãi Ngự.

Quốc. Nhờ Lê-phước-Điền xả thân cứu chúa, Nguyễn-Ánh thoát ra Côn-Nôn. Phò-mã Trương văn Đa truy nã theo, bao vây. Nguyễn Ánh lại về Phú-Quốc rồi qua Bến-Tre, Bình-Thuận. Gặp Tây Sơn, chúa lui về Phú-Quốc, đến tháng tám, vào Cà-Mau. Tướng của Tây-Sơn là Lưu-thù Hóa chặn vàm sông Ông Đốc, Nguyễn Ánh thoát biển bằng nẻo khác.

Tháng hai năm sau (1784), từ hòn Thủ-Châu, Chúa vào Cà-Mau để gặp tướng Xiêm Chàt-Si-Đa (do Châu văn Tiệp qua mời) rồi đến Vọng-Các. Tháng 6, hai tướng Xiêm Chiêu-Tảng và Chiêu-Sương đem viện-binhl qua thầu phục Rạch-Giá, Cần-Thơ, Trà-Ôn nhưng bị đại bại tại Rạch Gầm.

Nguyễn Ánh đánh về Cần-Thơ vào tháng chạp rồi ra hòn Thủ-Châu.

Tháng hai năm sau (1785), Tây Sơn lại đánh Thủ-Châu. Nguyễn Ánh chạy qua Vọng-Các. Không hy-vọng cầu viện nữa được, năm 1787, Chúa bèn ra đi thăm, về Cà-Mau vào tháng 7. Tháng sau, ngài khắc phục được Sài-Gòn lần thứ tư (1).

Vùng Rạch-Giá, — Cà-Mau với rừng tràm dày bít, với sông rạch như mạng nhện thông-thương lấn nhau quả là địa-thể hiểm-yếu cho Nguyễn Ánh tạm dung thân, dễ bέ tàn thối. Ngài đi đi về về liên-tiếp vào những năm 1777, 1782, 1783, 1784, 1787... theo những con sông Cái-Lớn, sông Ông Đốc, thám-hiem kỹ-lưỡng từ vàm chí ngọn, ẩn-trú ở các chi nhánh ăn vào U-Minh thượng và U-Minh hạ. Các di-tích gồm những dãy nến nhà (lip)... hiện nay còn thấy ở vùng Cảnh-Đen, Cây Bàng chứng tỏ rằng ngài đã cho quân sĩ đồn trú ở đây khá lâu. Mày chiếc ghe ô, ghe sa, ở vùng Cái-Bát (ngọn sông Trèm-Trèm), những giai-thoại còn truyền tụng ở rạch Cái-Tàu, rạch Hang-Mai, Kim-Qui, Cần-Gáo khiến cho ta quả-quyết rằng ngài đã thoát ra biển hồi tháng 8 năm 1783 theo rạch Tiêu-Dứa.

(1) Xem LÊ-THỌ-XUÂN, Chúa Nguyễn khắc phục Sài-Gòn lần thứ tư, *Tạp chí Tri-Tân*, Xuân 1943.

Qua những chuyến «tầu quốc» ấy, một số dân ở Rạch-Giá — Cà-Mau đã sung vào quân đội của Chúa Nguyễn, góp công vào việc phục quốc. Tướng-lãnh nổi danh nhứt là Dương-Công-Trừng — hò tướng họ Dương — sau này được lãnh nhiệm-vụ Khâm-sai điểu-khiêm. Đồng thời một số khác, đồng đảo hơn — gồm binh sĩ đào-nghū hoặc bị bỏ rơi lại trong lúc hành quân cùp-bách, hoặc bị giải ngũ vì kém sức khỏe — & lại tìm kẽ sanh-nhai, làm nòng cốt hoặc bổ sung cho những xóm Tân-Bàng, Cân-Gáo, Cái-Tàu, Thủ-Quơn, Tân Duyệt, Phú-Mỹ sau này.

Gia-Long thông-nhứt sơn hà, vùng Rạch-Giá — Cà-Mau lần lần trở nên trù-phú, nhờ những năm thái-binh. Những cuộc tranh-chấp về quân-sư giữa Việt-Nam và Xiêm vào đời Minh-Mạng, Thiệu-Trị đều xảy ra phần lớn tại chiến trường An-Giang. Kè đèn lập nghiệp không gồm đa số người Trung-Hoa như lúc trước. Nhà Mân-Thanh đã ổn định được tình hình bên Trung-Quốc, lòn sông di dân đồng đảo có tổ-chức như thời Mạc-Cửu không còn nữa. Nếu có thi các nhóm ấy chỉ chuyên lo buôn bán, cuộc rầy trên giồng chung quanh chợ phò hoặc làm ruộng ở vùng đất cao gán sườn núi — và đường như họ chỉ có vồn-vẹn những khă-năng ấy.

Tuy thành lập sau Hà-Tiên, chợ Rạch-Giá phát-triển không kém, nông-nghiệp càng phồn thịnh, tiềp-tè gạo lên Hà-Tiên. Rạch Giá lần lần trở nên một thương khẩu quốc tế. Ghe buôn Hải-Nam, Xiêm... ra vào tấp-nập. Sông bắc mọc lên khá nhiều. Người Trung Hoa gồm 2 bang : Lạc-Lai (Phước Kiền) và Hải-Nam. Người Phước Kiền lo lập vườn ; người Hải-Nam chuyên lo việc nội thương và xuất nhập cảng.

Việc khai-thác đất hoang ở ven sông, ven rạch đều do người Việt-Nam từ An-Giang đến. Từ Sa-Déc, họ đi thẳng qua Rạch-Giá nhờ kinh núi Sập. Từ Ba-Xuyên họ đến vùng sông Cái Lớn theo ngọn rạch Ngan Dira.

Vùng Rạch-Giá chia ra ba xã to rộng (1) :

(1) Mọi làng ở Rạch-Giá hoặc Cà-Mau thời ấy rộng hơn toà tỉnh Gò-Công. An-Nam đại quốc địa đồ của J. L. Taberd năm 1838 ghi hai làng nơi vùng Rạch-Giá, làng Rạch-Giá, làng Cây Quao — có lẽ là Gò Quao.

— Vĩnh-Hòe (sau này mở ra làng Vĩnh-Lộc, Vĩnh-Phước... theo ven sông Cái Lớn).

— Đông-Yên (từ chợ Rạch-Giá đèn vàm sông Ông Đốc, cập theo duyên hải Vĩnh Xiêm-La).

— Văn-Tập (thị trấn Rạch-Giá, sông Cái Bé, rạch Tà-Niên)...

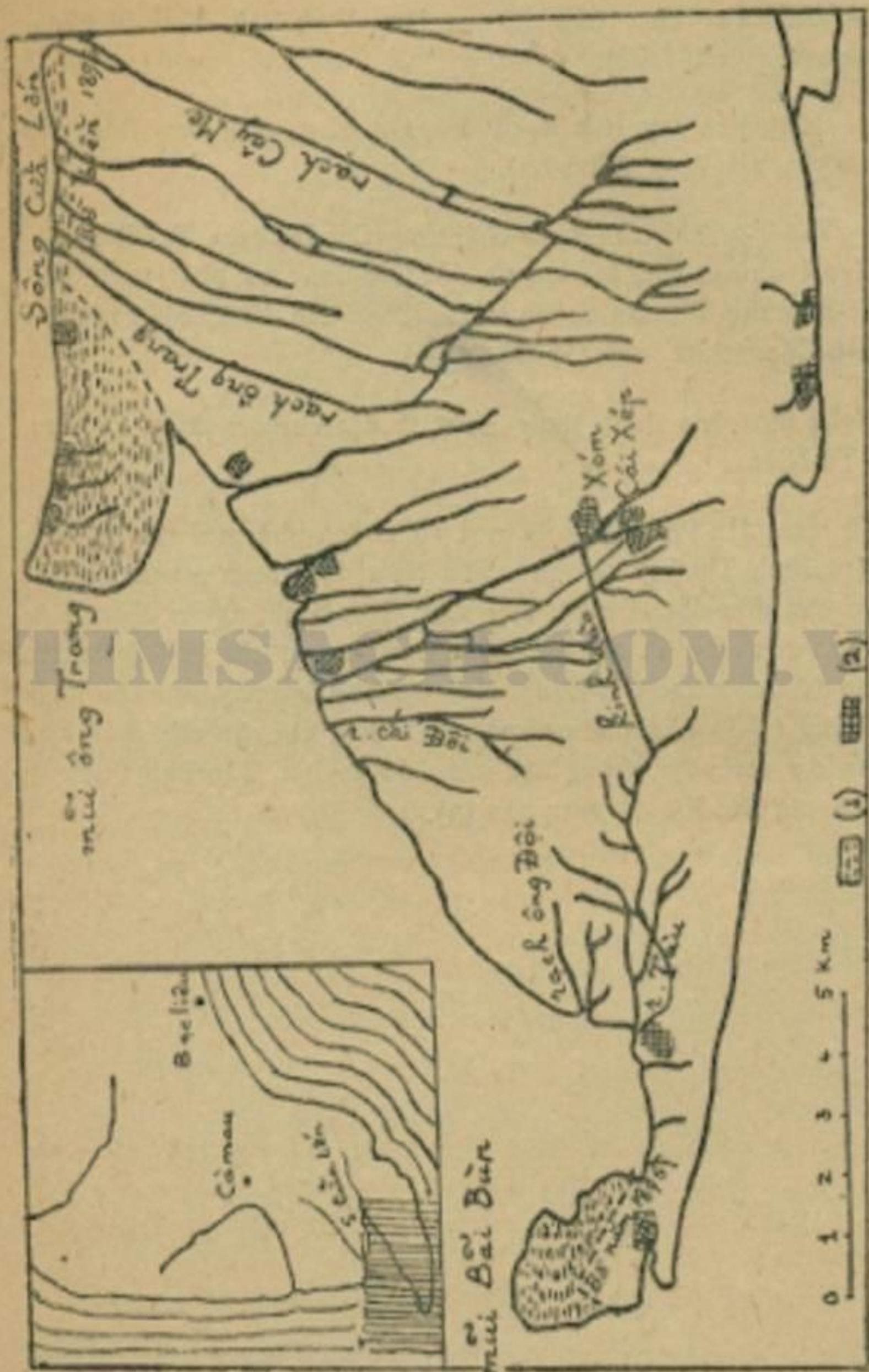
Ngoài những làng tảo lập từ đời Gia-Long và phát triển mãi, mũi Cà-Mau thu hút dân chúng từ Gò-Công đèn đánh lưới đóng đáy (mũi Gò-Công thiệt, mũi Gò-Công giả).

Nghề thủ-công danh tiếng nhứt là dệt chiếu : chiếu Cà-Mau, chiếu Tà-Niên.

Từ xưa, đảo Phú Quốc là nơi vô chánh-phủ, nơi người Việt-Nam (từ Bình Thuận) và người Hải Nam đèn tranh giành bãi Đột để bắt con đón-đợt. Từ bãi Đột đèn Hàm-Ninh, người Xiêm khai phá, lập vườn cây ăn trái (1). Mục hưng-thịnh của Phú Quốc lên đèn cao độ dưới trào Gia-Long. Nhờ ơn hòn đảo này, vua cho phép dân chúng tự-do khai phá nơi nào họ thích, chỉ cần một điều kiện là tham dự vào việc phòng thủ miền duyên hải. Dân Phú Quốc hái ghe đèn tận Bắc-Kỳ để mua bán (2).

(1) Mảng cầu xiêm, dùa xiêm, chuối lá xiêm... có lẽ nhờ đó mà phổ biến khắp Nam-Kỳ.

(2) Monographie de l'île de Phú-Quốc, *Publications SEI*, 1906, trang 8-9



(1) Bản đồ năm 1896. (2) Xem khái — Mèo Vạc — Cát Mai — think rẽ làng Việt-An. Xóm nhỏ tuy
rất đặc những đầm, cỏ, rừng, rạch-kop chàng quanh lối đi lại xóm Cát Xá. Dinh này là cổ trước kinh thành
Lâm Phố đến.

Đất An-Giang qua các giai-đoạn quân-sự và giai-đoạn dồn-diễn.

Sắc-thái vùng biên-giới

FIMISACH.COM.VN



ẤT An-Giang ngày xưa ăn từ biên giới Cao Miên xuống tận biển Nam-Hải ; phía bắc của tỉnh bao gồm luôn cả tả ngạn sông Hậu Giang (vùng Sa-Đéc).

Phần đất An-Giang sáp-nhập vào bản-dó Việt-Nam trê-nài nhứt và cũng là gay go nhứt, đòi hỏi sự cõ gắng phi thường của Triệu-đinh, của các tướng-lãnh ưu tú Nguyễn-văn-Thoại, Trương-minh-Giảng, Đoàn-Uân, Nguyễn-trí-Phương suốt các triều Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức.

Từ 1759, sau khi hoàn thành cuộc Nam-Tiền, Nguyễn-Cư-Trinh cho lập đồn ở Hồng-Ngự và Tây-Ninh do người Côn Man đồn trú. Về đường thủy, các đạo Tân-Châu (Cù lao Giêng), Châu-Đốc, Đông-Khâu (Sa Đéc) kiểm-soát hai con sông Tiền-Giang và Hậu-Giang, do quân sĩ từ dinh Long-Hồ thuyên-chuyển lđèn.

Các đạo này giữ an biên giới trong khoảng thời-gian khá lâu, đã giúp cho Mạc-Thiên-Tú có chỗ nương thân lúc bị quân Xiêm tàn công.

Từ đó, An-Giang là con đường hành quân quan trọng khi Gia-Long tâu quốc và phục quốc.

Thâu phục được đất Gia-Định, Nguyễn Vương đặt các điều-tuần quan để khuyên-khích việc canh-nông. Vùng An-Giang nhập vào trấn Vĩnh (Vinh-Long). Khi Gia-Long lên ngôi, Vĩnh-Long và An-Giang nhập thành trấn Vĩnh-Thanh.

Tuy bao gồm một khu-vực khá rộng, vùng An-Giang chưa có thể tách ra tự lập được. Lý do rất đơn giản : địa-thể An-Giang không thích hợp với việc làm ruộng ; đến mùa mưa, nước sông Cái dâng lên quá cao. Dân chúng chỉ canh-tác ở vài nơi đất gò, kỵ dư đều trông cậy vào việc khai-thác ngư nghiệp & sông rạch. Tình-hình bên ngoài ngày càng bất an, khiến đất An-Giang trở thành chiền-trường chánh-yêu, trong các cuộc tranh-chấp với Xiêm-La và Cao-Miên.

NĂM ĐỊNH-MÃO (1807), con của Ông-Ân — Ông-Chân — bồ Xiêm-La, xin thân-phục Việt-Nam.

Vua Xiêm La không đồng ý, gây sự tranh-chấp, đánh thành La-Bich. Ông-Chân chạy sang Tân-Châu cầu cứu với nhà Nguyễn. Lê-văn-Duyệt bấy giờ đang trấn ở Quảng-Nghĩa, được gọi vào Nam giữ chức Tông-Trần Gia-Định thành (1) đem một vạn ba ngàn quân theo đường thủy đưa Ông-Chân về nước. Trước áp lực quân-sự quá mạnh-mẽ, quân Xiêm rút lui (1813).

Sau đó, Lê-văn-Duyệt kéo binh về. Thoại-Ngọc-Hầu Nguyễn-văn-Thoại & lại giữ thành Nam-Vang.

Năm 1816, Nguyễn-văn-Thoại được thăng Trần-thủ trấn Vĩnh-Thanh, năm sau phụng-chỉ đốc-xuất việc đào kinh Đông-Xuyên, nối liền rạch Thủ-Thảo đến Rạch-Giá đi ngang qua núi Sập. Công việc hoàn thành trong một tháng, «có ích lợi cho đường ghe qua lại». Vua Gia-Long cho đặt tên kinh là Thoại-hà.

Năm sau (1819), Lê-văn-Duyệt dâng sớ xin đào kinh nòi

(1) Thay cho Nguyễn-Văn-Nhât.

liền Châu-Độc qua Hà-Tiên do Thoại-Ngọc-Hầu độc-xuất (1). Kinh này vét lại lần thứ nhì dưới sự độc-xuất của Trương-tần-Bửu và lần thứ ba dưới sự độc-xuất của Phó Tông Trần Trần-văn-Năng.

Nói chung công việc rất nặng nhọc, dân phu phải bịnh hoạn, chết chóc vì khí-hậu, vì nạn cọp, sâu. Mỗi kỳ huy-động trên dưới 30 ngàn người.

Lê-văn-Duyệt vừa mất, vua Minh-Mạng liền bãi chức Gia-Định thành Tông Trần, chia Nam-Kỳ ra làm 6 tỉnh, tách An-Giang ra khỏi Vĩnh-Thanh, lập thành một tỉnh mới, riêng biệt.

Mâu-thuẫn giữa Xiêm-La và Việt-Nam ngày càng sâu-sắc vì những việc ở Lào và Cao-Miên. Nhân cuộc nội loạn của Lê-văn-Khôi ở Gia-Định, quân Xiêm đem quân thủy bộ sang đánh Cao-Miên và vùng Hà-Tiên — An-Giang, chiếm các cứ-diểm quan trọng (2). Nhờ sự nỗ lực của Trương-minh-Giảng, Nguyễn-Xuân nên quân Xiêm bại. Trận đánh quyết-liệt xảy ra tại Tiền Giang (vùng chợ Thủ) và ở Vầm Nao (nội liền Tiền-Giang Hậu-Giang). (3) Chỉ trong vòng một tháng, quân Việt-Nam thâu phục được bờ cõi và truy nã địch quân đến tận Nàm-Vang. Tướng Trương-minh-Giảng ở đây coi việc bảo-hộ.

Năm 1837, quan phủ ở Ba-Xuyên (Phù Lím, người Minh-Hương) nổi dậy chống Triều đình, tập trung quân phiến-loạn tại Bưng-Tròp và đắp cản ngăn sông tại Bồ-Thảo nhưng không bao lâu bị giải tán (4).

Qua thời Thiệu-Trị, tình hình nội-trị không được khả quan. Thổ dân ở Ba-Xuyên nổi dậy, quan ở địa-phương Dương-Văn

(1) Kinh Vĩnh-Tế.

(2) Đồng thời quân Xiêm cũng tấn công mặt Cam-Lộ, Trần-Ninh. Những cuộc tranh-chấp này thuộc vào lịch-sử đối ngoại của Việt-Nam hồi cuối thế-kỷ thứ 19. Chúng tôi chỉ nêu những nét lồng-quát.

(3) Xem NGUYỄN-THIỆU-LÂU, Một chiến công của đốc-binh Phạm-khoa-Tâm. Bách-Khoa LXV, trang 32-35.

(4) Nay hãy còn địa-danh Xin-Xu (Tân-Xứ), căn-cứ của quân phiến loạn.

Phong cầm cự không xong, đê sơ vé kinh xin quân cứu viện. Triều-định phái Nguyễn-Tri-Phương vào Nam, đê bình-định vùng Ba-Xuyên, luôn cả vùng Thủ Sơn (giặc Láng Cháy) (1) và bên kia kinh Vĩnh-Tè (giặc Phù Kép). Cũng trong năm ấy, Nguyễn-Tri-Phương phải vất vã lâm mới thu đoạt lại được vùng Lạc-Hoa (Trà-Vinh) nơi bọn Lâm Sâm nổi dậy xưng hùng...

Bên ngoài, việc bảo hộ Cao-Miên gặp nhiều phản ứng do quân Xiêm ngầm ngầm xui dục. Trương-Minh-Giảng được lệnh rút về An-Giang (1841). Thừa lúc suy yếu của Triều-định, quân Xiêm cử binh sang đánh nhưng quân sĩ Việt-Nam vẫn giữ được ba mặt Vĩnh-Tè, Tiên-Giang, Hậu-Giang và xua địch quân ra khỏi biên-thùy. Năm 1843, vua Tự-Đức cho Nguyễn-Tri-Phương bồ thụ Tông-Độc An-Hà (An-Giang — Hà-Tiên), Doãn-Uân cải thụ tuân phủ An-Giang, Nguyễn-Bá-Nghi thặng thụ Bồ-chánh An-Giang. Năm 1845, Nguyễn-Tri-Phương và Doãn-Uân lại đem quân sang Cao Miên, chiếm thành Ba-Nam, thành Nam-Vang rồi truy nã quân Xiêm đến U-Đông (2).

Quân Xiêm chịu ký hòa ước. Hai bên đều bãi binh. Năm 1847, tất cả quân sĩ của triều đình rút về An Giang, trả lại vùng Quảng-Biên phía Bắc Hà-Tiên (Cần-Vẹt, Kép) cho Cao Miên (3).

Năm Tự-Đức thứ 3, Triều đình cho Nguyễn-Tri-Phương sung Kinh-lược đại sứ Nam-Kỳ.

Bao năm chung đụng với tình-hình thực-tè & An-Giang — vùng biên-thùy chiến-lược của Nam-Kỳ thời ấy — đã đem lại cho quan Kinh-lược một sáng-kiến là lập đồn-diến. Cùng-cò được vùng Ba-Xuyên, An-Giang là tất nhiên tràn áp được những mầm mống

(1) Xem NGUYỄN-THIỆU-LÂU, Một cuộn lão thanh ở miền Kito-Giang năm 1841, tạp chí *Gio-Mới* số 43, trang 7.

(2) Xem NGUYỄN-THIỆU-LÂU, Doãn-Uân, Văn học tạp chí số 1.

(3) Vì vậy, số người Việt-Nam cư ngụ ở đây trở thành kiều bào hải ngoại: 1.877 người ở Kampot, 1927 người ở Sihanoukville (Bantay - Méass) theo kiểm-trá dân số năm 1921. Xem E. MÉNÉTRIER, *Monographie de la circonscription résidentielle de Kampot, Extrême Asie*, Mass 1926.

ngoại xâm và nội phản và năm giữ tinh-thè ở hai con sông Tiên và Hậu. Như chúng ta đã thấy, suốt thời gian khá dài từ khi quân Xiêm đánh Hà-Tiên (đời Mạc-Thiên-Tứ 1771) đến năm 1846, hơn 70 năm, vùng Châu-Đốc, Hà-Tiên, Sa-Đéc gặp chiến tranh liên miên. Xen vào đó là việc phục-dịch đào kinh Vĩnh-Tè, và dịch thời khí ở vùng chợ Thủ (1849) gây khá nhiều ánh-hường tai hại. Cụ Thủ-khoa Bùi-Hữu-Nghĩa đã ví vùng Hà-Âm (Hà-Tiên — kinh Vĩnh Tè) với bờ sông Vô Đinh đầy xương trắng, nơi chiến lũy giỗ trót còn dật dờ, đèn ma leo lết giữa rừng đen tối... tưởng không quá đáng.

Chánh-sách chiêu-mộ lưu dân lập ấp ở Nam-Kỳ đã có từ đời các chúa Nguyễn, tiếp-tục đến đời Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị. Xóm làng thời ấy thường tập-trung chung quanh các đồn, gần sông Cái : Châu-Đốc, Tân-Châu, Đông-Khẩu (đời Nguyễn-Cư-Trinh); Thủ-Thảo (Rạch Long-Xuyên), Lập-Vồ (Cường Thạnh đạo) đời Gia-Long; Chiêu-Sái đồn (Chợ Thủ) đời Minh-Mạng.

Vua Tự-Đức chuẩn-y lời tâu của Nguyễn-tri-Phương, vào năm Quý Sửu (1853).

Định thán tâu : « Xin cho xứ Nam Kỳ cùng các tỉnh từ Bình-Thuận trở ra Bắc, thông sức người bôn hạt cho tinh-nguyễn ứng mộ. Mộ được bao nhiêu, giao cho hai tỉnh An-Giang và Hà-Tiên, còn dư cho qua Vĩnh-Tè, Ba-Xuyên, Tịnh-Biên, chỗ nào đất hoang thì cứ ở đây mà cày cấy. »

« Như mộ người đón-diển thời thúc làm lính đón-diển, chia 50 người hán dân (là dân Việt ta), làm một đội, năm trăm người làm một cơ. »

« Nhưng mộ người lập ấp phải được 10 người trở lên mới cho tùy chỗ khai-khẩn lập bộ. »

« Người Tàu đầu mộ cũng cho. »

« Người nào mộ lính đón-diển được một đội cho bộ xuất-đội ; được một cơ cho bộ chánh-đội thí sai phò quân cơ. »

« Ngày sau thành cẩn cước, một đội làm một ấp, một cơ làm một tổng, còn quản-cơ, xult-đội đều lãnh chức Tông-trưởng, ấp-trưởng.

« Người nào mồ dân lập ấp được 30 người thời tha xâu thuê trọn đời, được 50 người thời thường chánh cứu phảm, được 100 người thời thường chánh bát phảm, nhưng lãnh chức Tông-lý. Còn thuê ruộng đất hiện khẩn và thuê định đều cho khoản hạn để khuyên-khích cho người ứng mồ ».

Sử còn chép, liên quan đến việc khai-thác miền Hậu-Giang, về vùng Ba-Xuyên (vùng Sóc-Trăng) và Tịnh-Biên (vùng Châu-Đốc) tức là tỉnh An-Giang ngày xưa :

« Nguyễn-Tri-Phương lại tâu : Phù Ba-Xuyên và Phù Tịnh-Biên, dân Thổ mới theo vế, nay chàng cho đi hết Lục-tỉnh làm mà chỉ cho 2 phủ, e hoặc tanh sự chẳng ? Xin thông súc Lục-tỉnh, bao nhiêu người ứng mồ, ai muôn qua Tịnh-Biên, Ba-Xuyên, ai muôn tìm đất thông-khoáng trong bồn hạt khai-khẩn lập ấp, đều cho tinh nguyên, nhưng phải thuộc vào các tổng đã thành lập rồi. »

« Lại xin cho tù phạm & Lục-tỉnh như ai có xin mồ lập một đội hoặc một thôn đều được 50 người thời cho làng họ đứng bão đầm, sẽ tha tội, giao cho tỉnh An-Giang phân tháp về chò Vinh-Tè, hoặc giao Hà-Tiên phân tháp về chò Giang-Thành, & đó cày ruộng. »

« Sau xét được thành hiệu sẽ nghỉ ».

Vua Tự-Đức cho thi hành và năm sau, quan tinh Định-An (Định-Tường — An-Giang) tâu vế :

« Phù huyện khuyên dạy dân trong hạt dự trữ lúa được 48.000 phương chờ khi phát mãi, lại súc dân trồng khoai lang, bắp, nưa, so với năm trước hơn gấp ba, gấp bốn... » (1)

Vua Tự-Đức nhìn nhận rằng vùng An-Giang nằm trong trường hợp đặc-bié特, đa số dân chiêu-mồ đều là lưu dân mới đến, không cư trú nơi nào rõ rệt. Quan Tông-đốc An-Hà, Cao-Hữu-Dực, điều-

(1) Xem NGUYỄN-THIỆU-LÂU, *Nguyệt-sin Sinh-Lực* số 14.

trán về những khó khăn ở địa-phương, xin một qui-chè tương-đồi dè-dãi cho dân đón-diễn, chiêu-mộ lán-lán, chờ khi họ có phương kè sanh-nhai vững chắc rồi sau đó hãy luyện tập quân sự. Nếu dân số & mỗi đội chưa đủ vì đào ngục, bình hoạn, chết chóc... thì không nên tìm người bồi-sung vào quá gấp (1).

Vào năm 1853, vùng An-Hà được 2 cơ đồn-diễn lấy tên là An-Võ và An-Dông. Thêm vào đó, hai cơ mới thành lập, An-Ninh và An-Biên (2).

Năm 1854, Nguyễn-Tri-Phương tâu về triều rằng đã lập thêm phòng-chừng 100 làng.



TIM SACH.COM.VN

Ngoài các tổ-chức đồn-diễn chính-thức của Triều-định, nhiều nhóm khác đến An-Giang cư trú trong trường-hợp đặc-biệt.

Người Công-Giáo chạy đến tị-nạn tại vùng Cái-Đôi, Cù-lao Giêng (1778), Bô-Ót (1779). Họ ra sức khai-hoang, lập làp. Đời Minh-Mạng, lúc thất-trận tại Vầm-Nao, quân Xiêm chạy thoát theo đường bộ, lùa một số đông người Việt-Nam & đầy về Vọng-Các. Năm 1845, vùng Nang-Gù lại phồn-thịnh nhờ sự khai-thác của nhóm người Công-Giáo mới đến. Tại An-Giang, Giáo Hội đã ghi nhận gương-hy-sinh của Lê-vân-Phụng tử-vì-đạo; được phong Á-Thánh (3).

(1) Dụ của Tự-Dắc trả lời cho Tổng-Đốc An-Hà. Xem bản dịch của A. SCHREINER, *Les institutions annamites en Bassac-Cochinchine*, Claude et Cie Saigon 1902, tome III, trang 70-73.

(2) E. DESCHASEAUX, Note sur les anciens Bôe-Bôn. *Excursions et Reconnaissances*.. 1869 có dịch lại những văn-kịch xưa về các dân-dân ở Cát-Răng (Cát-Thơ), & Nhứt-Gia (Sóc-Trăng).

(3) *Monographic Long-xuyên* của DUVERNOY; L. E. LOUVET, *La Cochinchine religieuse*, tome II trang 285.

Tình-thì loạn-lạc ở Cao-Miên thúc đẩy những người Mă-Lai cư-ngụ tại U-Đông di cư xuồng vùng biên giới Châu-Đốc, họ kết hợp với người Chàm từ Bình-Thuận tràn qua. Nhờ điểm-tương đồng về tôn-giáo (Hồi-Giáo), họ trở thành nhóm «Chà Châu-Giang» (tỷ-lệ Mă-Lai 1 phần 10, Chàm 9 phần 10) đã từng phục-vụ đặc-lực trong quân đội Triệu-đinh đời Minh-Mạng (1).

Trung-tâm cư-ngụ quan-trọng nhất của họ là vùng 1-Châu-Giang (đồi-diện chợ Châu-Đốc), cù-lao Cò Tấm Bon. Họ được Triệu-đinh thừa-nhận, phân-ta chín đội đồn-điền, do quan Hiệp-quân người Chà Châu-Giang cai-trị.

Năm 1849, binh-thời-khi hoành-hành tại vùng Kiên-Thạnh. Thầy Đoàn-Minh-Huyền từ Tòng-Sơn (Cái Tàu Thượng — Sa-Đéc) đến đó trồ-tài-tri-binh, đồng-thời phô-biển một quan-niệm mới về Phật-Giáo «vô vi».

TÌM HIỂU ĐẤT HẬU-GIANG

Nghi-thức tu-hành thờ-phượng này tuy khác thường (không thè-phát, đè-râu, không-thờ-cột-Phật, chỉ-thuyết-pháp-chớ-không-dùng-văn-tự mà ghi-chép kinh-kệ) nhưng thu-hút khá-nhiều tín-đồ, những người đau-khô của thời hậu-chiền mà An-Giang đã-từng là bối-chiền-trường suốt 70 năm.

Vì hổ-nghi thấy Đoàn-Minh-Huyền là gian-dạo-si-toan-gây-rồi-loạn, nhà-cầm-quyền An-Giang truyền-lịnh bắt-giam. Sau, khi được-phóng-thích, thấy-dẫn các-tín-đồ qua-phần đất-hoang-vu phía-Tây để-lập-chùa, lập-trại-ruộng-rải-rác-ở-núi-Sam (2), Thời-Sơn, Láng-Linh.

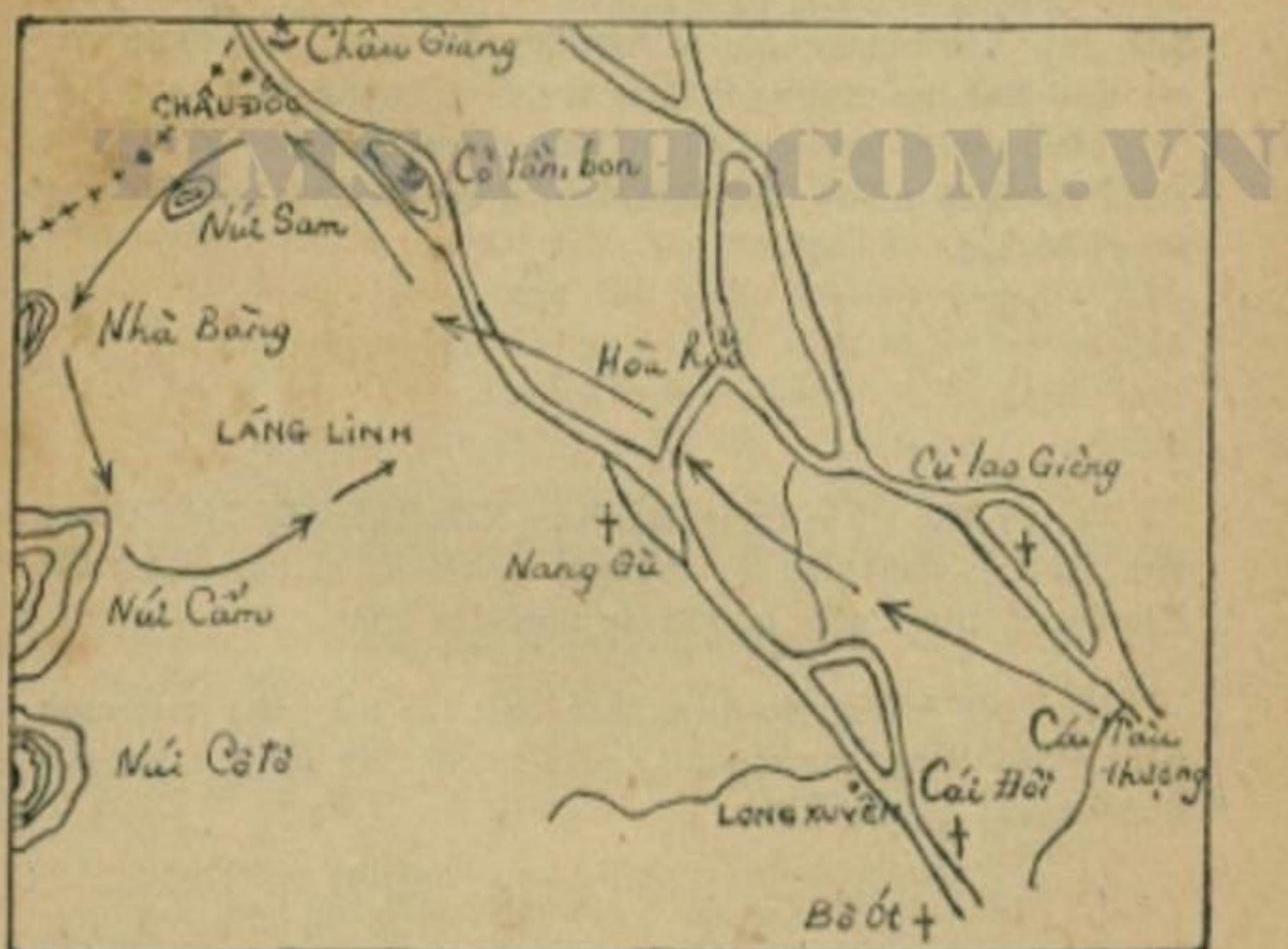
(1) M. LABUSSIERE, *Rapport sur les Chams et les Malets de l'arrondissement de Châu-Đốc, Excursions et Reconnaissances No 4 (sec. No 6)*, 1880.

MARCEL NÉR, *Les Musulmans de l'Indochine*, Extrait du BEFEO.

(2) Người-lập-ta-chùa-Tây-An không-phải là thầy Đoàn-Minh-Huyền. Theo *Đại-Nam Nhât Thông Chí*, Tây-An tự-lập vào-năm Thiệu-Trị thứ 7 do-quan Tòng-Đốc (thuyết-danh) có-lẽ Nguyễn-Trí-Phương hoặc Đoàn-Uân. Theo-đi-Ngọc-Hầu-mùi-năm 1829, 20-năm-trước-khi-thầy Đoàn-Minh-Huyền bắt-dẫn-tri-binh-dịch-năm-Ký-Dậu (1849).

Các môn-đệ của thầy phán đồng đều giỏi về võ-thuật, về y-khoa nên ứng phó có hiệu-quả trong vùng sơn nham chướng khí, cọp său hoành-hành... Nhưng địa-thể rất bất lợi cho sự phát-triển nông-nghiệp : sườn núi ít đất, đã có người Cao-Miền canh-tác, chỉ còn vùng Láng đất quá thấp, mùa hạn thành sa-mạc, mùa nước thì mênh-mông như biển cả.

Để định cư «trên sa-mạc và trên biển cả», thầy Đoàn-Minh-Huyền động-viên và chiêu-mộ tín-đồ bằng thuyết hội Long-Hoa, ngày Tân-Thè, nâng vùng Láng lên địa-vị thánh-địa (Láng-Linh). Việc khai-thác vừa mới bắt đầu, chưa đem kết-quả cụ-thể thì thầy mất (1856).



Từ Cát Tiên Thương, thầy Đoàn-Minh-Huyền đến Kiến-Thạnh, Hòa Hảo, Cái-Dầu, Chàu-Đốc, Láng-Linh bên cạnh những nhóm Công-Giáo (+) và Hồi-Giáo (Chàu-Giang) đã có sẵn từ đồi Tỵ-Đức.

Việc làm trên đây mang lại cho vùng Thất-Sra một không khí lợ — mà vài người đã cờ tinh tô-diêm hòng lợi-dụng uy-tín của một nhà sư đã góp phần vào việc mở mang đất nước. Trong lịch-sử của các nước khác, nhiều trường-hợp tương tự như thế đã xảy ra ở những vùng biên-giới bắt lợi về địa-thể. Bên Trung-Hoa, từ thế kỷ thứ V, phần đất & núi phía Tây - Bắc thuộc tỉnh Sơn-Tây, giáp ranh với địa phận của «rợ Hồ» được các nhà sư đèn thiêt lập «tự hộ». Các tá-diện (gọi là bách tinh tăng) vay nợ làm vòn, lo trống trọt chăn nuôi, đóng thuế và làm công quâ (khôa dịch) cho nhà chùa (1).

Ở Mỹ-Châu, đồng thời với thầy Đoàn-Minh-Huyễn, nhóm tôn giáo Mormons (bị hồ nghi là tà đạo) chạy trốn qua phía Tây, khai thác các địa-diểm hoang vu ở Illinois và vùng biển Nước Mặn (Lac Salé) (2). Lúc ban sơ, dẫu ở Việt-Nam, Trung-Hoa hay Mỹ-Châu, các tu-sĩ lãnh-đạo thường áp dụng chính sách tôn-giáo-trị (théocratie) nắm quyền hành-chánh, kinh-tế, tạo nên những khu-vực ít nhiều tự-trị có chế-độ thuế-khoa, luật-lệ, tập-tục khác hơn ở những vùng phụ cận.



Vài sử-liệu trích trong Đại-Nam Nhât Thông Chí (An-Giang tỉnh, Hà-Tiền tỉnh) giúp cho chúng ta hình-dung lại cuộc-diện ở đất Hậu-Giang, trước ngày lọt vào tay thực-dân Pháp.

Hầu hết những địa-diểm then chốt thuận-lợi cho việc canh nông, giao-thông, thương-mại, quân-sự đã trở thành trung-tâm định-cư của người Việt.

(1) JACQUES GERNET, *Les aspects économiques du Bouddhisme dans la société cambodgienne au Xe siècle*, Publications EFEO, 1956.

(2) Các quyền sít về Mỹ-Qđô đều nhắc đến nhầm này. G. H. BOUSQUET, *Les Mormons*, Presses universitaires, 1949 — Có thể khảo thêm công trình của các cố đạo dòng Jésuites ở Paraguay. Xem HENRI PITAUD, *Paraguay, terre vierge*, Frédéric Chambriand édit. Paris 1950 trang 29-41 — Hoặc các thầy dòng Benedictines đã khai hoang vùng rừng rậm ở Đức, vùng Đông Nam Mysore vào thế kỷ 9-10.

Nồi liền qua Tiền-Giang là vùng phi-nhiều Chợ Thủ, Lấp Vò, Cái-Tàu, Sa-Đéc.

Suốt hữu ngạn sông Ba-Thác, từ biên-giới xuống phía Nam, xóm làng, phè chợ mọc rải rác từ Châu-Đốc, Long-Xuyên, Ô-Môn, Cần-Thơ, Bãi-Xàu. Khu-vực Tịnh-Biên — Thủ Sơn — Kinh Vĩnh Tè ăn liền qua duyên-hải Hà-Tiên.

Rạch Ô-Môn, Rạch Cần-Thơ, Kinh Núi Sập (Thoại-hà) đã có người lập-nghiệp tiếp đền vùng chợ Rạch-Giá với sông Cái Bé, Cái Lớn, nơi mua bán phồn-thịnh nhờ các sân chim.

Vùng chợ Cà-Mau nào phải quá lạc-hậu ! Đã có ngôi Cà-Mau cò tự, Thiên-Hậu tự, Hải-Linh tự (thờ cá ông ở vòm sông Ông Đốc). Liệt-nữ Nguyễn-thị-Nương (quê ở Tân-Mỹ thôn) chịu chèt giữ vẹn tiết hạnh. Các anh hùng quê quán & Cà-Mau, như Dương-Công-Trứng, Ngô-Công-Quí, Trần-Phước-Chất, Ngô-văn-Lưu đã góp công phò chúa Nguyễn trong những ngày tầu quốc, phục quốc... Hải cảng Rạch-Giá khá tấp nập ; tại chợ có chùa Bác-Đè, miếu Hội-Đồng, miếu thờ Phô Quản-Cơ Nguyễn-Văn-Điều. Vùng biên-giới vẫn là nơi nhiều chùa miếu nhứt : đình thờ Nguyễn-Hữu-Cánh, chùa Tây-An (núi Sầm), chùa Tô-Sơn, đình thờ Thành Hoàng làng Vĩnh Nguơn, (Châu-Đốc) ; miếu họ Mạc, chùa Phù-Dung, Tam-Bảo, Địa-Tạng, chùa Quan-Công (Hà-Tiên). Ban sơ, các chùa miếu đều lợp lá, đổi ba năm sau mới lợp ngói.

Những cơ-sở vật-chất và tinh-thần làm nên móng vững-chắc cho xã-hội Việt-Nam đã xây-dựng xong, hiện lên những nét sâu đậm, đầy đủ, trong một thời-gian kỷ-lục, trải bao khó khắn, & phản đòn xa-xôi thưa-thớt dân cư nhứt.

Nhưng đã từ lâu, các tay thực-dân Tây Phương đang hăm hở tìm thị-trường.

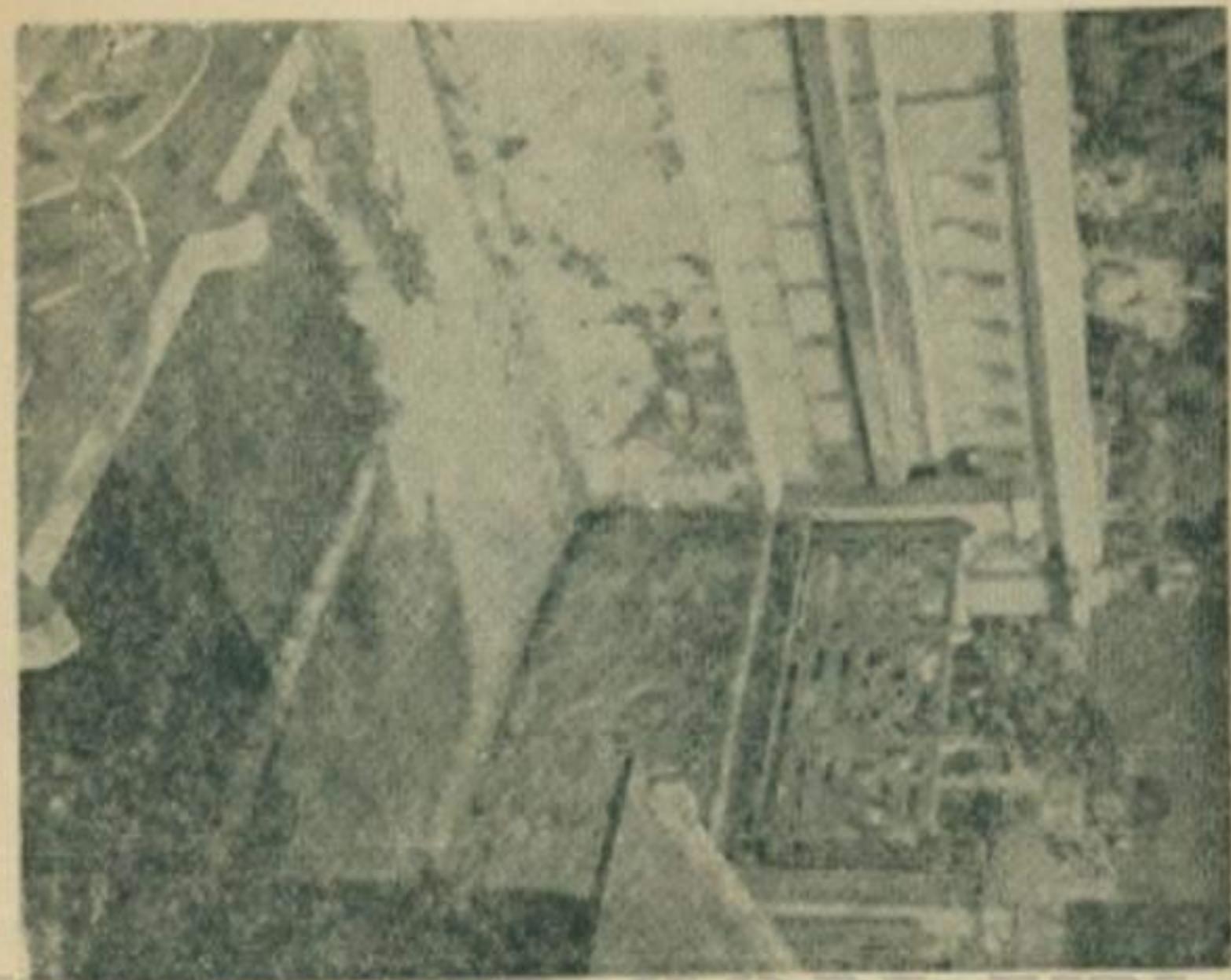


Chó rừng Phú-Quốc đã bị lai rồi mất giồng hôi đầu thế kỷ thứ XX. Theo tranh vẽ của Sarazin.

Trich Dr Bauer, Le Cochinchine & ses habitants, 1894.



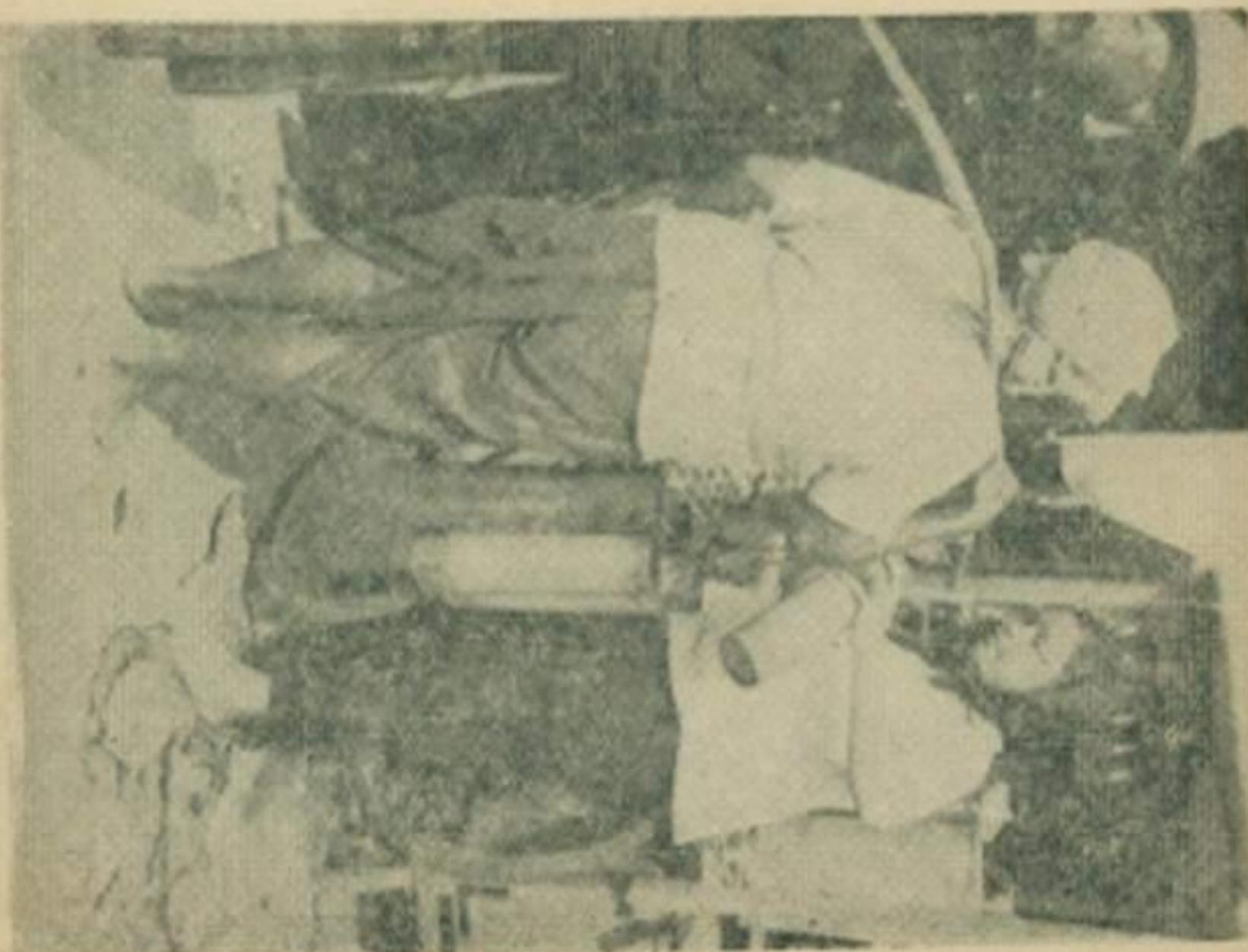
Hòn Phụ-Tử (hoặc Phu-Phu-Tử) dè nhút thắng cảnh Hậu-Giang đã chứng-kiện những ngày tầu-quốc của vua Gia-Long và những giờ phút gian nguy của liệt-sĩ Nguyễn Trung-Trực.



Mộ của thầy DOÀN-MINH-HUYỀN (Phật Thầy

Tây-An) ở núi Sam — Châu-Dốc. Không có dép
nấm, dề bằng cho cỏ mọc, theo lời di-giáo.

FILMISACH.COM.VN



Bên surèn núi CẨM. Bà lão Việt gốc
Miền bắc nướng thốt-nốt cho mệt thiều-nở
con khách và một nông-dân Việt-Nam.

III

GIỮA HAI CTHÈ - KỲ THÚ VN

XIX và XX

Phản-ứng chống thực-dân Pháp
Làn sóng di dân
FIMSACH.COM.VN



AU khi chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, quân Pháp đặt sự bảo-hộ & Cao-Miền (1863). Ba tỉnh miền Tây nằm trong tình-thì bị bao vây. Sứ-bộ Phan-Thanh-Giản sang Pháp thương-thuyết không-kết-quả. Kè-hoạch của hoàng-đế Napoléon III là sửa đổi hiệp-ước 1862, thay vì chiếm ba tỉnh miền Đông để làm thuộc-địa, nước Pháp đặt sự bảo-hộ trên toàn cõi Nam-Kỳ. Nhưng kè-hoạch này bị phe chủ chiến do Chasseloup-Laubat cấm đầu phản đối.

Ngày 20-6-1867, Vĩnh-Long bị chiếm. Qua ngày 21, quân Pháp đã bồ chiếm An-Giang. Hai ngày sau, Hà-Tiên mất luân. Hôm sau nữa, De La Grandière tuyên-bố nắm trọn vạn-mạng Nam-Kỳ.

Nói chung, người Pháp chiếm dễ-dàng không gặp mức kháng-cự nào đáng kể. Có lẽ các quan trấn-thủ đều hoang mang vì thành Vĩnh-Long đã thất-thủ đột-ngột từ hôm trước. Tại huyέ

Phong-Phú (Cán-Thơ), quan huyện bỏ chạy, quân Pháp kéo tới đốt dinh. Tại Đại-Ngãi, quan ba Berteaux-Levillain đỗ bộ cùng một viên thông-ngôn, 40 lính mã-tà và chừng 10 lính Miền. Họ đi trước, tới Sóc-Trăng; chập sau, 40 lính Pháp kéo theo, cung bình an vô sự (1).

Nhưng chinh phục lòng dân Việt-Nam lại là chuyện khác.

« Chè tre bến sáu chờ dày,
Ngàn người sông Mỹ có ngày gặp nhau ».

Câu ca-đao trên đây phải chăng xuất-hiện từ khi mạt ba tinh miền Đông. Trong quyển «Bản vở sự chinh-phục xứ Nam-Kỳ», G. Francis viết (2):

« Mặc dầu tồn công rất nhiều để tuần-tiểu ngày đêm, chúng ta vẫn chưa bão-đảm các vùng sông rạch khỏi nạn ám sát, đột phái. Vì vậy, dân chúng tàn cư. ~~THEO DÒNG SỰ KIỆN~~ ».

« Thiệt thòi chí biết chừng nào! Mỹ-Tho xưa kia là tỉnh giàu có, phi-nhiêu, có đèn 18.000 dân định. Bây giờ chỉ còn lại chừng 8.000. Và trong lúc tôi đang viết mày hàng này, nhiều làng tàn cư toàn bộ, trồn sang vùng của Triệu-định... »

Chiêm đóng các tỉnh & Hậu-Giang không có nghĩa là đã bình-định được mặc dầu dân số ở Hậu-Giang rất thưa thớt.

« Năm 1868, người bôn xứ không chịu được cách cai-trị mới, nỗi lên đánh phá giết 70 lính trong đồn. Tất cả lính Pháp đều bị giết trừ một người. Để trả thù lại, 700 người dân phải chết... » Trong quyển «Sự thật về Nam-Kỳ», Combanaire đã viết như trên (3). Sự thật oai hùng hơn nhiều. Sau khi Hà-Tiên thất thủ, cụ

(1) *Monographie Sóc-Trăng Publications S.E.I.*, 1904, page 66.

(2) G. FRANCIS, *De la colonisation de la Cochinchine*, Châlame, Paris, 1865.

(3) *La Vérité sur la Cochinchine par l'explorateur Combanaire*, Schneider, Saigon, 1909.

Nguyễn-Trung-Trực rút lui về Hòn Chông, tổ chức thêm nhiều cơ-sở nghĩa quân ở vùng Tà-Niên (Rạch-Giá). Với lực lượng khá hùng-hậu đó, đồn Kiên-Giang bị hạ trong vòng hai tiếng đồng hồ. Mãi hai hôm sau, viện binh Pháp mới tái chiếm được.

Khoảng đầu năm 1868, «Đinh Sâm tập họp một sò quân ở vùng Láng Hám, Tầm-Vu (Cán-Thơ), giết được tên cai-tông Nguyễn-văn-Vinh. Chánh-phủ bèn sai Trần-Bá-Lộc và lanh-binhh Tân đem quân tới đàn-áp, giết khá đông, nhưng Đinh-Sâm chạy thoát» (1).

Cuối năm 1871, nghĩa quân lại hoạt động vùng Rạch-Giá, Núi Sập và Cán-Thơ. Quan chủ tinh Benoist mở cuộc hành quân thám-thính. Dưới đây, tóm tắt vài trang nhụt kỵ của ông ta : (2)

« Ngày 8 tháng XI... ngủ tại Ngã Ba Đinh. Ngày 9 tháng XI... tôi muôn theo rạch Ngã-Bát, lên đèn tận ngọn đè dò xét mày khẩu đại-bác mà loạn quân ở Long-Xuyên đã cướp được của chúng ta.... Khoi hành hồi 2 giờ sáng. Hừng đông, đèn một vùng đầy lát, tràm. Cây cối dày mít. Không tài nào nhìn được đầu vết gì trên mặt đất. 10 giờ khuya, chúng tôi trở về Rạch-Giá... Cuộc thám-thính này chứng tỏ rằng loạn quân đã tan lạc... »

Vào năm 1879, chánh chủ tinh Brière đi thanh tra các vùng Rạch-Giá Cà-Mau :

« Tân-Khánh (3) là một làng rất quan-trọng của quận Cà-Mau. Dân chúng ở đó rất kiên-nhẫn và có súng-kiên. Họ phá rừng; bồi đất hai bên bờ sông. Nhờ vậy mà giữa chốn rừng tràm họ lập được 40 mâu ruộng, mươi mâu đất thô-cu. Từ lâu, họ có tinh-thần thù nghịch với chúng ta. Năm 1872, rừng U-Minh chính là sào-huyệt của hai anh em phiến-loạn Đô Thừa, họ quay-nhiều những vùng lân cận. Cuộc bao-động này bị đàn áp thẳng tay, do chủ tinh Benoist. » (4)

(1) Dr BAURAC, *La Cochinchine et ses habitants*, Saigon, 1894.

(2) *Excursions et Reconnaissances*, tome I.

(3) Nay là vùng Cái-Tia.

(4) Đô-Thừa-Lubeg và Đô-Thừa-Ty.

Brière là người Pháp đầu tiên đền tận mũi Cà-Mau, năm 1879 :

«Gặp con nước lớn, chúng tôi không thể nào ra tận cửa Bô-Đé xem cửa ấy sâu hay cạn. Đầu sao, sự quan-trọng của cửa biển Bô-Đé cũng đã được người An-Nam chú ý. Năm 1861, quan huyện Cà-Mau ngừa cuộc đồ-bộ của người Pháp vào sông này ; nhiều chiếc ghe lớn bị nhặt chìm để làm chướng-ngai-vật».

Sách «Những năm chinh-phục đầu tiên ở Nam-Kỳ» của Paulin Vial nhắc lại :

«Trung-túy Escanyé, chủ-tỉnh Cà-Mau bị giết trong khi đi đền vùng này. Viên tri-huyện Phan-tứ-Long bị quân phiến-loạn đền tàn công tại nhà. Sau rốt, chúng tẩu-thoát về phía Bắc Cà-Mau, nếu chúng chạy về phía Nam át sẽ bị chèt đói» (1).

Nói đền các cuộc khởi-nghĩa ở Hậu-Giang mà không đề cập đền cuộc khởi-nghĩa ở Bảy-Thưa là thiếu sót. Bảy-Thưa là tên một loại cây lớn, có tầng cao, tầng lá phè tròn trên ngọn giồng như cái lọng che. Vùng Bảy-Thưa ăn từ Thất-Sơn ra sông Hậu-Giang, nơi đây đất quá thấp, nước ngập lụt, tư bể cỏ mọc hoang vu. Năm 1871, một mồn-dé của thầy Đoàn-Minh-Huyền, đức Cồ Quán (tên thật Trần-văn-Thành) nêu ngọn cờ kháng Pháp. Lần đầu, quan huyện Trần-Bá-Tường kéo binh vào tảo-thanh vô hiệu-quả. Lần chót, sau một cuộc hành binh gay go suốt tuần lě, Pháp mới bình-dịnh được (1873).

Cũng vào thời ấy, viên chủ-tỉnh De Champeaux hạ lệnh đốt ngôi cỗ tự ở làng An-Định (Ba-Chúc) vì hổ nghi các tín-đồ Phật Giáo ở đây toan dây loạn, bắt buộc tất cả dân chúng vùng Ba Chúc phải dồn ra chợ Hà-Tiên để quản-thúc vĩnh-viễn (2). Năm 1885, người Cao-Miên nỗi dậy toan chiêm chợ Hà-Tiên bằng hai

(1) P. VIAL, *Les premières années de la Cochinchine*, Challamel, Paris, 1873, trang 237 — 238.

(2) *Annuaire général de l'Indochine 1901*, trang 758 và *Monographie Hôlién, S.E.I.* trang 58.

ngà Rạch Dượt và Thạch Động nhưng bị quân Pháp giải-tán. Càng vào năm ấy, quân Hiêm, một dư đảng của Nguyễn-Trung-Trực vượt biên-giới, hiệp với người Miên, người Huê-Kiều dậy loạn ở vùng Kampot, Kompong Som. Kiêu bào Việt-Nam hường-ứng mãnh-liệt, nhờ vậy quân Hiêm qui-tụ hàng 600 nghĩa quân, cầm cự suốt những năm 1885—1886—1887 (1).

Qua các đoạn dẫn chứng trên đây, chúng ta thấy rằng ngày giặc Pháp chiếm Hậu-Giang, dân chúng đã chòng trả tận lực, nhưng vì bị đàn-áp nặng-né nên tan rã. Rất may là lúc ấy còn vùng đất hoang vu Rạch-Giá, Cà-Mau.

Bác-si Baurac nhận xét vào năm 1894 :

« Dân số tỉnh Rạch-Giá xưa kia chỉ có 35.000, mà năm nay lên đến 90.000. »

Tại sao có sự tăng-giá vượt bực ấy ? Bác-si Baurac không giải-thich. Theo ý chúng tôi phải chăng đó là số nghĩa quân của Nguyễn-Trung-Trực, của Thiên-Hộ Dương, của ông đạo Thành chạy đến sau khi thất bại.

Thêm vào đó, còn rất nhiều người ở từ Cần-Thơ, Long-Xuyên, Vĩnh-Long. Họ bị đuổi ra khỏi phần đất mà chính họ đã khai-khẩn hồi xưa, khi thực dân chưa đến. Đây là hai đoạn chửu-tri (2) :

Sàigon, ngày 27 Novembre 1885

Ông Nouet là quan Thượng thư gởi cho các tham-biên.

Địa-bộ là sách có ích trước khi người ta đã dùng mà định về vườn đất cho mỗi một chủ, đèn bây giờ chúng ta cũng còn nương theo đó mà lập bộ điện-thờ mà đãb ô đi thi lìa làm tiệc lầm (...) Công

(1) ADHÉMARD LECLERC. *Histoire de Kampot et de la révolte de cette province en 1885 — 1887*, *Revue Indochinoise*, 1907.

(2) *Lịch Annam thông dụng trong sáu tỉnh Nam Kỳ*, Bìa in Quận Hồi, Saigon 1892.

việc phải làm trước hết là cứ từ làng mà lập một bồn sô chánh, làm ra giấy chạy (...) Trong bồn chánh ấy, các hương chức sẽ cứ theo điều minh học biệt, cũng là đê mà chúng miên phải chỉ ra nguyên mồi một miềng đất là của ai...»

Châu tri ngày 21 Juin 1886 nói thêm :

« Nói tút lại về sự chuyên mài điện đất không quá 10 mẫu thì để cho các tham-biện chán-định, cho nhiều hơn thi phải có hội-đóng quần-hạt, trừ ra một khi có việc gấp, nhà nước lìa phép hội-đóng, tra-xét rồi có lẽ sẽ cho riêng một mình.

Ày là những thè-lệ trong lời nghị ngày mùng 9 tháng Juin năm nay, có ý đê mà làm cho chắc việc phân chia điện đất theo phép công-bình ».

Nhưng hời ôi ! cách phân chia điện địa theo phép công-bình ày chỉ có lợi cho một sô ít thản-hào được thực-dân tin cậy. Đa số dân chúng nào biết gì về những châu-tri ày. Họ đã đánh mất chúng-chỉ địa-bộ trong lúc chạy giặc, hoặc đất của họ tuy khai-khẩn đã lâu nhưng chưa ghi vào bộ của triều-định. Chứng một sớm một chiều khi hay tin đất ruộng của mình đã được vô bộ mới với tên của một người khác, họ mới giựt mình kháng-cự, bị truy-tò và thất kiến, đành bỏ nhà rồi đi xuồng Rạch-Giá. Cà-Mau.

« Họ phản-dối công-khai, tranh-dầu đê giữ gìn vườn tược cửa nhà, đê bảo-vệ mồ-mả của tổ-tiên » (1)

Theo H-L. Jammes thì ở Vinh-Long vào khoảng 1893, còn 118 bản án không thi hành được, ở Long-Xuyên 148 bản án, ở Sóc Trăng 48 bản án. Riêng ở tỉnh Cần-Thơ, 74 bản án, trong số này có 6 bản án nếu thi-hành thi phải bỏ tri săn một tiêu đoàn thủy quân lục chiến đê phòng ngừa dân chúng phản-đóng nổi loạn.

Những người xuồng khai hoang ở Rạch-Giá — Cà-Mau nói chung phần lớn gồm hai hạng trên : nghĩa-quân bại trận và nông-dân mài ruộng. Họ là nạn-nhân trực-tiếp của súng đạn và luật-lệ của thực dân.

(1) H. L. JAMMES, *Souvenirs du Pays d' Annam*, Challamel, Paris, trang 235 — 240.

Thật ra, nếu giặc Pháp không đèn chiêm thì hối cuối thè-ký vừa qua dân Việt-Nam không đồ tràn xuống Rạch-Giá, Cà-Mau quá mau lẹ như vậy. Các tỉnh Cần-Thơ, Long-Xuyên, Sóc-Trăng.., còn nhiều vùng phi-nhiều chưa khai-phá đèn.

Có nhận-định như thế, chúng ta mới hiểu được lòng yêu nước vô bờ bến và sự cõi gắng khai-hoang của họ. Bởi quả cầm thù thực-dân, họ sanh nhiều tật kỳ-khôi như không đóng thuế cho Pháp, không muôn gặp mặt người Pháp. Lầm cự già bảy tám mươi tuổi đã giữ trọn được tiết-tháo ấy mãi đèn lúc chêt. Các cụ cát nhà ở giữa rừng, & chót núi, & cù lao giữa biển, không bao giờ đi chợ. Không một ai biết đúng danh tính các cụ.

Nhưng song song với các cụ, còn nhiều người khác hoạt-động hơn, không muôn áp-dụng chánh-sách bè-quan tôle-cảng ày. Họ nhìn thử ánh sáng của văn-minh Tây-Phương, họ không sợ sét khoa-học :

* Kinh xáng mới đào,

Tàu Tẩy mới chạy

Thương thi thương đợi

Đừng nghĩ điêng ngại,

Bớ điện chung tình !

Con nhạn bay cao khó bắn,

Con cá dưới ao quỳnh khó câu. *

Đóng đồn, lập chánh quyền mới, là việc đầu tiên của người Pháp (1). Ranh giới các tỉnh Hà-Tiền và An-Giang ngày xưa được sửa lại, cắt ra các tỉnh mới. Tỉnh-lỵ Cần-Thơ bao phen dời chỗ: ở chợ Cần-Thơ (1-1-1868), dời qua Trà-Ôn (30-4-1872) bên kia sông, qua Cái-Răng rồi trở lại Cần-Thơ (23-2-1876). Tỉnh Rạch-Giá thì bao gồm luôn cả vùng Cà-Mau. Huyện Đông-Xuyên và phủ Tuy-Biên hiệp lại gọi là tỉnh Long-

(1) Xem thêm A. LANDRON, *Divisions administratives de la Cochinchine* BSEI, tome XX, 1945.

Xuyên. Tỉnh Sóc-Trăng gồm phủ Ba-Xuyên và một phần Bắc-Liêu ngày nay.

Xưa kia, Hà-Tiên và Châu-Đốc là hai cản-cứ quân-sự và chánh-trị quan-trọng của Triều-định. Việc xuất-cảng cá khô, tiêu, sáp, ra ngoại quốc, việc liên-lạc với Triều-định Huế đều dùng đường biển khiền thị-trấn nói trên và chợ Rạch-Giá trở nên chòn phiến-ba đô-hội.



Ranh-giới các tỉnh ở Hậu-giang từ 1900 đến 1945.
Nét đậm là ranh-giới của tỉnh An-Giang và Hà-Tiên
trước khi người Pháp đến.

Trong hệ-thống kinh-tế mới, tinh-thè có khác nêu không nói là đảo ngược lại. Đất Hà-Tiên cỏ-kính mệt hòn địa-vì xưa. Năm nào chợ Hà-Tiên đồng-đúc, quân trú-phòng tăng đèn 60.000 người thì giờ đây dân số chỉ còn chừng 13.000, kè luân cả đảo Phú-Quốc. Vai trò quan-trọng phải nhường lại những nơi sản-xuất lúa gạo nhiều hoặt nằm trên các mồi giao-thông liên-lạc với Sài-Gòn—Chợ-Lớn.

Chợ Bạc-Liêu tuy mọc lên sau nhưng dân số tiền lên hơn 3.000, ngang với chợ Châu-Đốc. Chợ Rạch-Giá tăng lên 6.000; chợ Bãi-Xàu cũng được 6.000 dân nhờ là nơi tập-trung lúa gạo. Kinh xáng Xà-No đào xong, lúa gạo Hậu-Giang gồm phần lớn về chợ Cái-Răng (cách chợ Cần-Thơ năm cây sò). «Ở Cái-Răng toàn là nhà ngồi, người Trung-Hoa đèn đốt lập nhiều chành lúa rất lớn». Từ mày năm nay, chợ Cần-Thơ biến-đổi rõ-rệt, đường lộ có trồng xoài, dài hàng mày trăm thước. Các chành lúa lớn ở Chợ-Lớn đều có đại-diện ở đây. Lúa có thể xuất-cảng năm 1899 ít nhất là 100.000 tấn. Con đường xe lửa dự phòng nối liền Mỹ-Tho lên Nam-Vang sẽ đi ngang qua Cần-Thơ. Quan chư tinh và Hội-đồng quản-hạt đã cho dân bôn xứ và người Pháp khai nhiều vùng đất lớn. Nạp vé công-nho quản-hạt hơn 1 triệu bạc mỗi năm» (1). Dân số ở tỉnh lỵ non 10.000 (2); Cần-Thơ nghiêm-nhiên nắm vai trò thủ-đô vùng Hậu-Giang. Có đèn 7 lò gạch nhưng không thỏa-mãn đủ nhu-cầu địa-phương. Làng Long-Tuyêñ (Binh-Thủy) gồm 11.939 dân; làng Nhơn-Ái (Phong-Điền) gồm 10.464 dân... chính là 2 làng của tỉnh Cần-Thơ đồng đảo bức nhứt so với các làng ở Hậu-Giang thời bấy giờ, nhờ huê-lợi vườn cam, vườn quýt và ruộng đất tốt.

Nhưng còn rất nhiều làng khác to lớn hơn, ranh giới chưa định rõ-rệt, cọp và sàu đồng-đúc không kém loài người. Chúng tôi muốn đề-cập đèn phản ánh chánh của Hậu-Giang, nằm giữa sông Hậu-Giang và Vịnh Xiêm-La, chạy dài xuống mũi Cà-Mau. Đó là những khu rừng trăm thùy, những bưng biển đầy cây

(1) *Guide-annuaire de la Cochinchine pour 1899*, Claude et Cie, Saigon.

(2) Trong khi ấy, Saigon 33.608 dân, Chợ-Lớn 120.000, Mỹ-Tho 20.000.

đè, cỏ ngựa, năng, sen. Muỗi kêu như sáo thổi, khì ho, cò gáy. Các tinh lỵ như những đeo-dèo điu-hiu. « Quan chánh chủ tinh Rạch-Giá với bộ râu dài chí lưng quần, ngày càng sòng u-mê trong cõ-tịch... » (1) Để tránh nạn muỗi, người vợ trẻ của quan chánh tinh Long-Xuyên ngồi rút vỏ mùng, giữa ban ngày, tại tinh lỵ (1). Dưới tàu đỗ, hành khách nằm dài, run-rẩy làm cũ rết... Vì quá bị ám-ảnh, viên kiêm-lâm nọ ra lệnh rào chung quanh đồn, làm cỏ sạch, c sàng dưới sông bờ lên án-núp, tinh ăn thịt người (2).

Sau ngày xâm-chiếm 12 năm, quan chánh tinh Brière làm bản phúc-trình về đất Kiên-Giang (Rạch-Giá) : 4 tổng, 57 làng, diện-tích 180 ngàn mẫu tây, đã khai thác chừng 1.948 mẫu trong đó có 1.400 mẫu ruộng nghĩa là mới khai-thác trên một phần trăm, dân định chừng 10.000 người. Quan chánh tinh Benoit năm 1871 đi truy-ní phiền-loạn, tái lại phần đất hoang-vu nằm giữa Rạch-Giá—Cần-Thơ (tức là quận Long-Mỹ, Giồng-Riềng phi-nhiều ngày nay).

« Xuống phái chòng trên cỏ, lướt tối như bàn trượt (patins). Dùng sào mà chòng, gấp chõ dày bịt thì cắt cỏ. Rạch Cá-Cau là nơi tụ-hop của trâu rừng. Lâu lâu phải cõng nhau đè nhìn hướng đi cho rõ. Sậy đè cao những hai thước. Chạng-vạng, muỗi bu lại ào ào, đêm ngủ trên sàn, đót lửa bồn phia. Bắt vài con rùa mà nướng đè ăn cơm. Chòng xuống liên-tiếp 4 tiếng đồng hồ mới qua khỏi cảnh đồng lúa ma. Gặp đia, gặp đường mòn của những chiếc cộ kéo cá... Choại mọc um-tüm; gấp đòn voi trên mười con, bắn súng hăm dọa... »

... Vùng Cà-Mau sầm-uất hơn, hoang-vu hơn, chỉ mới khai-thác trên một phần 200 : diện-tích chung 173.000 mẫu ; 905 mẫu có huân-lợi, trong số này đà-diệp (dừa nước) chiếm 329 mẫu. Vùng Cà-Mau có 10 đội đồn-diến, 5 đội tự giải-tán, 5

(1) M. DELTEIL, *Un an de séjour en Cochinchine*, Chellamel, Paris, 1887.

(2) SCHREINER, *Contes de Cochinchine*, Saigon 1907.

đội kia nhập vào 5 làng của tổng Long-Thủy để lập-thành tổng Quảng-Long. Tổng Quảng-Xuyên chỉ còn 2 làng Hưng-Ngãi và Hưng-Lợi gồm toàn người Miên; 7 làng kia, theo nghị-định ngày 31-10-1871 xáp-nhập vào phủ Ba-Xuyên (Sóc-Trăng) nhưng dân làng không định-cư, sống bằng nghề ăn ong.

Huyện Cà-Mau gồm 41 làng, 1.224 dân đinh, sống tách đếu um-tùm cây giá và cây tràm. Vùng Làng Biển (1) mêtnh-mông, nước đờ sậm. Nơi vầm Tắc-Thù, vài trại đóng đáy. Phải đi suốt ngày mới gặp một xóm, chừng 30 nhà, kiến-trúc khá khéo-léo, kè bên có dừa, cau. Các xóm này dường như sống tự-túc, không liên-lạc nhau. Vùng Tân-Khánh (Cái-Tàu) đã khai-thác công-phu. Làng Phú-Mỹ (Đá-Cùng) gồm có 22 dân đinh, có trồng cam, quýt, chanh, lập từ năm Thiệu-Trị nguyên niên (1848). Làng Tân-Duyệt đóng-đúc, 82 dân đinh; làng Tân-Thuận 87 dân đinh, thành-lập từ đời Gia-Long. Theo tổ-chức xưa, người ăn ong lập thành Hộ (hộ sáp); gồm năm chức hội-viên, đóng thuế tất-cả là 2.000 quan tiền hàng năm. Người Pháp đã bãi bỏ tổ-chức ấy. Gạo Cà-Mau vì dư ăn nên xuất-cảng, bán cho ghe Hải-Nam. Ghe biển, ghe chờ cài thì rất nhiều nhưng trong bộ chí ghi có 3 chiếc » (2).

Các bản báo-cáo của Brière và Benoist tóm tắt trên đây chỉ có giá-trị về phương-diện tả lại quang-cảnh chung của vùng Rạch-Giá—Cà-Mau. Đó chỉ là một cuộc thám-hiểm sơ-bô không hơn không kém, trong khi ranh giới các vùng chưa rõ-rệt, bộ máy chánh-quyền chưa được điều-hòa. Ở nông thôn, dân chúng còn hoang-mang, ăn lánh (mười năm sau ngày cự Nguyễn-Trung-Trực đánh chiếm tỉnh Rạch-Giá). Năm 1894, những con số của bác-sĩ Baurac nêu lên đáng tin cậy hơn (3) :

(1) Nay tên này không còn. Theo bản đồ xưa của Pháp, Làng-Biển gồm cả vùng U-Minh và quận Phước-Long ngày nay.

(2) Xem *Excursions et Reconnaissances*, tome I.

(3) Dr BAURAC, *La Cochinchine et ses habitants* (provinces de l'Ouest), Saigon, 1894.

BÈN-TRE : Khai-thác hơn phân nửa.

Diện-tích : 154.600 mẫu, khai-thác : 97.613 mẫu.

TRÀ-VINH : Khai-thác hơn phân nửa.

Diện-tích : 234.600 mẫu, khai-thác : 120.000 mẫu.

SA-ĐÉC : Khai-thác non phân nửa.

Diện-tích : 131.200 mẫu, khai-thác : 61.092 mẫu.

CÁN-THƠ : Khai-thác non phân nửa.

Diện-tích : 230.000 mẫu, khai-thác 98.000 mẫu.

SÓC-TRĂNG : Khai-thác hơn một phần ba.

Diện-tích : 211.300 mẫu, khai-thác : 75.490 mẫu.

Đặc biệt về Rạch-Giá — Cà-Mau :

RẠCH-GIÁ : Khai-thác 1 phần tam.

Diện-tích : 800.000 mẫu, khai-thác : 100.000 mẫu.

CÀ-MAU : Khai-thác một phần sáu mươi ba

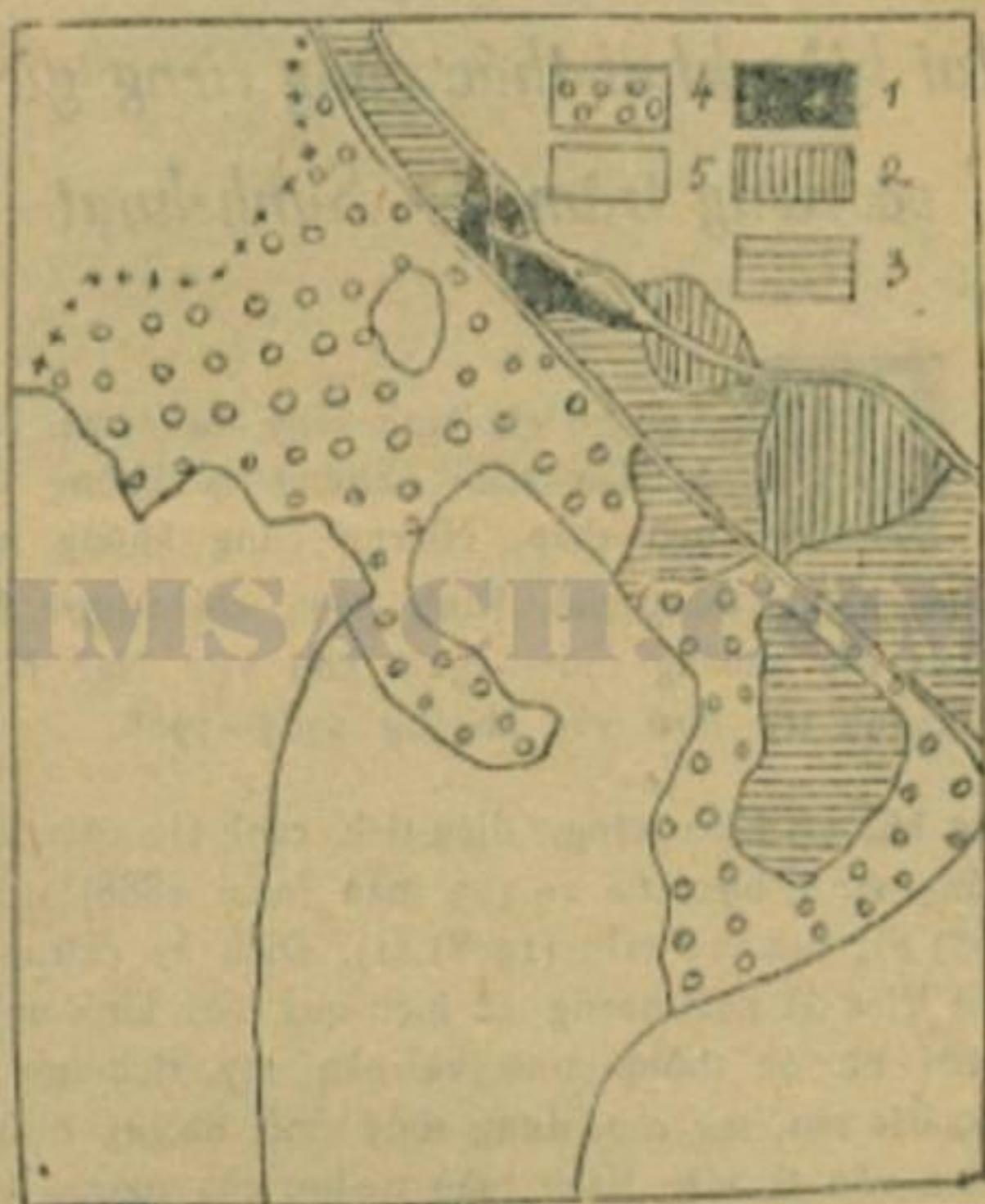
Diện-tích 580.000 mẫu, khai-thác : 9.172 mẫu (1).

Bản đồ vẽ dân số bên đây, trè hơn, vẽ phỏng vào khoảng 1911 nhưng cũng giúp chúng ta có một ý-thức về làn sóng di dân & Hậu-Giang trong buổi giao thời của hai thế-kỷ : từ nơi đât chật tràn qua nơi đât rộng.

Dân miệt « Hai huyện » qua lập-nghiệp & Rạch-Giá — Cà-Mau. Các cụ thường nói như vậy. Hai huyện, theo lời chú-thích của các cụ là Cần-Thơ và Long-Xuyên (huyện Phong-Phú, huyện Đông-Xuyên). Vùng Sóc-Trăng tuy đông dân nhưng phần lớn là người Miên ; họ không thích đi xa để canh-tác theo lời triều-khai như người Việt-Nam thuộc ày.

(1) Cà-lé là tỷ lệ cao nhất, sau Đồng Tháp Mười. So sánh với miền Trung Kỳ, chúng ta thấy một sự tương phản rõ rệt :

Cụ TRƯỜNG-VĨNH-KÝ, trong quyển *Đại Đồ Thuyết Lược*, Imprimerie de la Mission, Saigon, 1887 ghi những con số : Quảng Đức (Thừa Thiên), thiệt-trung 71.669 mẫu, lưu-hoang 3.122 mẫu ; Quảng Trị, thiệt-trung 55.697 mẫu, lưu-hoang 1.673 mẫu.



- (1) mật độ từ 200 đến 300 mồi km^2 (Chợ Mới).
- (2) mật độ hơn 300 dân mồi km^2 (Sa-Đéc, Phù-Lang).
- (3) từ 1 đến 200 mồi km^2 (Cần-Thơ, Sóc-Trăng).
- (4) từ 50 đến 100 mồi km^2 (Rạch-Gia, Bạc-Liêu).
- (5) dưới 50 dân mồi km^2 (phía núi Cà-Mau).

(Theo A. Pouyanne. Atlas des voies d'eau
de la Cochinchine, Saigon, 1911)

Hai kiều khai-thác vùng rừng già và rừng tràm — Sanh-hoạt

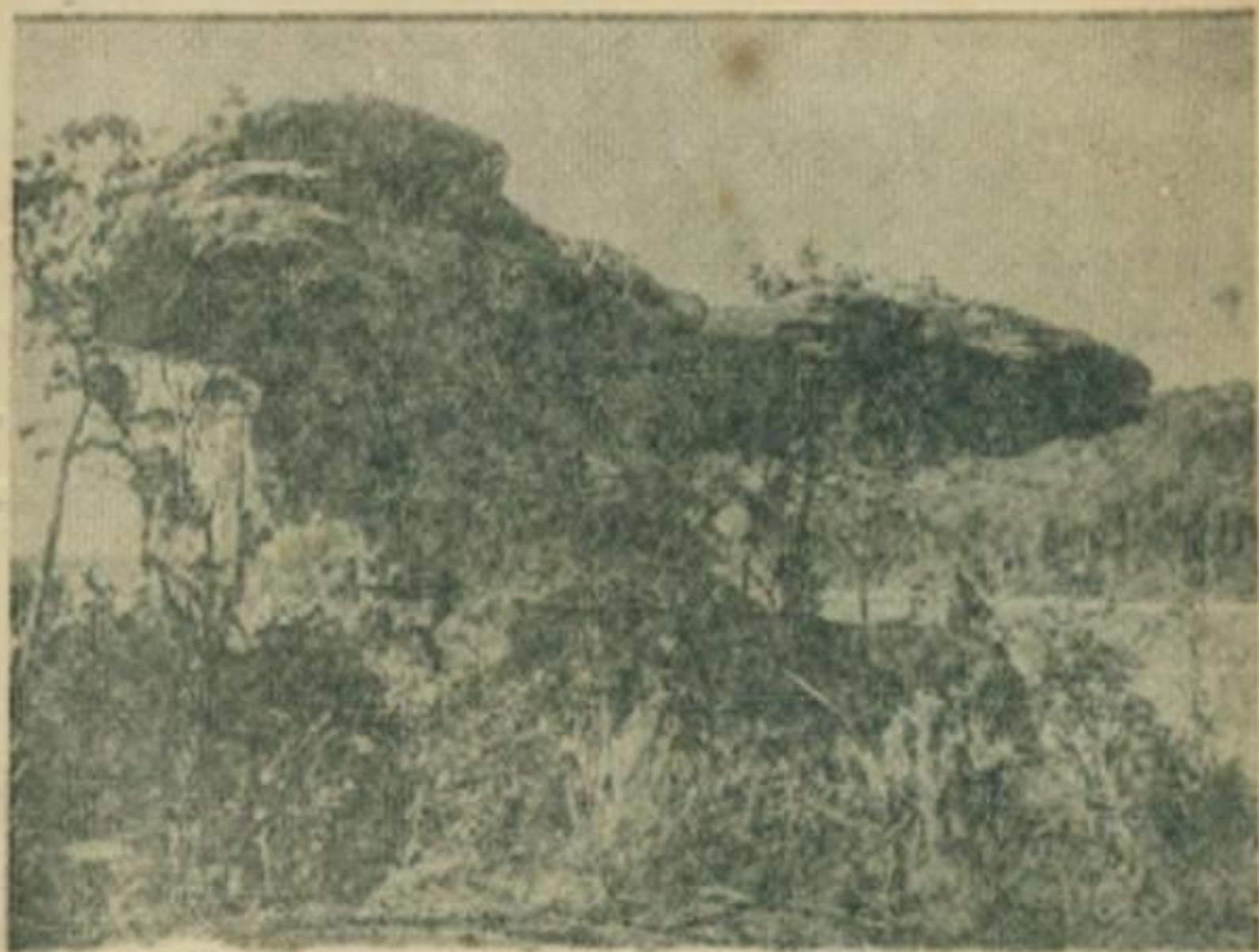


É vai trò các kinh xáng do người Pháp đào ở Hậu-Giang, chúng ta không đánh giá quá thấp. Nhưng cũng không nên đánh giá quá cao, không đúng chỗ. Kinh xáng chiến-lược, kinh Xà-No, chỉ đào vào khoảng 1901—1903, khu vực Ngã Năm, Ngã Bảy hoàn thành trễ hơn vào khoảng 1905—1908.

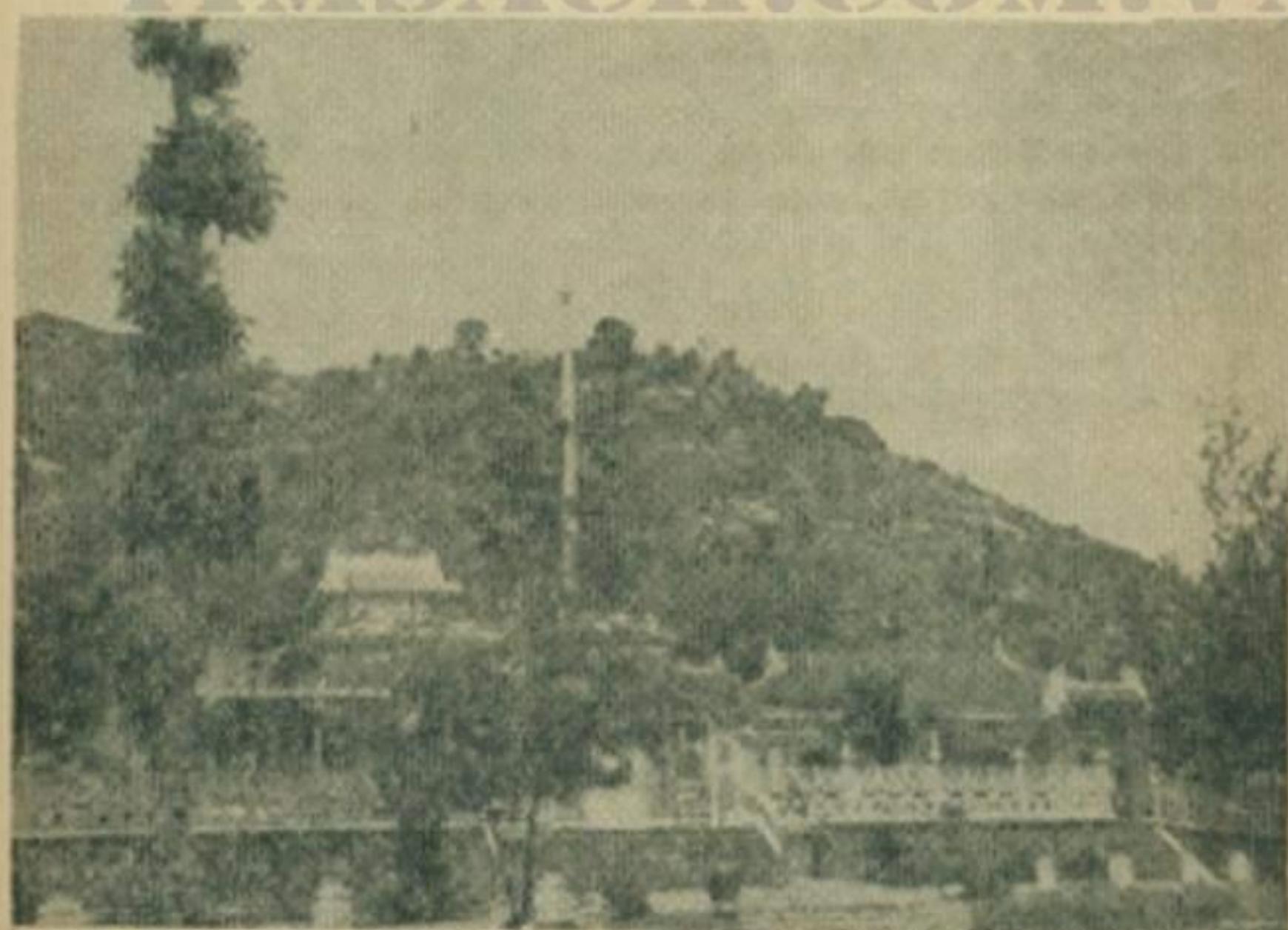
Trước khi có kinh xáng, diện-tích canh-tác của tỉnh Rạch-Giá đã tăng vượt bậc, từ 29.403 mẫu (năm 1888) đến 70.331 mẫu (1898) rồi 142.223 mẫu (1908) (1). Điều ấy chứng tỏ rằng người dân Việt đã khai-hoang có hiệu-quả với kinh-nghiệm cỏ-truyền, với bộ óc thông-minh và bàn tay tích-cực của họ. Đánh cọp, bắt sấu, trừ rắn, dụng thủy, mở những đường giao-thông nhỏ... vẫn là việc hoàn toàn tự-lực của người Việt-Nam.

Trong giai-doạn mới, lúa gạo được tăng giá vì xuất-cảng dễ-dàng qua tay người Pháp, khác hẳn lúc bè-quan tòa-càng hồi đời vua Tự-Đức. Sự tăng giá là động-cơ chính thúc-đẩy việc khai hoang.

(1) A. COQUEREL, *Paddys et riz de Cochinchine*, Lyon, 1911. Xem thêm P. BERNARD, *Le Problème économique indochinois* trang 94 — 95. Mức sản-xuất tiêu-nhanh trước khi có kinh xáng (1875 — 1900) hơn là lúc sau (1900 — 1930).



Trên Cao-nghuyên Tà-Lơn (chaîne de l'Eléphant) một khối sa-thạch bị xói mòn giống như cây dù — gọi là điện CẨN DÙ.



Núi SAM, «nơi khói bếp hòa lẫn hương rừng, nơi khói hương chùa-chiền bay nồng tiếp với mây cao» theo lời của Vinh-Tế Sơn Bí Ký.

Ông SÁU LĂU ở Hòa-

Bình (Bạc-Liêu) một nhạc-sĩ cồ-nhạc có thiên-tài, đã gộp công khai-sáng ca khúc DẠ CỒ HOÀI LANG.



Nghệ-sĩ LU-HÒA-NGHĨA (Nâm-Nghĩa) đã cảm-hoài « tiếng chuông chùa » ở núi Sam (Châu-Đốc), phát-huy lối ca trữ-tinh, mở đầu cho giai-doan phồ-biển của VỌNG CỒ BẠC-LIỀU ở khắp miền Nam (1934).

(Ảnh chụp vào thời ấy, do nghệ-sĩ trao tặng cho nhà xuất-bản)



Nghệ-sĩ NGUYỄN-THÀNH-ÚT (Út Trà-Ôn) với làn hơi thiêng-phú và kỹ-thuật đột-dáo đưa bản VỌNG CỒ đến thời hưng-thịnh.

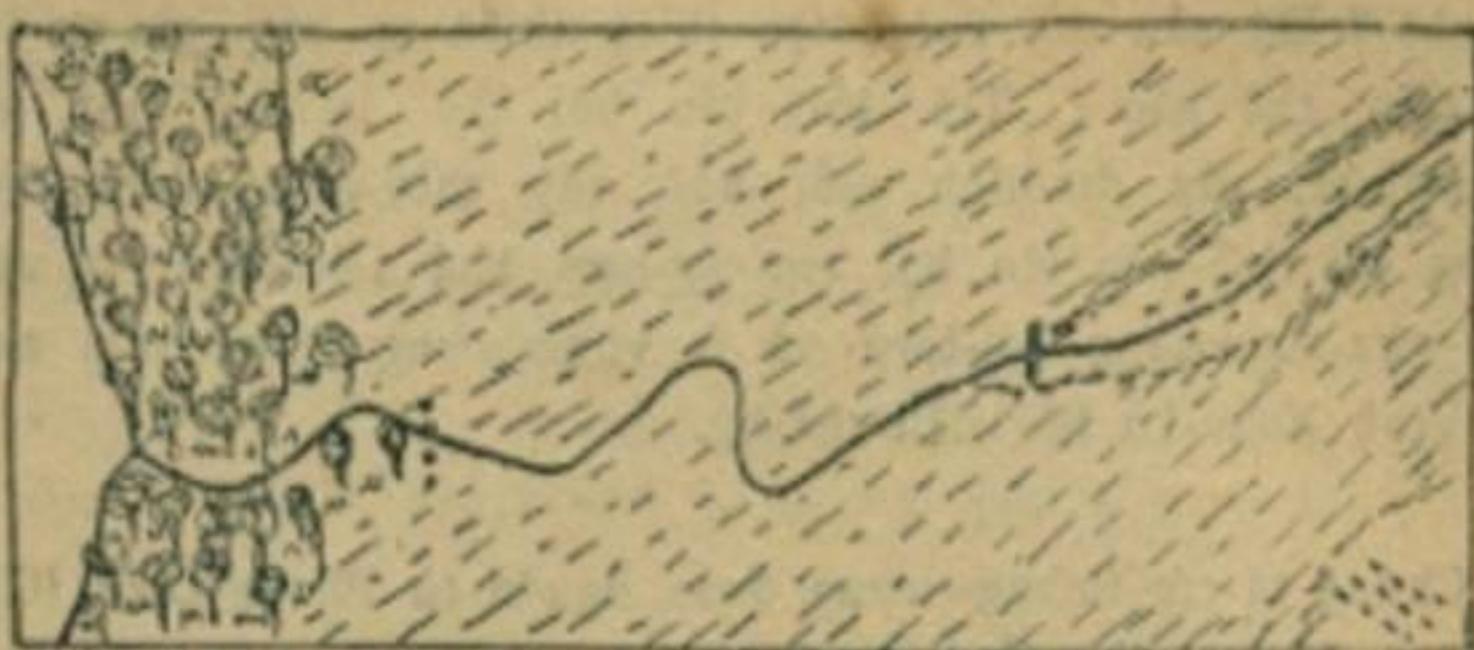


(Ảnh chụp hồi năm 19 tuổi, lúc nghệ-sĩ bắt đầu ca bài « Thủ-trột canh đồng ».)

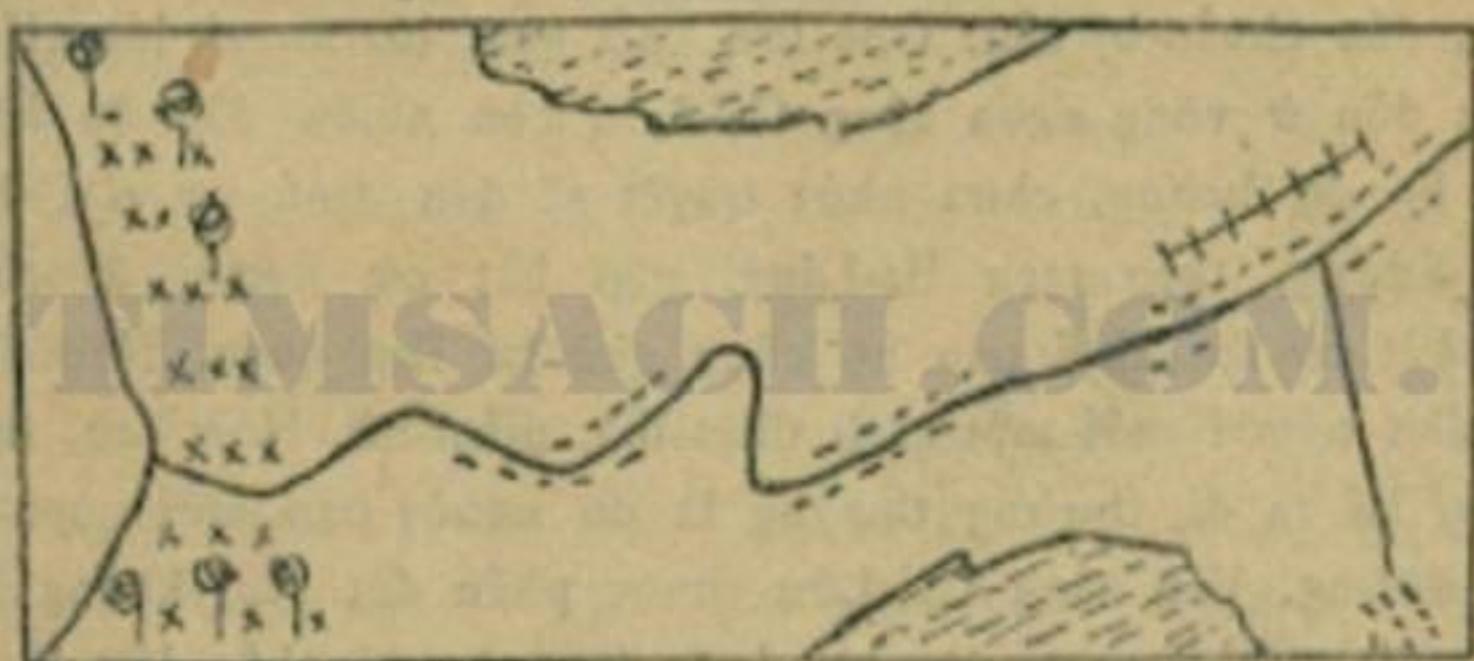
KHAI THÁC VÙNG RỪNG GIỮA SÔNG CÁI LỚN

(Rạch Cái Bàn – Làng Long-Trị, Rạch-Giá)

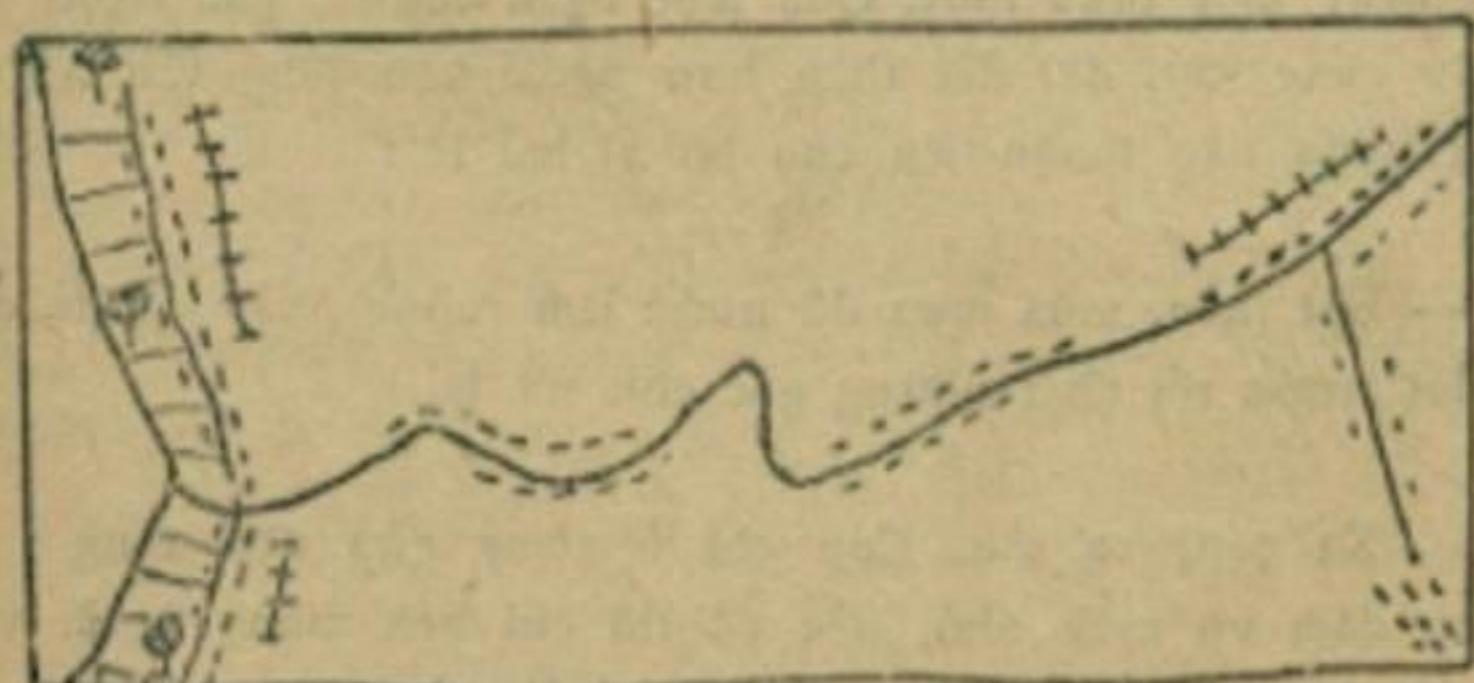
(chấm đen : nhà)



(1) Khai thác vùng cù lao, lập xóm trong ngọn (khoảng năm 1900)



(2) Khai thác toàn diện vùng cù lao, phả riêng giữa để làm rẫy khoai lang. Đường cày ở ngọn rạch mõi qua xóm Miền (năm 1910)



(3) Khai thác toàn thể vùng cù lao và rừng già ở ven sông Cái Lớn. Ngoài mỏ sông, dân chúng đào mương nhỏ, lập vườn dừa... (năm 1920)

Người đi mở đường phá rừng đã làm những công việc cụ-thể nào ? Đã sửa đổi cuộc-diện thiên-nhiên ra sao, già-cúi tấp-hop như thế nào ? Trả lời câu hỏi ấy là cả một việc phiền-phức, tùy địa-hình mỗi nơi, tùy thời-gian nhứt định. Chúng tôi thử nêu lên hai trường-hợp khá tiêu-biểu, ở vùng rừng gừa theo sông Cái-Lớn và ở vùng rừng tràm trâm thủy dọc Vịnh Xiêm-La hối đầu thè-ký.

Chúng ta cứ tưởng-tượng đoàn người từ Phong-Điền (Cần-Thơ) ra đi tìm đất để lập-nghiệp. Họ đi từng đoàn gồm bốn năm chiếc xuống và một chiếc ghe lớn. Dao, búa, cưa... nồi chén, đều chuẩn-bị sẵn. Ghe lớn chờ gạo, lúa ăn và lúa giòng. Nghe đồn ở vùng ngọn sông Cái-Lớn còn nhiều đất để khai-phá, họ dẹp đường, chưa nhứt quyết sẽ đèn định cư nơi đâu. Dọc đường, theo rạch Ba-Láng, gặp bắt cứ người đi rừng nào, bắt cứ làn khói nào họ cũng ghé lại làm quen. Người cũ chỉ dẫn người mới một cách thiệt-thà, niềm-nở. Hôm sau, đoàn người lại ra đi, thường thường là do người bạn mới quen nọ dẫn đường. Ven sông Cái-Lớn thuộc phần đất cao, không bao giờ ngập nước ; rừng dày bít, loại rừng gừa, vì phần lớn là cây gừa ; ngoài ra còn cây xôp, bàng, mù-u, sắn. Sát bờ sông có rừng bán. Họ vào vàm rạch nhỏ, quá n้ำ bảy trăm thước, cây rừng ngày một thưa thớt. Quá một ngàn thước, gần ngọn rạch là đèn vùng sậy, đè, đất thấp hơn ngoài ven sông Cái... Vùng trong ngọn này thuận-tiện cho họ vì hai lẽ :

— Đất thấp, mùa mưa dù nước làm ruộng ; sậy đè dẹp, cứ đốt trước rồi chặt những gốc còn sót lại.

— Xa cọp, xa sâu. Cọp chỉ ở rừng gừa ven sông ; sâu không dám vô rạch nhỏ, nếu có thì chỉ bén mảng ngoài vàm. Cứ xộc một hàng cù chặn ngang lại là yên.

Cột nhà, lá lợp nhà đã sẵn có ở chung quanh. Mùa khai-

hoang đầu tiên thường là không đủ gạo mà ăn, họ qua mây vùng kè bên vay mượn hoặc tìm sáp ong, chờ một ghe cùi trở về Cán-Thơ mà đổi lấy gạo, vài, thuốc uống.

Mùa mưa, nước dưới rạch ngọt. Đầu đầu mùa hạn thì lo đắp đập, đê giữ nước ngọt lại. Mùa mưa năm sau, đất dễ dồn. Chim chóc tha hồ phá-hại mớ lúa giồng vừa gieo xuống. Mụn nhô lên, cày rất khô vì đất quá cứng. Lúa trổ đồng-dòng, khi bu lại trước phá. Lúa đơm bông, lại gặp nạn chuột, két, cu, heo rừng...

Nếu có xóm nhà khác & gần ngọn rạch thì may mắn biết chừng nào ! Thường thường người Miền thích & trên những giồng đất cao. Người Việt-Nam và người Miền không thù hận, trái lại rất ưa làm quen. Quyền-lợi đôi bên không bị đụng chạm. Người Miền đã khai-thác đủ đất ruộng ; họ không muốn triền-khai việc canh-tác. Người Việt-Nam chỉ lo khai phá phần đất hoang còn quá rộng-rãi kia. Họ tìm cách liên-lạc nhau ; khi trời sa mưa họ thết một tánh cày, nồi liên hai xóm.

Người xóm bên này cày đi qua ; người xóm bên kia cày đi lại. Hai đường cày lny nhập một, bé ngang cỡ sáu tấc, bé sâu chừng hai tấc. Mùa mưa, tánh cày trở thành con kính nhỏ, không xuống đi được. Lâu ngày, đường cày nọ sâu thêm, rộng thêm (1).

Vài năm sau, ruộng khá trúng mùa, đủ ăn. Các người khai hoang trở về Cán-Thơ thăm gia-dinh, rủ-ren bà con chởm xóm. Bé làm ăn dễ-dãi, được tự-do khai-khản, có tương-lai, ai mà không thích ! Xóm nhỏ ngày một đồng hơn, nhà cửa cát lán trở ra phía vàm, tiền đèn mì rùng gừa đất cao, nơi cọp ở. Nói chung, cọp kiêng-né loài người. Con người lấn lán không sợ cọp vì hiều nhược-diểm của chúng. Sách Gia-Định Thông-Chí của Trịnh-Hoài-Đức đã ca ngợi người dân đất Gia-Định dám

(1) Hiện nay, còn nhiều địa-danh : Đường Cây, Mương Cộ, Đường Xuồng; hàng năm đến mùa nước, dân chúng thường cho trâu đậm thêm sấu (Đường Sấu).

thứ một cây côn, một ngọn mác để chòng cự một mình với cọp. Đầu bà đi gặt hái gấp cọp cũng dám dũng liém hái mà đương đầu.. Người dân Hậu-Giang đã thừa hưởng dòng máu anh-hùng đó.

Hiển-hậu nhứt, dễ giải-quyết nhứt là nạn voi. Cứ cho người Miên ở xóm bên cạnh hay biết, họ mừng rõ, cặp báu vé Bảy Núi, vé Cán-Vợt là tháng sau có thấy chuyên-môn đèn dụ đàn voi nọ về nuôi.

Sau đây là kiều khai-hoang thứ hai, nơi vùng *rừng tràm* tràm thùy. Người dân từ Long-Xuyên, cù-lao Ông Chưởng đi theo kinh đào Núi-Sập đèn Rạch-Giá rồi men theo bờ biển xuống phía Nam, đèn miệt Thứ nhiều cá nhiều rùa ; trên mười con rạch chảy song song từ U-Minh đổ ra Vịnh Xiêm-La.

Hoàn-cảnh bắt buộc họ dùng đường biển vì đường sông không có. Nếu có thì là những lung, rọc... quá cạn, những lạch nước nhỏ bị vòm cây rừng che khuất tối om. Từ biển vào rạch, họ trải qua vùng rừng cây mầm. Kè đèn là vùng cỏ thấp mọc trên đất phè-sa mặn đắng. Biển cỏ ấy tiếp với dãy rừng tràm tràm thùy ; rừng tràm nòi đèn U-Minh.

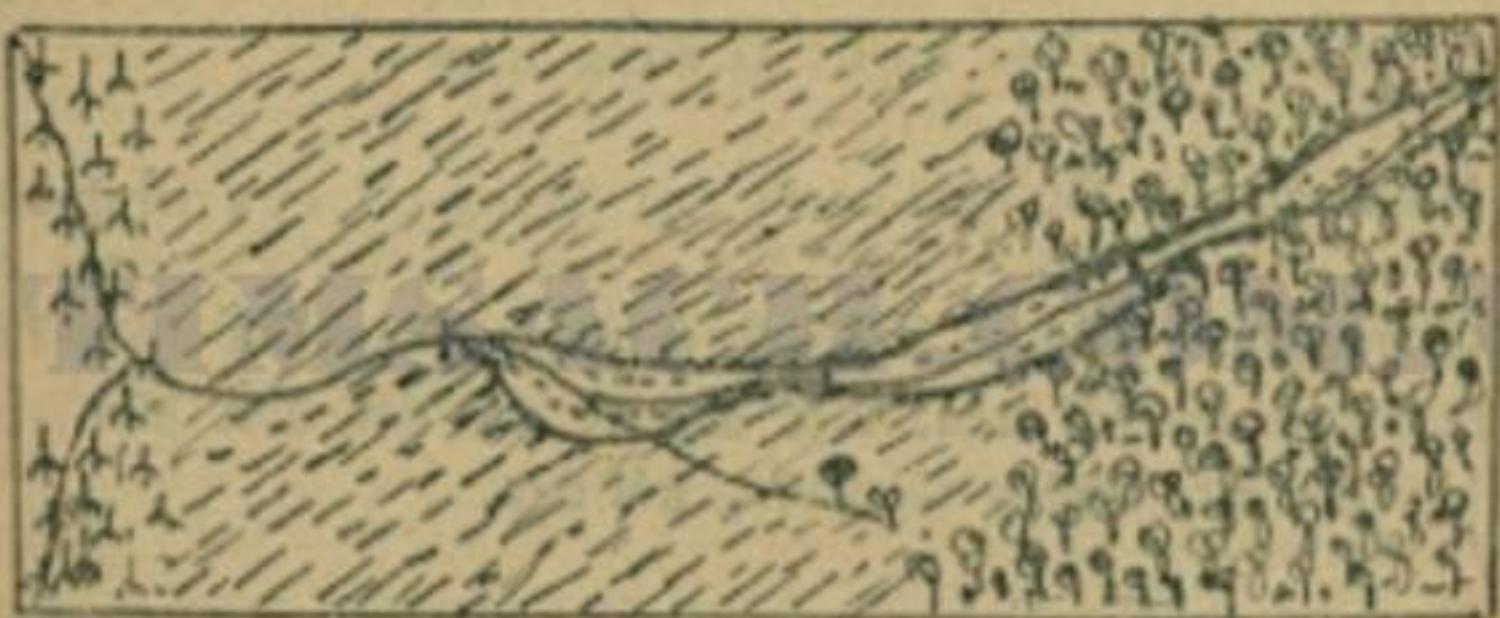
Họ tiễn vào rừng, hạ tràm xuống cho đất trồng-trại rồi đào 2, 3 cái mương nhỏ, quăng đất lên đắp nền nhà. Nhà dựng lên, như một hòn đảo nhỏ. Suốt mùa mưa, nước U-Minh đồ xuống một chiêu ra biển nên họ dù nước ngọt mà uống. Rừng mới phá, họ cày lúa chen vào khoảng giữa mây gốc tràm chưa mọc. Mùa hạn đèn (tầm tháng mười Âm-lịch), họ đắp đập để chặn nước mặn. Nhưng nước mặn lần lần thâm xuyên qua đập. Chọn giống lúa sớm (gặt sớm) là cách hay hơn hết để tránh nước mặn vào ruộng khi lúa chưa chín. Lúa gặt sớm trong khi đất ruộng chưa khô ; lúa bỏ treo trên mây gốc tràm còn tươi nụ. Heo rừng, loại chim lá rụng, chuột... tập-trung lại phá-hại mùa màng. Gài bầy heo, săn heo, đuổi chim là chuyện hết sức khổ nhọc, cà xóm ngày đêm thay phiên nhau canh chừng. Xong mùa gặt, nước dưới rạch mặn như nước biển rồi lần lần khô cạn. Đập hóa ra vô dụng ; họ khai đập để nước

KHAI HOANG VÙNG RỪNG TRÀM

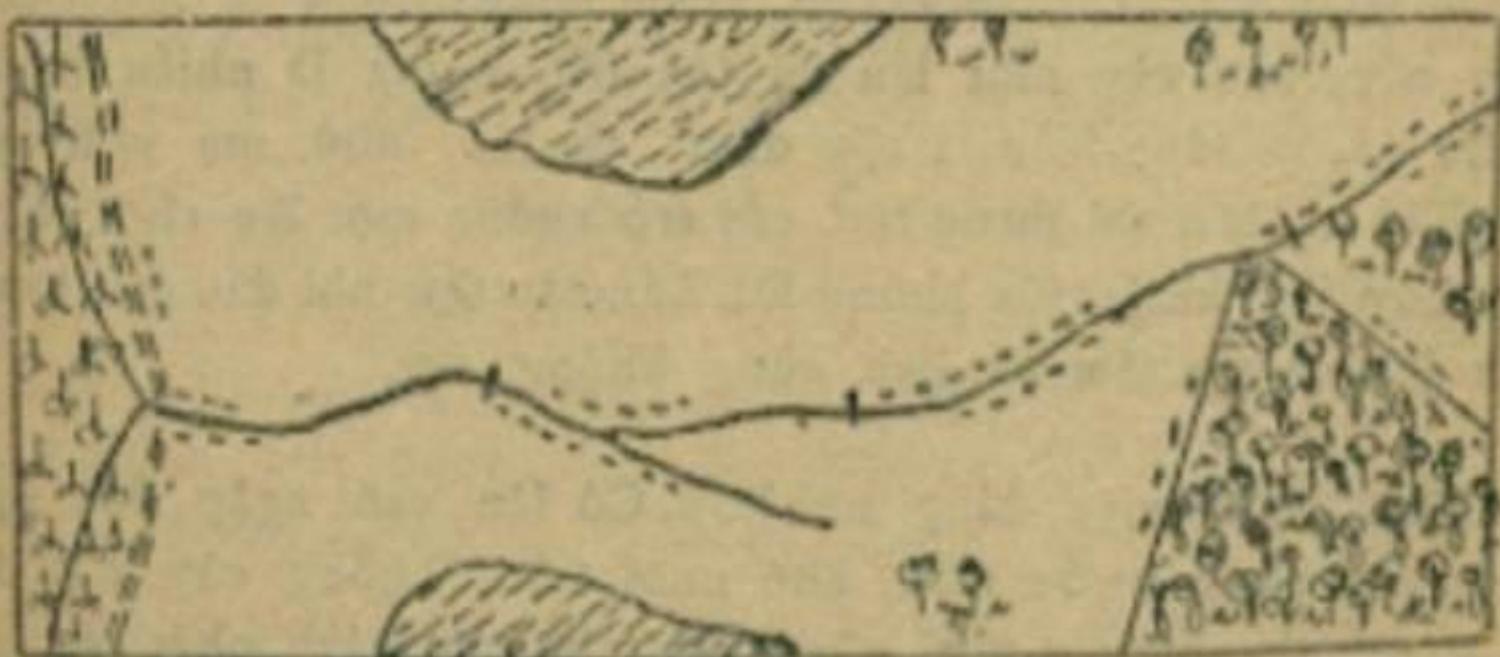
Xóm Rạch Thủ Sáu (làng Đồng-Thái — Rạch-Giá)
(chấm đen : nhà)



(1) Phê rừng tràm trong ugen rạch (trước năm 1900)



(2) Thêm hai xóm, xóm giữa và xóm gần vòn; khai thác trở ra vùng cỏ nước mặn (năm 1905)



(3) Khai thác xong 2 bên bờ rạch. Rừng tràm trở thành rừng cám. Nơi ven biển, dập bờ ven chân nước mặn để khai thác bãi bùn là chục thịt (rừng cây mắm) (năm 1925)

bien vào ra lưu-thông, có thể chở xuống tới lui. Tìm nước ngọt đè uồng rất khó. Họ tổ-chức ván-công lên U-Minh đào đít, mực nước ngọt về hoặc đi ra tận ngoài Hòn Tre.

Mày người đi khai-hoang đèn sau cứ chọn nơi mé rạch, gần vách biển hơn nhôm người trước. Họ tổ-chức đập đập từng chặng. Đèn mùa hạn, đập thứ nhứt khai trước, tháng sau đèn đập thứ nhì, thứ ba...

Brière tả rất đúng về vùng Cà-Mau : « Dân chúng chỉ dọn một lôm đất giữa rừng, nhà cát cho có chừng giữa những gốc cây mới đồn còn nhỏ lên lôm-chòm. Ngoài rạch có hàng cù và đập. Cách vài chục thước là rừng tràm ».

Đó là ám-chỉ lòi khai-hoang mà chúng tôi vừa trình-bày.

Ở vùng bãi biển, ở U-Minh, ở cù-lao sông Cái (Sóc-Trăng) thì khác hẳn hai lòi trên. Việc đập đè, đốt đất, đồn bán... ngày nay hãy còn nên chúng tôi không nói đèn.

Nói chung về kỹ-thuật canh-tác, về dụng-cụ nông-nghiệp, các cụ ngày xưa không sáng-tạo được gì quá mới lạ. Ruộng làm mỗi năm một mùa, không cần phân bón. Cũng cày bừa hoặc phát cỏ như ở miền Cần-Thơ, Mỹ-Tho. Điểm đáng chú ý là nơi đất mới khai này, nếu cày một lần thì lúa lột, nghĩa là nhiều lá, bông ít. Do đó, có sáng-kiến là cày đậm: tia lúa, nhò mạ non ày mà cày. Khi mạ lớn thì bưng lên, cây trờ xuống một lần chót (cày hai lần). Cày đậm khiến lúa không lột. Lần cày thứ nhì đầu trễ, sau cơn mưa lụt tháng tám âm-lịch cũng không sao.

Phát cỏ là việc đáng nói hơn. Cỏ lên cao ngập đầu người. Vùng đất phèn nước mặn, khô nuôi trâu, không cày đất được. Thay vì cày bừa, người nông-phu chỉ còn cách phát cỏ, cào cỏ rồi cày. Kỹ-thuật phát cỏ ở Hậu-Giang đã đạt đèn mức tinh-vi, thiêt-tường toàn quốc không đâu bì kịp. Hình-thức cày phẳng khác lạ hơn cày phẳng của người Việt ở Mỹ-Tho hoặc người Miền ở Sóc-Trăng: cát ngắn 3 tấc, lưỡi phẳng dài đèn chín tấc; cát và lưỡi

tiếp nhau đúng gốc thước thợ. Các động-tác phát cỏ đều được nghiên-cứu kỹ, công-thức hóa. Nhiều cây phẳng nặng đèn 1 yến 2 (trên 7 kí-lô), người lành nghề có thể phát sáu công đất mỗi ngày, — 6 lần nhiều hơn mức trung-bình ngày nay. Ở Vinh-Mỹ (Bạc-Liêu) còn truyền-tụng thành-tích của ông Trường Sâm; ông phát thó suýt một ngày một đêm được 25 công đất (trên 25.000 thước vuông) mà không cần nghỉ ăn cơm. Cây phẳng của ông nặng 1 yến 3 (7 kí-lô 800), lưỡi dài 1 mét 20. Chuyện ấy rất có thể xảy ra vào thời trước nêu chúng ta nhìn vào phong-độ của thợ phát thó bây giờ hãy còn.

Tất nhiên, thời xưa không phải chỉ có một người như ông Trường Sâm. Chúng ta tin rằng sức của các cụ thuở ấy mạnh gấp mày lần chúng ta ngày nay. Cũng theo truyền-khẩu, ông Cai Thái (có lẽ là Thoại) đã kéo một chiếc ghe lồng, phỏng-dịnh trên 2 tần (chỗ đầy cá và nước) qua đập. Sau đó, vì lời cam-kết, chủ ghe chịu thua, đãi ông một tiệc cá nướng. Một mình, ông ăn hết nửa tạ cá (1).

Đất Rạch-Giá—Cà-Mau không phải là nơi dụng võ tốt của loài cọp. Sông lâu ngày ở vùng ẩm-thấp, nước mặn, cọp lẩn lẩn trở nên bịnh hoạn, chậm-chạp, rụng lông, thùi móng. Trái lại, loài sàu gấp hoàn-cảnh thuận-tiện. Ngoài cách câu sàu bằng mồi vjt hoặc người thợ câu mang phao nổi hai bên hông để tự làm mồi, dân ở vùng U-Minh Hạ tìm ra sáng-kiên đốt lửa để bắt sàu, loại sàu cá, sông ở ao giữa rừng.

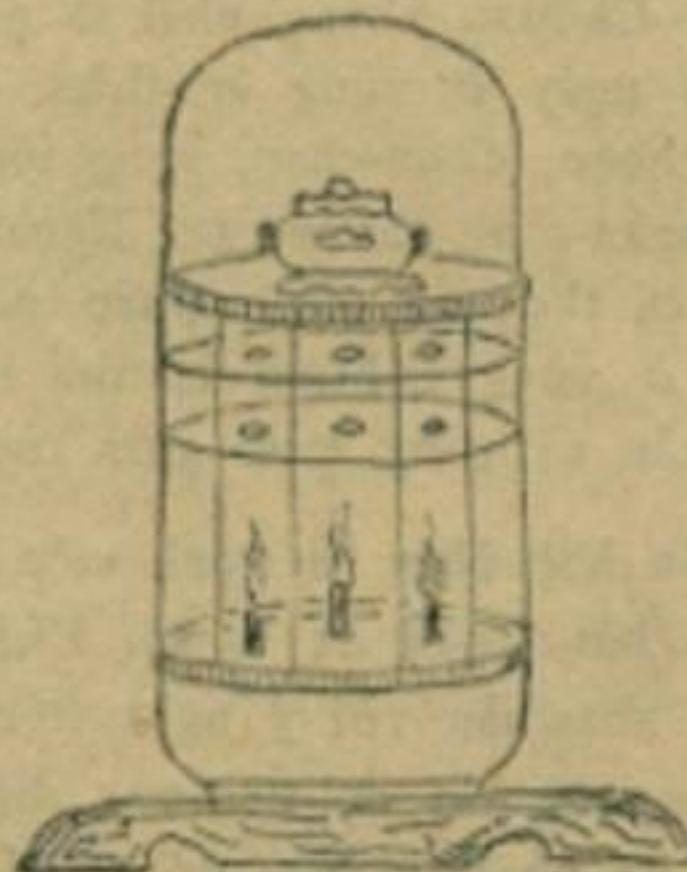
Nói chung, dân Việt-Nam ta tránh việc sát sanh; đánh cọp, bắt sàu là chuyện bắt-đắc-dĩ để tự-vệ. Khi mới phá rừng, họ cắt miếu thờ cọp hoặc sàu với ý nghĩa tôn-kinh. Nếu cọp, sàu hành-hành, giết người thì họ tích-cực diệt-trù. Việc bắt giết ấy chỉ hạn-chè trong phạm-vi nào đó để cảnh-cáo thôi. Sau đó, họ lại cũng miếu cọp, đem dầu sàu về thờ. Việc thờ cũng dung-

(1) Ở Hưng-Yên (Bắc-Phòn) cũng có tích-đog trọng án Lê Như Hồ, là rất nhiều, làm rất khốc...

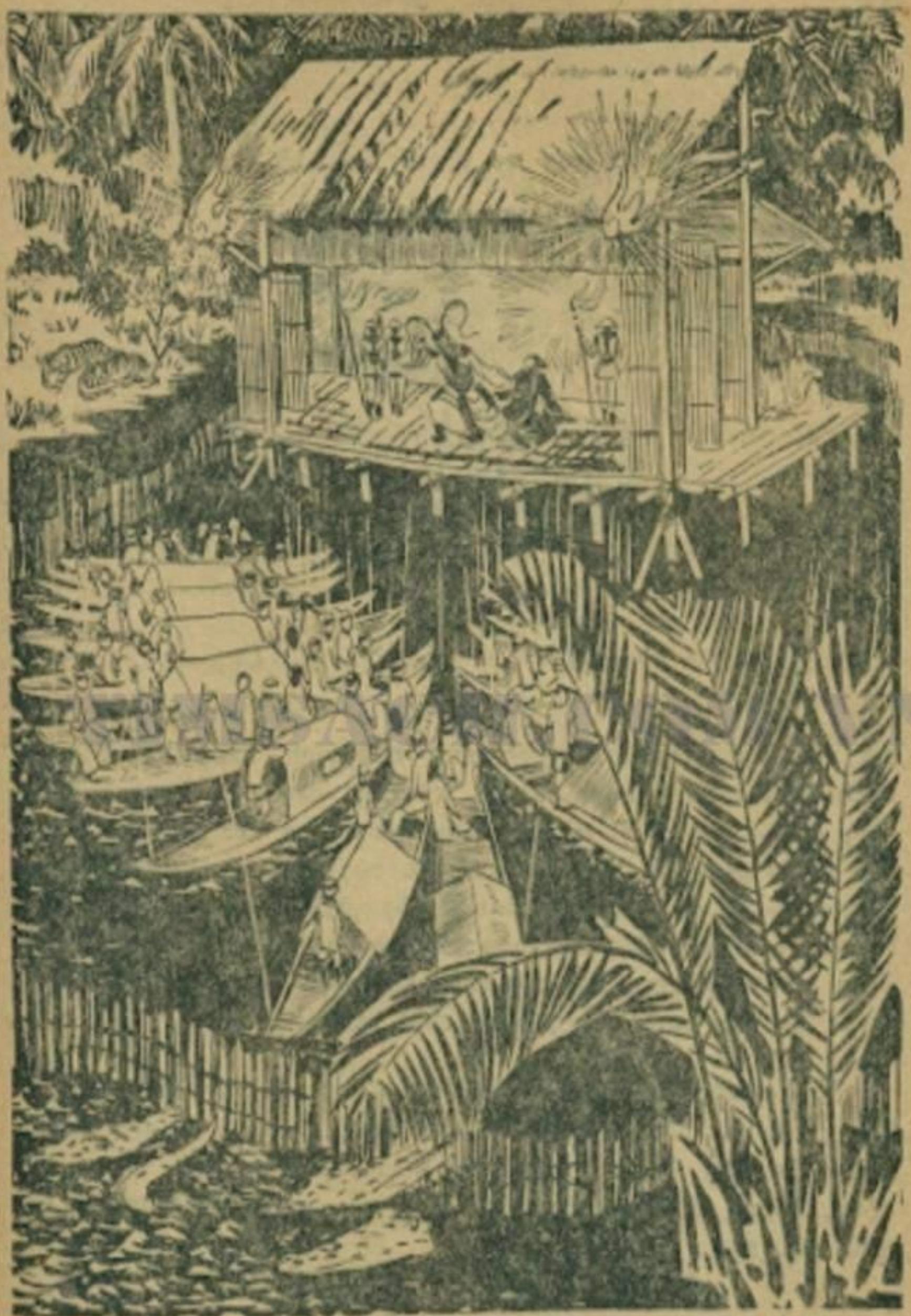
hòa mồi mâu-thuẫn : vừa tôn kính, vừa khinh thường ; nài nỉ, cầu khẩn nhưng cũng là cảnh-cáo, răn-he ; tuyệt-đòi không bao giờ có ý-nghĩa khiêu-khích. Họ chỉ muốn dồn thời giờ, sức lực vào việc canh-tác.

Trong khi chưa lập được đình chùa, thi miếu thờ cọp giữ một vai trò quan-trọng về đường tinh-thần. Ngày giặc Pháp tàn công, dân chúng vùng Tân-Hưng bỏ nhà, chạy vào rừng. Nhưng hàng đêm, họ trở về miếu cọp, ngồi xùm-xít, nhìn nhau, nhìn khói hương mà rời nước mắt.

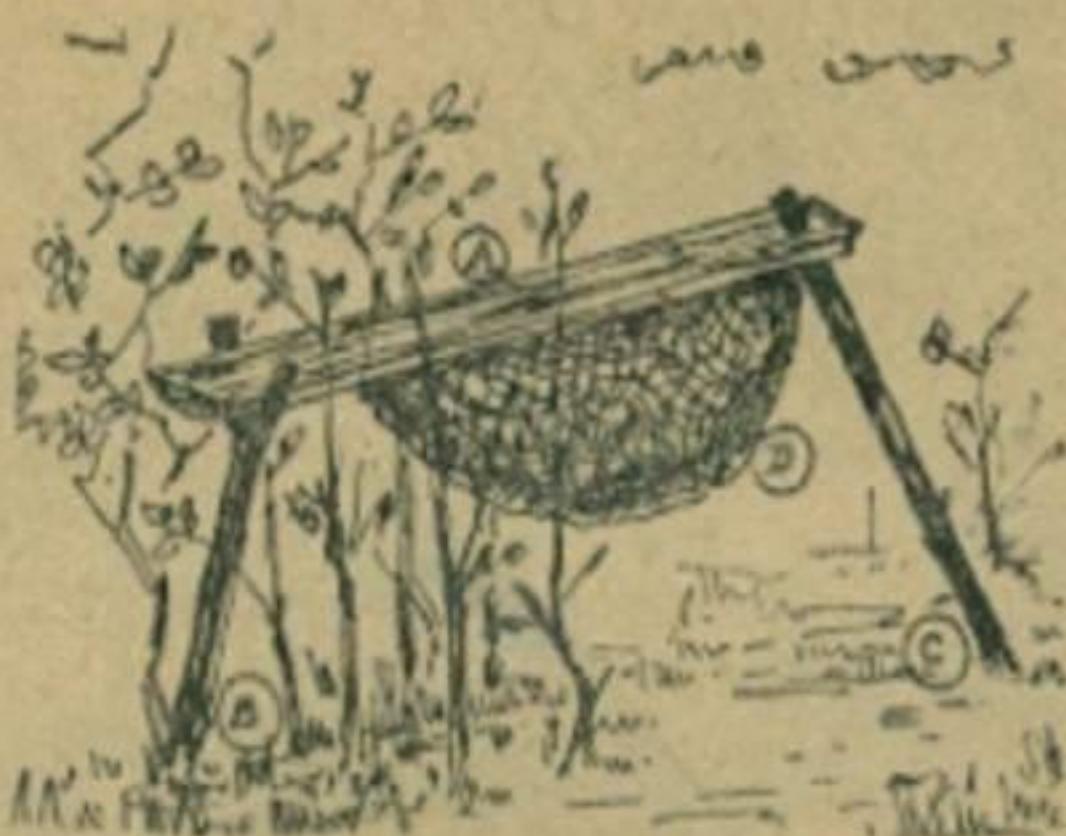
Ngoài nghề chánh là làm ruộng, người đi khai-hoang còn bận rộn nhiều công việc khác. Vài nhà khảo-cứu người Pháp đã gieo một ẩn-tượng mơ hồ rằng trước khi thực-dân Pháp đèn mồ mang, dân ở Rạch-Giá—Cà-Mau sòng bằng nghề ăn ong, bắt cá. Sự nhận-xét ấy cần được minh-xác lại. Đòi với đa số dân chúng đó chỉ là nghề phụ, giúp họ thêm huê-lợi mua sắm áo quần, thuốc men để khai-khẩn ruộng đất. Vì tìm đất làm ruộng



Là lục-uôn thuộc « cái lão huờn
đồng », bên dưới là 3 ngọn đèn dầu
phụng, trên là lư đựng ké ong (kiểu này
như tăm ở Cái Tàu)



Thúi phác lối cảnh HÁT BỐI GIỮA RỪNG
ở miền Rạch-Giá, kái nới khai-hoang



KÈO ONG :

A, tẩm kèo — B, cây bời — C, cây nồng — D, ó ong.

FIMISACH.COM.VN

mà có cuộc Nam-Tiền. Sau một quá-trình hàng bao thè-ký, trình-độ văn-minh nông-nghiệp, kỹ-thuật canh-tác ở vùng đồng bằng của người Việt đã đạt đến mức đáng kinh ngạc. Ngay kỹ-thuật « ăn ong » cũng đã khá tinh-vi, gác kèo như cho ong xuồng ; việc nấu sáp có tánh chất là tiêu công-nghệ trong gia-đinh ; các hội-viên « ăn ong » kết-hợp thành *HỘ*, hình-thức thấp của nghiệp-doàn với nội-quy khá chặt-chẽ. Có y-sĩ đã tìm cách luyện thuốc cài lão huren đồng bằng chặt kè ong (1).

Vài người làm ruộng « lò bom » (tức là rẫy lúa), đốt cỏ hoang rồi tia xuồng giống lúa mau ăn (3 hoặc 6 tháng) nhưng hình-thức này được người Việt-Nam áp-dụng một cách chủ động, không dời nhà cửa khi phần đất ruộng « lò-bom » hết mầu mỡ. (2)

(1) Địa-danh : Ngan Dừa, Ngan Triều, Ngan Rít là tên những sô, khai thác phong ngựa lúc trước. Ăn ong cũng gọi là ăn ngan. Về thuốc cài lão huren đồng, tuy kết-quả chưa rõ-rệt nhưng chúng tôi ngày xưa các cụ cũng biết mè nầm chế loại apisatum.

(2) Loại ruộng Lò-Bom này bây giờ còn áp-dụng ở vùng nói Triều, Hà-Tiền (tại ấp Lò-Bom), theo kỹ-thuật khác cho thích hợp với ruộng trước kia.

Câu « Nhứt phá sơn lâm, nhì đâm Hà-Bá » nói lên hậu-quả bi-quan của những nghề đồn cùi, ăn ong, bắt rắn, rùa, phá sán chim, đặt lò. Nó bộc-lộ tinh-thần khuyên nông và quan niệm luân-lý của thời ấy. Kè nào đứng-dẫn, muôn lập thân thi nên kiên-nhẫn chịu lỗ công, thà làm ruộng một năm thâu huê-lợi một lần còn hơn là theo đuổi những nguồn lợi thiên-nhiên tuy đổi-dào nhưng thoáng qua, trắng tay hờn tay trắng.

Cuộc sinh-hoạt & những xóm mới thành hình ấy không đến nỗi buồn tẻ. Nếu việc đốt đuốc đi chơi đêm từ xóm này qua xóm khác chỉ dành riêng cho những kè bạo-dạn thì ban ngày người cùng xóm thường gặp nhau để tiêu-khiển. Mùa mưa, họ tổ-chức thi phát cỏ, săn heo rừng, đá cá thia-thia ; mùa nắng thi cờ bạc, bắt rắn (1). Tiệc rượu bày ra thường-xuyên tùy hứng. Có lẽ nhờ « đồ nhầm » quá đầy đủ nên cơ-thể con người chồng-cự cổ hiệu-quả với vi-trùng sot rét. Hấp-dẫn nhất là những cuộc thách đò về ăn uống, lầy sô lượng làm tiêu-chuẩn (2).

Thỉnh-thoảng, có ghe hát hát bội từ miệt trên xuồng, dân-chúng xúm nhau cất rạp giữa lồng rạch, cầm nọc làm rào dày chung quanh. Đêm đèn, khán-giả ngồi trên xuồng trong vòng rào mà xem hát, khỏi sợ nạn cọp (trên bờ) và sâu (ngoài vòng rào).

Phần lớn những người đi khai-hoang không thông-thạo chữ nho, ít hiểu rành-rẽ những nghi-lễ cỗ-diện nên các việc quan, hôn, tang, tè đều tổ-chức đơn-giản.

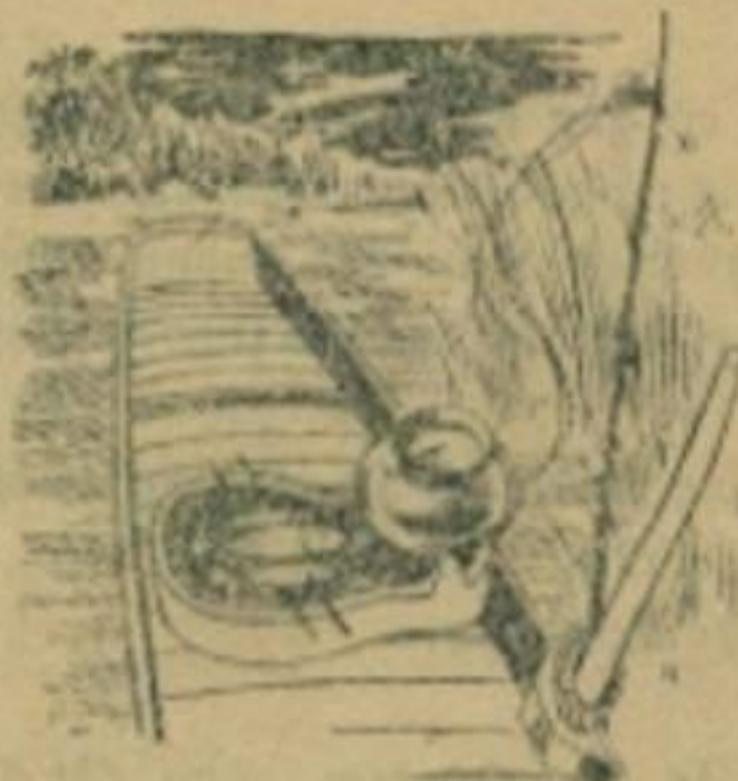
Ngày giỗ, họ lập bàn thờ tạm, cúng đặt đai vương trạch và người quá cõi. Đám ma cử-hành mau chóng nhưng cầm-động; lầm người chết giữa xứ lạ quê người, không một thân-nhân bên cạnh. Vận động quan-tài rất khó kiềm. Xác chết bỏ trong chiếc nắp, bên ngoài quấn tròn bằng lớp vặt tre hoặc đắng sậy. Mồ-mả thường

(1) Về sau mới có da gi.., Các giống gà giỏi đem từ Cao-Lãnh hoặc Bà-Dầu.

(2) Trịnh-Hoài-Đức đã ghi lời thi tài này trong Gia-Định Thông-Chí.

chọn nơi hẻo lánh, trên gò cao, bờ đìa xa xóm, đánh dấu sơ sài, sớm trở thành mả lạn.

Vì gia-cư quá thưa-thớt nên đình làng dựng lên rất trẻ, chờ sự hợp-tác của đôi ba con rạch kè-cận nhau. Chùa thờ Phật thường cất sau khi có đình và đường như đó là một định-luật. Các giai-thoại, gương anh-hùng đều xoay chung quanh việc Gia-Long tâu quốc, việc giàn giữ xóm làng (Phó-Cơ Nguyễn-văn-Điều & Rạch-Giá — Thần Minh & Cà-Mau). Một vài chuyện thần kỳ bắt nguồn từ ngoài Trung-Kỳ, được lưu-truyền lại, thêm-thác ít nhiều chi-tiết cho hợp với hoàn-cảnh địa-phương (ông Nam ở sông Ông Đốc — Thầy-Thiém ở Núi Sập) (1). Nhưng phong-phú nhứt vẫn là chuyện tranh-đấu chống ác thú : vài con cọp, con sầu trờ thành diền-hình (cọp điếc ở Gò Quao, sầu cụt đuôi ở Ngà Ba Đinh...). Chúng ta không quên những chuyện ma rừng nhắc lại đời sống trong cõi độc & rừng sâu, giữa đồng hoang, của những người già nua tàn-tật hoặc của những thiều-phụ sanh đẻ bơ-vơ, chèt bặt



Cà Rang và Nồi, giàn bếp đặc-lực
của người đi khai-hoang

(1) Ông Nam — Năm-Hai Đại tướng quân — đã đi tắt theo các ngọn sông trong đất liền để trở về vùm sông Ông Đốc làm nhiệm-vụ và bị sào thai. Về chuyện Thầy-Thiém ở Trung-Kỳ, xem Dr. SALLET, Le sorcier et la sorcière, Extrême Asie.. No 5, Mars 1925.

đặc kỳ từ trong lúc chồng đi xa, hai ba ngày sau mới trở về hay biệt...

Sông gần-gũi với người Miên, người Việt-Nam ta hắp-thụ khá nhiều ảnh-hưởng rõ rệt về tin-ngưỡng (lập miếu thờ ông tà; tu theo tiêu-thùa), về ngôn-ngữ (tên địa-phương, tên thảo-mộc, tên các loại cá), bắt chước các dụng cụ bắt cá (xà-nen, lợp), các dụng cụ nấu ăn (cà-ràng), các thức ăn (bún bắt từng con dài, mắm ồp, mắm bò), sáng-chè ra chiếc nón (từ chiếc đệm xếp lại), rút kinh-nghiệm về các giống lúa, học mòn bắt rắn, trị rắn... (1)

Trong những xóm mà đa số là *con khách* (*Tàu lai Miên*), người Việt chen đèn ở chung, tạo thành những vùng có tập-tục và ngôn-ngữ đặc-bié特: chùa Phật tiêu thùa, chùa Ông Bón, hát Dù-Kê, hát Tiêu ; một câu nói thường dùng ba bốn loại tiếng ráp lại. Cùng một món canh «Xim-lo» nhưng người Triều-Châu, người con khách, người Việt-Nam nấu khác nhau chút ít về hương-vị.



Ở xóm muỗi, ban đêm trâu ngỗ
trong mùng băng bồ

(1) Vào-dé này cần được nói kỹ hơn. Chúng tôi c' đi quá xa utan-dẽ tập sách ; chỉ nêu ra vài điểm chính.

Cần-Thơ, trung-tâm văn-hóa Hậu-Giang Các giai-lừng đại-diễn-chủ, tá-diễn

FHMISACH.COM.VN



miền Hậu-Giang, chúng ta chứng-kiện một sự hiệp-tác có kết-quả tốt giữa phương-pháp khai-thác Tây-phương và sự kiên-nhẫn, siêng-năng của người Việt-Nam» (1)

Phương-pháp khai-thác Tây-phương ấy là việc đào kinh-xáng. Muốn khai-thác nhanh chóng, việc đầu tiên là tạo đường-giao-thông. Đường mở trước, dân đi theo sau. Đó là một chấn-lý từ xưa. Sự mở mang thiết-đạo giúp ích việc Tây-Tiền & Mỹ (1840). Con đường xuyên Gia-Nă-Đại (Canadian—Pacific, 1885) đã hắp-dẫn bao nhiêu đoàn người về phía Tây.

Muốn khai-thác Nam-Kỳ, dạo ấy người Pháp thấy rõ việc mở mang giao-thông thủy-đạo, cũng tiến về hướng Tây. Sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đông, từ 1866, người Pháp đã dùng hai

(1) CH. ROBEQUAIN, *L'Indochine française*, Horizons de France, Paris, 1930.

chiếc xáng máy vét lại lòng rạch Bến-Lúc và sông Bio-Định (Mỹ-Tho) nhưng không kết-quả. Năm 1875, Đô-đốc Duperré lập một ủy-ban lo tiếp-tục đào kinh dùng nhơn công, đào tay (kinh Chợ Gạo, kinh Trà-Ôn). Năm 1884, lại dùng xáng để vét kinh, nhưng thất bại. Vì ngân-quý hao hụt, công việc tạm ngưng.

Năm 1893, quan toàn quyền De Lanessan ra lệnh đầu-thầu ở Paris. Công-ty Montvenoux lãnh với giá đào 0\$. 35 mỗi thước khôi ; tháng đầu đào 60.000 thước khôi, năng-xuất ày tăng đến 200.000 thước khôi vào tháng thứ 25. Kinh chợ Rạch-Giá được vét lại. Bờn chiếc xáng hùng-dũng kéo tới Sóc Xà-No (Cần-Thơ) (1), mở con kinh vi-đại nối liền rạch Cần-Thơ qua sông Cái-Lớn ; con đường chiến-lược ày khiến Vịnh Xiêm La ăn thông đến Sài-Gòn. Dân chúng rất mừng nhưng cũng rất lo sợ. Cầu « nhứt điệu, nhì ngư, tam xà, tứ tượng » bầy lâu truyền tụng nhưng chưa ai thầy... Giờ đây, máy chiếc xáng « La », xáng « Năn », Mỹ-Tho I, Mỹ-Tho II rõ ràng là những con quái vật bàng-sát, không-lồ, vô-dịch, ngày đêm gào thét cách 4, 5 ngàn thước còn nghe lóng-lóng (2). Xáng Loire, xáng Nantes, mỗi chiếc mạnh 350 mã-lực, giàu lớn 375 lit, có thể thổi bùn ra xa 60 thước, đào sâu từ hai thước rưỡi đến chín thước. Xáng múa đèn dầu là đem theo hàng ngàn người (kỹ-sư, chuyên-viên, dân công phục vụ) như một công trường, một chợ lưu động. Đatk đó lên chưa ráo hai bên bờ là hàng trăm gia-đình nông phu đã đi xuống tới, đỗ bộ, mang theo nồi chén, gà vịt, dao búa... Họ cất nhà, giành địa-thể làm ăn thuận-tiện, tuy rằng phía trong kia, cách trăm thước còn là rừng rậm. Rõ ràng người Việt-Nam ta ham sòng, yêu đời và thức thời-vụ.

Từ năm 1901 đến 1903, kinh Xà-No đào đứt, bể ngang trên mặt 60 mét, dưới đáy rộng 40 mét, tòn phí là 3.680.000 quan.

Giao kèo chưa mãn hạn với công-ty Montvenoux là chánh-phủ

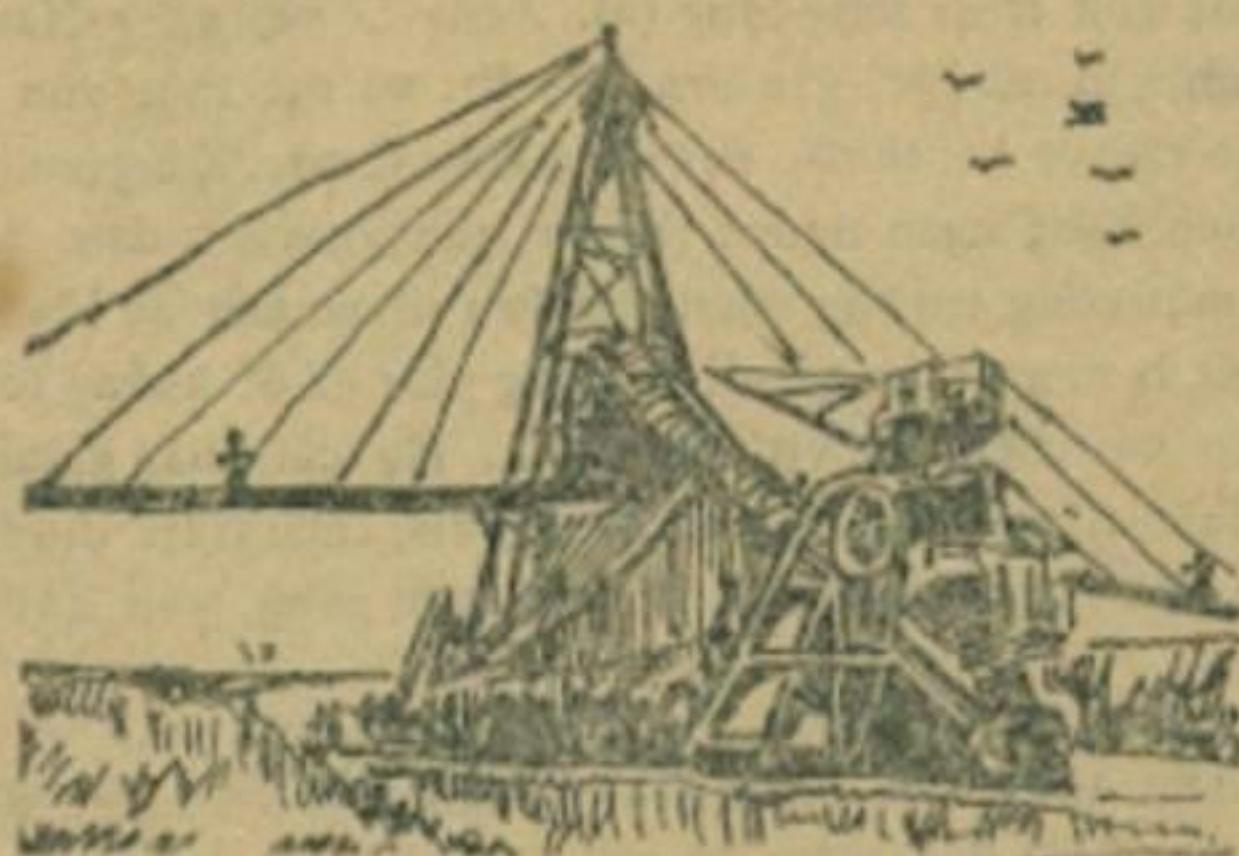
(1) Stok Saot, xóm có cây đơn-diễn.

(2) Vì quan-niệm chiếc xáng là một sinh vật nên người ta thường dồn dài rằng gọi xáng La (Loire) vì nó là hết, phải bắt con nít té sống cho xáng ăn hàng năm!

trù-liệu chương-trình mồi, chú-trọng đặc-biệt miền Hậu-Giang, ra giá thầu thấp hơn kỵ trước (o 820 mồi thước khồi). Công ty Kỹ-Nghệ Viễn-Đông (Sté Française Industrielle d'Extrême-Orient) lĩnh thầu, đào kinh Lai-Hieu, kinh Thót-Nốt và những con kinh hiệp lại thành ra vùng Ngã Năm, Ngã Bảy ngày nay (1906 — 1908).

Nói chung, kinh xáng ở Hậu-Giang chia làm hai loại : kinh xuôi để dẫn nước sông Hậu-Giang ra Vịnh Xiêm-La khiền mực nước điều-hòa, tránh nạn lụt ; kinh ngang để nòi các kinh xuôi ày lại, giúp việc giao-thông địa-phương, dẫn nước phèn. Việc đào kinh bô-ich cho dân khai-hoang nhưng cũng đem sò lợi rất to cho người Pháp. Hảng Xáng làm giàu, hảng này do Đông-Dương Ngán-Hàng giúp vốn (1). Chánh-phủ được thêm rất nhiều vùng đất có giá-trị. « Từ 10 năm nay, sò đất đem bán đầu giá là 338.763 mẫu ; hơn 2/3 sò đất này thuộc Rạch-Giá — Bạc-Liêu » (2). « Năm 1898, Nam-Kỳ

THMSACH.COM.VN



Chiếc xáng-La (Loire) khi thuở vua-kết...

(1) PH. DEVILLERS, *Histoire du Viêt-Nam*, Ed. du Seuil, Paris, 1952.

(2) A. POUYANNE, *Les Dragages de Cochinchine*, Extrême-Asie, Oct., 1930.

xuất-cảng 500.000 tòn ; năm rồi mức xuất cảng lên đến 1.300.000 tòn, nghĩa là tăng thêm 144 triệu quan» (1).

Tính trung-bình từ 1901 đến 1906, mức sản-xuất của tỉnh Cần-Thơ mỗi năm là 116.000 tòn, đứng *hàng nhì* ở Nam-Kì và *nhì* trong-nghịpp. Thủ-đô kinh-tè Hậu-Giang lại cũng là thủ-đô văn-hóa. Người Việt-Nam chiếm đại đa số trong dân chúng, so với các tỉnh khác ở miền Tây (2).

Làng Long-Tuyền, (Bình-Thủy — Cần-Thơ) là nơi chôn-nhau cắt-rún và là nơi nghỉ-hưu-tri của cụ Thủ-khoa Bùi-Hữu-Nghĩa, con «rồng vàng» của đất Đồng Nai.

Cụ cù Phan-vân-Trị lúc về già có đèn làng Nhơn-Ái (Phong-Điền—Cần-Thơ) dạy học, phần mò cũng & đầy. Giới nho-si và bình-dân sống thân-mật nhau. Trong bài văn-tè vợ, cụ Thủ-khoa Nghĩa đã gọi vợ bằng *bé*, bằng *em*. Cụ cù Trị có tư-tưởng chồng-thực-dân bằng những lời thơ châm-biếm sâu-sắc. Từ lâu, ca-cao vùng Cần-Thơ đã biểu-lộ những nét đặc-biệt, hoặc sáng-tạo, hoặc ghép vào những câu cổ săn từ miên trên :

— Bình-Thủy lưu-linh đáo-lại Long-Tuyền,
Gởi lời thăm bạn chia phiền một đời năm.

— Khế với chanh một lóng chưa xát,
Mát với gừng, mát ngọt, gừng cay.

Anh vč, đđ áo lại dây,
Đđ khuya em đắp, gió Tây lạnh lung.

— Cố lạnh lung, lấy mùng mà đắp,
Trả áo anh vč đi học kèo trưa.

Gặp sự khai-thác của người Pháp, thuở ấy mức sòng của dân chúng tăng vượt bực. Họ rất thẳng-thắn, nhìn nhận về đẹp

(1) L. CONSTANTIN. *L'Hydraulique agricole en Cochinchine*, IDEO 1906.

(2) 197.549 người Việt trong tổng số 226.798 toàn tỉnh (1901).

của ánh sáng Tây Phương. « Đời phải đời thịnh-trị, cuộc phái cuộc
văn-minh ». Đã có « Đường cầu tên cây cao, băng mát, đường Cần-Thơ
cát nhè để đi... ». Trai tơ gái lúa đều vui tươi : « Cái-Rang, Ba-
Làng, Pfam Xáng, Xà-No, anh thương em như một chiếc đò. » Trên
kinh xáng thẳng-băng, chiếc tam bǎn có thể ngưng tay chèo
nhưng đi nhanh vì « Nước xuôi chảy giờ buồm mòn ». Ghe thương hồ
tấp-nập tới lui, nghệ « bǎn vàm » phát-triển « Bánh canh trắng, bánh
canh ngọt, rượu bột bò ve. Ai kêu tôi đó ? Đó có tôi đây... » « Bánh bò
một vốn, ba bốn đồng lời, khuyến anh ở nhà cír việc ăn chơi. Đé em đi
lán kiếm ít đồng lời, trước nuối ba với mà, sau lại nuối mình ». Lời
rao hàng : Bánh bò không... lần lần biến ra : Bánh bò không, bánh bò
không... σ mở đầu cho một điệu hò đặc-biệt & Cần-Thơ, giọng hò
bánh bò, ngoài điệu hò Thới-Lai sẵn có.

Dòng nước ngọt từ Hậu-Giang đổ xuồng theo kinh xáng.
Các nơi mới khai hoang bầy lâu nay sầm-uất, dốt chữ đều lần
lượt trở nên văn-minh nhờ lúa gạo bán tăng già. Họ tổ-chức
những cuộc hát đài đập thi tài giữa trai và gái. Các bô-lão, các vị
hương-chức làng được mời đèn châm thi. Thầy dạy hò ở Cần-Thơ
(Phong-Điền — Cái Tắc) được tín-nhiệm nhất. Các thầy áp-dụng
kỹ-thuật bê câu hát. Bè tức là uốn nắn những câu hát sẵn có để
thích-ứng với hoàn-cảnh mới; thí-dụ câu hát từ miệt Tân-An :

*Chiều bóng mà trái gốc đèn,
Muôn vở làm bé biết bền hay không ?*

thì bè lại :

*Nước xuôi chảy giờ buồm mòn,
Muôn vở làm bé biết bền hay không ?*

cho hợp với vùng kinh xáng. Câu sau này của vùng sông
Cửu-Long :

*Nước rầm chảy thán Nam-Vang,
Mùa chín rụng sao chàng biệt ly ?*

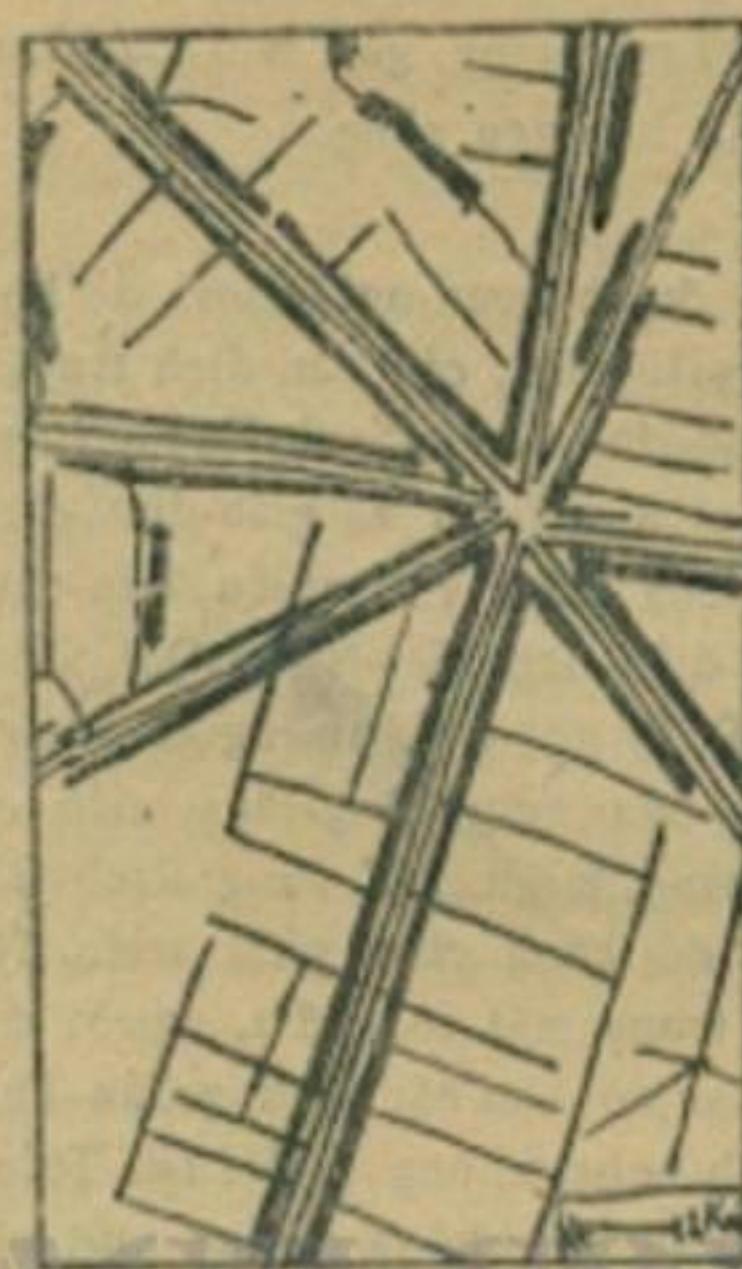
thì bè lại :

*Nước rầm chảy thán Tam-Giang
Sao-dần chín rụng sao chàng biệt ly ?*

chợ hợp với vùng Tam-Giang, gần mũi Cà-Mau, có cây sầu-dâu mọc hoang rất nhiều bên ven sông.

Chữ quốc-ngữ được hoan-nghinh vì dễ học. Sách Minh-Tâm Bíru-Giám dịch và giải-thích, các bản dịch truyện Tàu, các truyện thơ Phạm-Công-Cúc-Hoa, Lãm-Sanh-Xuân-Nương, Lục-Vân-Tiên, bài Kiều phú... là sách giải-trí và giáo-dục cẩn-bản. Vì vậy các câu hát ở Hậu-Giang chưa rât nhiều dẫn-chứng về cách-ngôn Không-Mạnh cùng điển-tích Tiết-Nhơn-Quí, Té-Thiên... Bên cạnh đó là những tiếng Pháp nói trại, những danh-từ mới quen biết về y-phục, thức ăn : bùa xua công-tặc, dép cườm, trà Ô Long, cò nhá, bít răng vàng, la-gu... Ở vùng Rạch-Giá — Bạc-Liêu, các tổ-chức văn-công, đài-công chưa phát triển. Người đi cày đứng chờ-vợ mỗi người trong một công đất, người đi gặt cũng vậy. Câu hát gồm nhiều chữ so với câu hát ở vùng Cần-Thơ. Một mình mình hát, một mình mình nghe, không ai đồi-lại. Trên sông vàng, nhiều anh bạn chèo ghe dám hò không ngừng một câu dài hàng hai ba trăm chữ ; nói khao-khát yêu-đương được lồng vào mây hói truyện Tây-Du, gieo vần tùy hứng.

Vùng Ngã Năm, Ngã Bảy rât đáng được chú ý về lề-lối sinh-hoạt mồi của dân chúng, về cách tập-hợp gia-cư. Dọc theo bờ kinh Xáng, nhà cửa nồi liền nhau giành từng tấc đất ở mặt tiền ; lối kiến-trúc khá gọn gàng, khoét thêm cửa sổ phía trước. Phần lớn, họ là người đền sau, từ Sóc-Trăng, Mỹ-Tho, Tân-An... nên khá lanh-lợi, hoạt-bát. Nếu kiều tập-hợp gia-cư này là sự trung gian giữa thôn-quê và thành-thị thì nếp sống tinh-thần và cơ-sở kinh-tế cũng do đó mà biến-đổi. Họ làm ruộng ít nhiều, lại kèm theo nghề hớt tóc, thợ mộc, mua bán hàng xén, bán cà-phê hủ-tiều... Đám cưới thường tổ-chức đơn-giản, không tốn hao thời giờ; chàng rể và quan khách trẻ tuổi đều mặc pyjama, đi xandal. Chợ Ngã Bảy trở thành huyện-ly, khách thương hồ từ bảy ngả kinh xáng gặp nhau, un-đúc nén điện hò Ngã Bảy khá độc đáo. Chợ Ngã Năm sung-túc hơn nhiều huyện-ly, có thể nói là phồn-thịnh hơn tinh-ly Hà-Tiên. Nhà vừa cá, trại cưa, trại xuồng, trại hòm, chành lúa, nhà máy xay... mọc lên nhanh chóng. Lại còn tiệm hút ống-phiện, sòng bạc



Bản đồ vùng Ngã Bảy (Phụng-Hiệp—
Phong-Dinh) tiêu-biểu cho kiểu van-minh
kinh xáng. Làng đậm đậm là xóm nhà ở
hai bên Kinh.

công-khai, trường đá gà, đá cá thia-thia thu hút những khách mò-
diệu từ Tiền-Giang xuồng. Từng đoàn người di-chuyển theo mùa,
đi gặt lúa mướn từ Cần-Thơ, Long-Xuyên, Sóc-Trăng đèn đầy hội
ngộ. Đèn quá nứa khuya, các quán ăn vẫn mở cửa. Buổi sáng, lúc
nhóm chợ, xuồng ghe tấp-nập đèn đôn chung ta có thể đi một vòng
tròn qua năm con kinh xáng, bằng cách bước chuyển từ xuồng này
sang ghe kia, đậu sát bên... Xuồng câu tôm, ghe lường, ghe cà-vom,
ghe chài-lón, tam-bàn kiểu Cần-Thơ... chen nhau trên dòng nước
mặn trong khi tàu đỗ, tàu dòng ghe xúp-lê inh-ỏi cờ vạch một lò
thoát (1).

(1) Tam-bàn Cần-Thơ, ghe Cà-Vom là những sáng-tạo đặc-sắc của Hậu-Giang. Xem PIERRE PARIS, *Esquisse d'un ethnographie navale des peuples annamites*, (2e édit), Vạn Hán, 1955.

Phái chặng đó là một hình-thức văn-minh ngộ-nghinh, tạm gọi là « văn-minh kinh xáng » chứng tỏ rằng trong thời-đại mà đường bộ, đường hàng-không phát-triển mạnh, việc giao-thông bằng đường thủy vẫn còn chiếm một địa-vị chủ-yếu (1).



So với miền Bắc thì ở miền Nam, đất đai ít xé manh-mún hơn.

Diện-tích trung-bình một khoảnh ruộng ở miền Bắc là 20 ares. Ở miền Nam, thấp nhất là ở tỉnh Thủ-Dầu-Một, diện-tích trung-bình một khoảnh ruộng là một mẫu tây, tức là 5 lần lớn hơn.

Càng tiến xuống phía mũi Cà-Mau, diện-tích từng khoảnh ấy càng tăng rõ-rệt: Tây-Ninh 1 ha 2 ; Chợ-Lớn 1,6 , Mỹ-Tho 2,4 ; Long-Xuyên 6,1 ; Bạc-Liêu 9,5 (2).

Đó là hình ảnh của cuộc Tây-Tiền.

Ở Mỹ-Tho, 1 phần trăm trong tổng số người có đất chiếm 31,3 phần trăm trong số ruộng trên 50 mẫu. Ở Bạc-Liêu, 9,6 phần trăm người có đất chiếm 65,5 phần trăm trong số ruộng trên 50 mẫu. Số tiêu diện-chủ ở Hậu-Giang cũng rất ít. Ở Thuận-Trị (Mỹ-Tho) tiêu diện-chủ chiếm 73,2 phần trăm số ruộng. Ở Long-Thủy (Bạc-Liêu), tiêu diện-chủ chỉ chiếm 0,42 phần trăm số ruộng (3).

(1) Xem thêm A. LEFOTIER, La civilisation fluviale, *Geographie*, Juillet, 1952,

(2) (3) P. COUROU, *L'utilisation du sol en Indochine française*.

Giai-tùng đại dién-chủ hẳn là sản-phẩm của sự cai-trị của người Pháp (1). Đại dién-chủ mướn nhơn công về khai-thác. Vì xa sự kiêm-soát của nhà cầm quyền, nên oai-quyền của họ gần như phong-kiền (P.Gourou). Họ không phải là nhà chuyên lo nông-nghiệp, thường ép-dụng chính sách « vắng mặt » (absentéisme) ; nhà cửa & thành-thị, ít khi về thăm ruộng.

Theo P. Gourou, đất-đai tập-trung như vậy vì hai lý-do :

— Phải là người có vốn lớn mới đủ tiền mướn nhơn-công khai-hoang được (vốn này thường mượn của Chà Xă-Tri, Công-ty địa-đất).

— Người tiêu dién-chủ thường vay bạc nặng lãi của đại dién-chủ, vì không trả nổi, họ chịu khánh-tận.

Còn một lý-do thứ ba mà chính nhà nước thực-dân Pháp và nhà khảo-cứu Paul Bernard cũng phải nhìn nhận, ấy là sự chiếm-đoạt đất-đai do những tay có thè-lực, hiếu hành luật-lệ chủ mưu (2).

Do đó, xảy ra hai cuộc xô-xát tiêu-biêu nhứt ở Ninh-Thạnh-Lợi (Phước-Long — Rạch-Giá, tháng Mai 1927) và ở Nọc-Nan (Giá-Rai — Bạc-Liêu) vào năm 1928, do những tiêu dién-chủ tự-dòng bão-vết quyền-lợi. Chúng ta nên nhận-định rõ tánh-chất ấy, để-phòng mọi xuyên-tac cho đó là giao-cấp đầu-tranh theo kiểu ngoại-lai. Trước hoàn-cảnh tất-yếu của lịch-sử thời ấy, chúng ta nên trâm tinh đè ngày nay cải-cách lại theo đường lối ôn-hòa, nhân-đạo như Chánh-Phủ Cộng-Hòa đang thi-hành, nâng người tá-diến lên địa-vị tiêu dién-chủ.

Lúc mới khai-hoang, & Bắc Mỹ-Châu hay Nam Mỹ-Châu dién đất cũng tập-trung như vậy. Năm 1869, & Gia-Nă-Đại, cuộc khởi-nghĩa của Louis-David Riel xảy ra cũng vì việc phân ranh, xét giàn bằng-khoán khiến người có công khai-hoang lúc đầu phải mất đất (3).

(1) PH. DEVILLERS, *Histoire du Viêt-Nam*, trang 32-33.

(2) P. BERNARD, *Le Problème économique indochinois* trang 290.
Rapport au conseil colonial 1929 — 1930, trang 322.

(3) MARCEL GIRAUD, *Histoire du Canada*, Presses Universitaires, Paris, 1946, trang 102-103.

... Mức sanh - hoạt.

Nợ băng và nợ Chà

FILMSACH.COM.VN



AU trận Âu-Châu đại-chiến 1914—1918, các đồn-diễn của người Pháp phát-triển mạnh, tất cả 200.000 mẫu tây ; riêng tỉnh Rạch-Gia 50.000 mẫu, và ở Cần-Thơ, Sóc-Trăng, Trà-Vinh, Bạc-Liêu. Nhờ khôn-nơi có địa-thì tốt, nhờ đào thêm kinh-nền nổi chung năng-xuất khá cao. Họ kiêm-soát các tá-diễn rát gắt gao (bắt vét lục-bình dưới kinh, không được tự-tiện bán lúa cho người khác...) nhưng bù-lại, dân & diễn Tây dường như thoát khỏi sự cai-trị của hương-chức hội-tê trong làng, có thè tròn thuần-thân, nầu rượu đè, cờ bạc... (1)

Các dự-định canh-tân hóa nông-nghiệp do người Pháp để-xướng đều đi đền chô thàt-bại thảm-hại vì quá đắt tiền. Làm sao người dân dám cày mày khi sò-phi này chiếm hết 3/5 huân-lợi hàng năm của họ, (tiền cày mày 15°, một mẫu chỉ thu-hoạch

(1) Các đồn-diễn này còn lưu-lại nhiều địa-danh, nhiều giao-thoại: Diêu Tây Tàu, Diêu Tây Mập, Lê-Bách, Ông-Kho, cùng những bài về châm biếm.

chứng 258). Muốn bón phân hóa-học, mỗi mẫu tòn thêm 50 phần trăm nhưng chưa át nhờ phân mà đất sẽ tăng năng-xuất 50% đè bù lại. (1)

Vì vậy dẫu muôn tiền-thù, người tá-diễn vẫn tiếp-tục canh-tác theo lối thô-sơ như hói người Pháp chưa đèn : cày trâu, phát cỏ, cào cỏ, đập lúa, vác lúa bò... Vài bản tông-kết nêu rằng muôn canh-tác một mẫu tây (ruộng cày 1 lần) người nông dân ở Nam-Kỳ tòn mất 85 ngày công ; ở Hậu-Giang khoẻ hơn chỉ cần 60 ngày công và bảy ngày trâu cày, trúc (2). Thật ra người nông dân không quá thành-thoi như thè ! Với một đồi trâu tốt, hai vợ chồng nào giỏi cũng chỉ canh-tác tối đa là 50 công, bằng cách bắt đồi trâu nọ cày suốt mùa đè đồi công cày với người khác. Nuôi-nàng một đồi trâu là gánh nặng đồi với gia đình, mỗi ngày cắt cỏ một lần và cỏ chưa át dễ kiềm chung quanh nhà. Ở Hậu-Giang, trâu bò vẫn thiều ; nếu phát cỏ thì công việc đắt rèn-phẳng, mài phẳng cho ra m López, tra kèo-neo... dù mất ba bốn ngày. Nhiều khi ruộng làm xa nhà hàng 3, 4 cây sò ngàn, việc đi về rất bất tiện ; vác 100 kg lúa vào nhà cực nhọc chẳng khác nào vác 20 ki-lô trên vai mà đi bộ 100 cây sò. Đó là chưa kể việc xay lúa, giã gạo cho công cày, công gặt ăn ; hoặc thiều mạ đi qua làng kè cạn nài-ní. Khi vừa cày xong, gặp mưa lụt chét lúa, phải cày lại...

Lời vi «làm ruộng ăn cơm nấm, nuôi tằm ăn cơm đứng» không có gì là quá đáng đồi với những ai yêu nghề nông, thời Pháp thuộc (3). Công việc nhà nông vẫn tiếp-diễn quanh năm ; ngày Tết, có người còn bận-rộn gặt hái dành ăn lè giao-thừa ngoài đồng, bên đồng lúa chưa giê sạch.

(1) P. BERNARD, *Le Problème...* trang 320. Hơn nữa, loại máy cày thời ấy không thích hợp, đất khô thì cày không zồi, đất ướt thì sa lầy.

(2) P. COUROU, *L'utilisation...* trang 287 và chủ thích (1) của trang ấy, trang 241. Ở Bắc-Việt, một mẫu tây cần 200 ngày nhân công mỗi mùa ; ở Trung-Hoa 126 ngày ; ở Mỹ từ 4 đến 5 ngày (lúa mi).

(3) Ngày nay nhờ máy cày, máy bơm nước nên việc làm ruộng, làm đầm mặ khot hơn xưa nhiều.

Mức chi-phí của mỗi gia-dinh tá-diễn ở Hậu-Giang cần được xác-niệm lại. P. Bernard (1) đưa ra con số 154 đồng vào năm 1931. Chóng tôi tưởng nên tăng thêm ít lâm là 50 phần trăm trên số ấy, vì nông dân mua bằng tiền vay bạc góp ; còn nếu mùa chịu, ghi số tới mùa hắc tinh, thì tiệm quản bán ra rất mắc, trừ hao.

Nhìn chung toàn Nam-Kỳ, đất ở Hậu-Giang thuộc vào loại khá tốt. Nhờ diện-tích khá rộng, nhờ dân cư thưa-thớt nên các tỉnh Rạch-Giá, Cần-Thơ, Sóc-Trăng, Bạc-Liêu, Trà-Vinh (2) trở thành vựa lúa chính-yếu, xuất cảng 986.000 tấn lúa mỗi năm, tức là hơn phân nửa tổng-số xuất cảng toàn Đông-Dương.

Tỉnh trung-bình, mỗi mẫu tây ở Bà-Rịa sản-xuất 5, 3 quintaux. Thủ-Dầu-Một 5, 16, Gò-Công 14, 5, Bến-Tre 14, Sa-Đéc 15, 28, Trà-Vinh 15, Rạch-Giá 10, Bạc-Liêu 10, Cần-Thơ 15, 54 (3). Nhìn riêng từng khoảnh đất, con số nói trên thiệt quá thấp. Vùng Rạch Sỏi, Vị-Thanh, Giồng-Riéng, Vĩnh-Hưng... (Rạch-Giá) thường đạt mức một công ra hoặc 14 giạ. Thỉnh thoảng, chúng ta gặp trường-hợp phi-thường của vài nông phu đã thâu hoạch trong 3 công được 100 giạ (ruộng cày trâu, không bón phân).

Hồi mới lập nghiệp, các điền-chủ Việt-Nam thường là kè trảng tay, hoặc có chút ít vốn để đầu-giả đất của nhà-nước. Sau khi mua được, họ thè-chân mièng đất nợ cho các công ty địa-đốc của Pháp (hoặc cho người Chà Chetty) lấy tiền vé cho nông dân vay lại và mua thêm đất nữa.

Rồi quá-trình ày cứ tái diễn... Gặp những năm trúng mưa, giá lúa ổn-định, mức sống của họ được khả quan « trên ô-tô,

(1) P. BERNARD, *Le problème...*, trang 22

(2) Tỉnh Trà-Vinh ở ngoài vùng Hậu-Giang

(3) P. COUROU, *L'utilisation...* trang 294 ; J. BOUAULT, *La Cochinchine*, trang 39.

dưới thời Càn-nô ». Họ đóng vai Mạnh-Thường-Quân để đấu các hội thể-thao, nuôi nướng các võ-sĩ, mua chức-tước hội-dồng canh-nông, hội-dồng địa-hạt. Con cái của họ thường đi du học ở bên Pháp, hoặc ăn chơi bời-rồi nổi danh « công-tử Bạc-Liêu ». Nhưng khẩn đắt chẳng khác nào mua vé số (1). Gặp phản đắt tốt, nước sông lên xuồng vừa phải, thì phát tài. Người nào vồ phước lợt vào đất nê-địa mà nhà nước không đào kinh xuyên qua... thì dành vay nợ để đào kinh. Nếu không đi Sài-Gòn vay được thì họ bán lúa rẻ cho các trung-gian Huê-Kieu, lấy tiền trước khi có lúa, chịu thiệt thòi ít nhứt cũng năm chục phần trăm. Các tay trung-gian này rủ nhau xuống Hậu-Giang lập chành, mở chi-ngánh theo hệ-thống chặt-chẽ khắp những nơi nào có lúa. Chóng ta không lày làm lợt khi thấy ở Hậu-Giang dân số Huê-Kieu chiếm kỷ-lục, so với các tỉnh khác ở Nam Kỳ (2).

Số nợ của dien-chù Việt-nam tăng già lần lán đèn mức kinh khủng. Từ năm 1900 đến 1930, họ đóng góp cho chà Chetty It lâm là 182 triệu đồng (trong số này, 42 triệu đồng được chuyển về Ấn-Độ, 40 triệu để lại làm vốn cho vay thêm).

ĐIỀN-CHÙ VIỆT-NAM ĐÃ VAY :

- Năm 1900, của Chetty 16 triệu đồng, của Công-ty địa-ốc 10 triệu.
- Năm 1915, của Chetty 28 triệu đồng, của Công-ty địa-ốc 13 triệu.

(1) P. BERNARD, *Le problème...*, trang 290.

(2) Có thể nói tỷ-lệ Huê-Kieu nhiều hay ít tùy theo khả-năng xuất cảng lúa gạo của địa-phương ấy. Sau Sài-Gòn Chợ-Lớn, tỉnh Cần-Thơ dân dẫu (11.837 Huê-Kieu, 6.593 Minh-Huong), kế đến Bạc-Liêu (10.542 HK, 11.375 MH), Sóc-Trăng (80.063 HK, 16.121 MH), Tri-Vinh (6.862 HK, 10.970 MH), Rạch-Giá (5.167 HK, 3.308 MH) theo thống-kê năm 1926. Đó là những người từ Trung-Hoa mới đến sau. Con cháu của những người bồi-dời Mạc-Cửu đã trở thành Minh-Huong, con Khách (lai Miền), hoặc Việt-Nam rồi).

Năm 1920, của Chetty 33 triệu đồng, của Công-ty địa-đô 14 triệu.

Năm 1925, của Chetty 43 triệu đồng, của Công-ty địa-đô 25 triệu.

Năm 1930, của Chetty 57 triệu đồng, của Công-ty địa-đô 40 triệu.

Vào năm 1930, sò đất cầm thè-churn cho chủ nợ đã lên khá cao : 18% trong tổng sò đất ở Hậu-Giang. Riêng về các tỉnh : Bạc-Liêu 27%, Cần-Thơ 31%, Sa-Đéc 25% (1).

Mặc dầu có sự cõ-gâng đè thanh-toán (bán bớt sò đất, tăng địa-tô...) các điền-chủ vẫn lâm vào ngõ bí vì giá lúa sụt liên-miên ; muộn có 18 đè trả nợ, phải bán ít nhứt năm bảy giá lúa...

HINHISACH.COM.VN

Tỉnh trung-bình, người tá-diện phải đóng góp gián-tiếp một phần 10 sò huê-lợi của mình cho các chetty và hằng Địa-đô (qua tay chủ-diện).

*Kinh-tế khùng-hoảng năm 1930
ở Hậu-Giang. Vùng biên-giới
Khúc ca Vọng-Cồ.*



AO Đồng Nai đã đăng những chữ tựa lớn, trong số 21, ngày 15 tháng 12 năm 1932 :

« Hoàn-cầu khùng-hoảng, Đông - Dương khùng-hoảng. Khùng-hoảng vạn vạn tuè. »

Lại trích trong bài diễn-văn của quan toàn-quyền Pasquier đọc ngày khai-mạc Đại Hội-đồng Kinh-tế :

« Năm 1928, gạo xuất cảng 1.797.682 tấn, giá một tấn 9\$60,

Năm 1931, chỉ xuất cảng 959.504 tấn, giá mỗi tấn còn 6\$58. »

Bảng dự-chí về công-nho năm 1932 dự tính một sự hao hụt 16.392.882\$. Quan toàn-quyền còn tờ vé bi-quan :

«...Không phải là sự lo lắng về đồng tiền tài, không phải chỉ là sự hao hụt trong việc quân-phân quyén-lợi, khùng-hoảng không biết nguyên-nhơn & đâu, có lẽ nguyên-nhơn bí-mật ở cái khoa luân-lý kia thi-hành từ mày chục thè-kỷ mà nay đã đèn tuỗi suy tàn, có lẽ nguyên-nhân bí-mật & trong cái văn-minh nợ hết máu, kiệt sức nên đà sập tới thời-kỳ tiêu-tán...» (Tân hùn zho dñch).

Báo Đồng Nai, số 1, bô mới, ngày 6 tháng 11 năm 1933 đăng cuộc phỏng-văn bác-sĩ Trần-Như-Lân, Hội-đồng quản hặt :

« HỎI : Giữa Hội-đồng quản hặt có người phản nàn rằng : Cho vay dài hạn không thể giúp tiêu diến-chủ đặng. Ông nghĩ sao ?

ĐÁP : Bất quá nó là một phương thuốc «đở giặc» mà thôi, không giải-quyet khùng-hoảng đặng... Đời với Pháp, ta bán 5 mua 10. Vậy thì xứ Đông-Dương giúp xứ Pháp nhiều. Mà trong sự giúp này, xứ Nam-Kỳ đứng đầu (65 đèn 75 phần 100). Vậy phải cứu Nam-Kỳ.

« Nam-Kỳ và Cao-Miên mỗi năm xuất cảng 1.300.000 tấn gạo. Trong số ấy có 200.000 tấn gạo Battambang và 900.000 tấn của miền Hậu-Giang Nam-Kỳ. Thì thi miền Tây chính là kho lúa của Nam-Kỳ vậy, ta cũng có thể nói luôn là của Đông-Dương,

«Vậy phải cứu miền Hậu-Giang. Mà miền Hậu-Giang thi gồm trong tay của một số ít đại diến-chủ.

HỎI : Vậy mà có thể cứu được hông ?

ĐÁP : Không. Vì không đủ tiền. Nợ của diến-chủ thiều & Ngân-hàng và Xã-trí đèn số 65 triệu. Còn số nhà nước định cho vay là 10 triệu đồng. Sự thiệt thi tiền hiện-diện chỉ có 5 triệu mà thôi (Convention du 23-12-32, art. 2).

HỎI : Còn tiền vay trước kia, mày diến-chủ tiêu về việc gì ?

ĐÁP : Để mua đất công-diến (terrains domaniaux). Từ năm

1921 tới 1930, trong khoảng 10 năm ấy, chính-phủ Nam-Kỳ bán cho điện chủ 4.987.167\$46. Vậy thì số tiền 5 triệu cho vay ra chỉ để trả cho nhà nước thôi...

HỎI : Làm sao người nghèo có tiền đóng thuế ?

ĐÁP : Tôi vẫn biết. Hãy lấy cái thí-dụ thường. Ông Chủ-tỉnh Rạch-Giá không tin làng xã, đích thân vô đồng xem cách sanh-hoạt dân nghèo. Ở làng Long-Mỹ, ông gặp hai người dân cày, kêu lại hỏi giầy thuế-thân. Không có giầy. Hồi ra thì trong lưng hai người kia chỉ có 3 cát bạc vốn-vẹn.

Thè mà từ hạt Tân-An đi xuống đây « mần ăn »...

Báo Đồng Nai ngày 14 tháng 12 năm 1933 đăng bức giấy-thép của các Ông Varenne, Outrey và Bùi-Quang-Chiêu gởi qua Bộ Thuộc-Địa :

FIMS *« Dân chúng đối khát làm thuế.*
Lúa bán một cát (1 giạ) ở Nam-Kỳ »



Điện-chủ ở Hậu-Giang bị phá sản. Đó không phải là biến-cđ
địa-phương, việc ấy can-hệ đến đời sống của toàn quốc.

Điện sản của họ bị chủ nợ tịch-thâu. Con cái của họ đang du
học ở Pháp phải điếu-dừng, phần lớn trở về nước, nhìn chính-
phủ thuộc-địa bằng cặp mắt hàn-học.

Đời sống của người tá-diện ra sao ? P. Gourou đã nghiên-
cứu mức sống của người tá-diện tỉnh Bạc-Liêu : Họ chỉ bắt tay làm
mùa được khi nào người chủ-diện cho họ vay 35 giạ lúa ăn và
năm đồng bạc. Chủ-diện đã phá sản, lúa đói, tiền đâu để họ vay ?

Mỗi năm, trung-bình họ gặt được 300 già, sau khi thành-toán sờ-phí, nợ nần thì chỉ còn dư có 37 già rưỡi (trên 1/10 huê lợi) (1).

Với 37 già ấy tức là ba mươi bảy cát, làm sao sòng được trọn năm ? Người nông dân còn phải gánh thêm 2, 3 đứa con, phải uống thuốc hoặc cúng thíy pháp khi bệnh hoạn, phải mặc quần áo. Ruộng có khi mất mùa. Hơn nữa, rồi khi trong gia-dinh gặp tang chè ! Lại còn việc đóng thuế-thân !

Đi vay bạc ư ?

Ai dám cho họ vay ? Ai có tiền dư cho họ vay ? Thuở ấy tiền lòi thật là đắt nhất thế-giới. Chúng tôi nhường lời cho những con số của P. Gourou (2) : *Bạc góp*, lòi 240 phần 100 mỗi năm ; *bạc ngày*, lòi 3.650 phần/trăm mỗi năm. Lại còn lòi vay *bạc nầm*, vay *bạc đặng*. Hay lòi sau này tương đối nhơn đạo hơn. Nhưng dân chúng chè-diều nó, bịa thêm lòi vay *bạc ngồi* và *vay bạc chạy* — Nghĩa là vay rồi bỏ trốn.

Còn bạc ư ?

Hồi mới xuồng khai-hoang, họ cờ bạc đè tiêu-khiển vì đóng tiền thuế ấy làm ra rất đắt, trong nhà dư-dã. Giờ đây, lúc quái nghèo, họ lại dám ra cờ bạc nhưng động-cơ có khác, hình-thức có khác. Nhiều người mặc quần xà-lon bằng bò-tời nhưng dám ăn thua bạc trăm đè rối lánh ruộng giao (3), một lòi vay nợ mới — Hoặc đi ăn-lành ở xứ khác.

Làm sao tìm ra một lòi thoát ? « Chiếc xáng nợ đã bung vành, tàu Tây kia đã liệt máy ». (4) Đời không còn là đời thanh-trì... Hồi nào đất Hậu-Giang là rừng vàng biển bạc, bây giờ trở lại nèn nòi

(1) P. GOUROU *L'utilisation...* trang 405

(2) P. GOUROU, *L'utilisation...* trang 279. *Bạc góp* vay 10% và góp mỗi ngày 0.840, suốt 30 ngày là đắt. *Bạc ngày* : sáng vay 15, chiều trả 18.10; *Bạc nầm* : vay 100\$ phải trả 130\$ nhất định, cần con nợ trả sớm hay đúng năm. *Bạc đặng* : vay 100\$, bằng tháng trả một số lòi nhất định 35 (Gourou nêu con số lòi quá thấp)

(3) Người thiếu nợ phải cày bừa, cày lúa xong rồi thì giao phần ruộng ấy cho chủ nợ gặt (lúc trong mùa hay thất mài, con nợ không chịu trách nhiệm). Có câu ca dao : « *Gù cơ, già phết, già chuồng, ba ông xuống xuống đi hỏi ruộng giao...* »

(4) Năm 1934, cuối tháng giêng, chiếc xáng Nantes số tại chợ Phước-Lang Rạch-Gia. Hãy còn lưu truyền bài về xáng nòi.

đó khô nhứt. Làm sao có vòn đẽ làm múa ? Đèn mùa, lúa bón rέ mạt không đủ vòn. Thực-dân Pháp đã biếu-lộ rõ-rệt sự bất-lực của chúng. Người dân hiểu rằng bầy lâu nay mình đã lạc hướng vì quá mải-mē quyền-lợi vật-chất, xao-lảng phán tinh-thần. Tâm-hồn lạc-lỏng, bo-vơ, cò tìm cách siêu-thoát, chọn một nơi thanh-khiết « xa bụi trần ai » mà nương tựa.

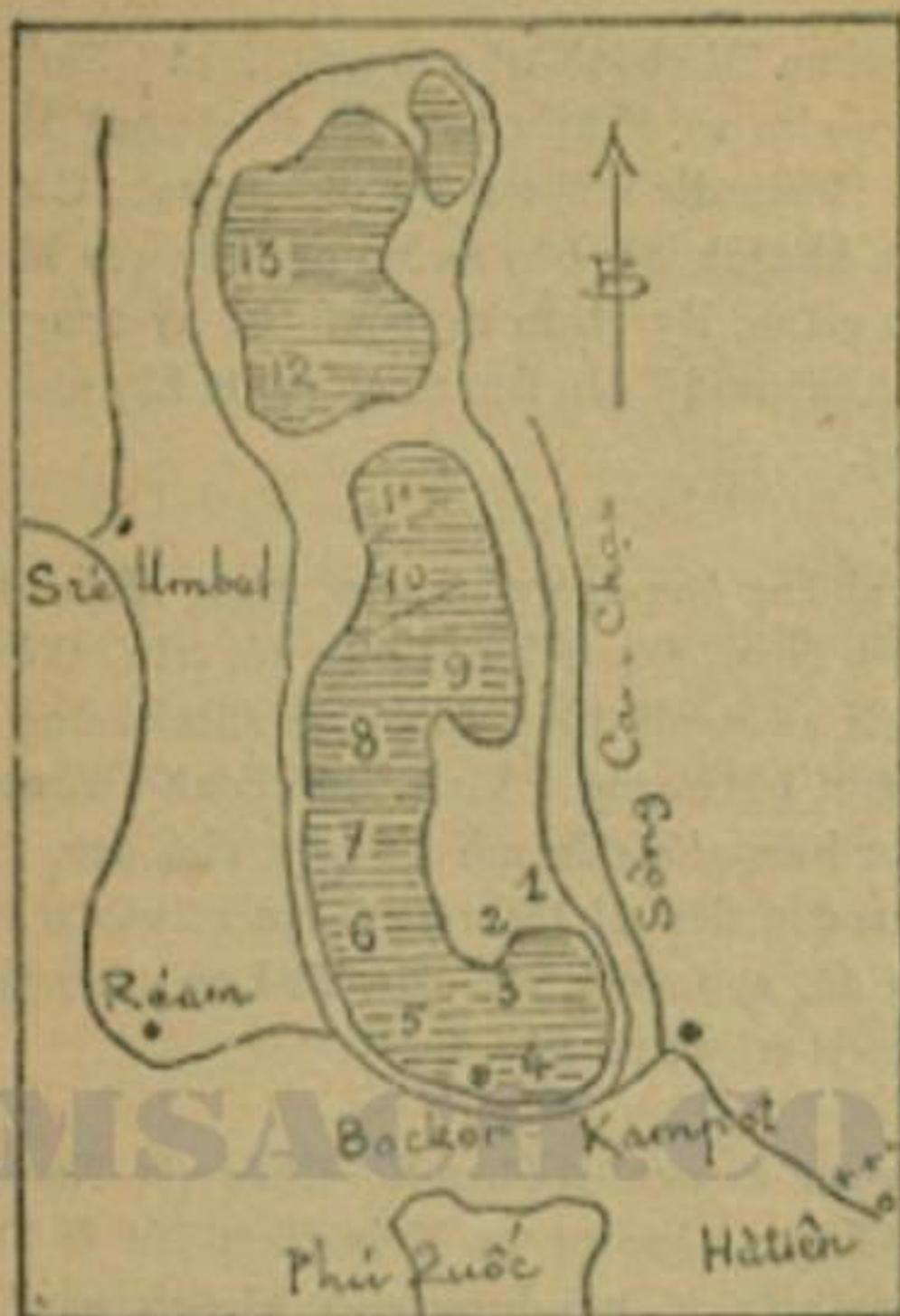
Tự bầy lâu, đa sò làng mạc & vùng Rạch-Giá—Cù-Mau chưa có chùa. Nếu có thi nói chung các sư sãi chưa gây được uy-tín đáng kē. Thỉnh-thoảng, các tu-si từ Thát-Sơn hoặc từ bên kia biên-giới (núi Tà-Lon—Kampot) thường hạ san, giáng đạo, bón thuộc núi, chiêu-mộ tín-đồ riêng cho cá-nhân mình. Điều-kiện nhập đạo do các thầy nêu ta thật đơn-giản : thường niêm đáo lệ, tín-đồ chí cắn lên núi viềng thầy, lưu-trú tại am (cốc) đồi mươi ngày đẽ làm công-quả. Người hành-hương ngạc-nhiên như lạc vào một bồng-dào thần-tiên ! Họ thấy tận mắt những loài cây, những cầm thú mồi lợ (cây trắc, cây tùng, cây kỵ-nam, ngãi núi, chim cao-các...) cũng là khung-cảnh « lung-lờ khe yèn cá nghe kinh ». Mùa nước, vùng đồng ruộng chung quanh bị ngập mặn như thuở mới tạo thiên lập địa... Mùa nắng, lửa cháy đồng khô ; khói bốc cuồn-cuộn tư bê như buồi hoảng-hôn tận-thé. Chôn núi non khác hẳn vùng phù-sa nê-địa đầy ô-rô, cốc-kèn, đước, vẹt & Vịnh Xiêm-La hoặc vùng cù-lao xanh mát bồng bát & sông Cửu-Long (1). Đã thỏa-mẫn về tinh-thần du-lịch, khách hành-hương còn được nghe những vần-de liên-quan đèn phán hồn của con người, đèn thần-linh, vũ-trụ, trong quả khứ vj lai. Hoặc các chuyện quốc-sự mà nội-dung là chồng thực-dân Pháp bằng... bùa phép.

Giáo-sư G. Coulet hổ-nghi rằng mỗi ông đạo là một hội kin (2). Thật quá đáng và hót-hoảng vì các ông này không có

(1) Gourou nhận xét về vùng Thát-Sơn : Một vùng đặc-dảo, ở toàn Nam-Kỳ không nơi nào có địa-thể giống như vùng này (*L'assimilation*, trang 146)

(2) G. COULET, *Les sociétés secrètes en terre d'Annam*, Ardin, Saigon, 1926.

NÚI TÀ-LƠN



Dãy Tà-Lơn, theo sự thám-hiểm của Ông Cử Đa:

(1) Trung Tà, (2) Kim Quang, (3) Trạm Nhứt, đến vùng Cao Nguyên 1.000 mét, (4) Lan Thiên, vùng đầy lan vè-hài (sabot de Vénus, loại cypripedium), (5) Hòn Long, (6) Rừng, (7) Bàn Ngọc, (8) Cán Dù, (9) Châu Thiên, (10) tuổi Bánh tráng, (11) làng Bánh Bò, (12) Tứ Giao, (13) Thanh Long. Khi báu trung bình & Bokor là 19°, 7.

*Lan Thiên một cảnh chép chơi
Non cao đánh thường thành thời rõ ràng.
Hòn hòn giò thời agoa tùng
Phát phor liệu yên lạnh lung trúc mồi...
... Cử Đa thư gửi, Ngọc-Thanh hiếu là
Kết từ ở điện Trung Tà...*

(Văn núi Tà Lơn)

giáo-lý hoặc đường lối chánh-trị nào cụ-thể cả ! Chúng tôi tưởng rằng sự thật đơn-giản và dễ hiểu hơn. Đa số các ông đều nhằm mục đích duy nhất : khai đốt núi, tạo lập vườn tược. Các ông tự-tiện chiếm hữu một khoảnh đất bên sườn núi bầy giờ hẵn hoang vu ít kẻ tranh giành, lầy lý-do tu hành để hy-vọng được miễn-thuở. Và bao nhiêu tin-đồ đèn làm công-quả là bấy nhiêu nhưn công-tinh-nguyễn (1).

Bên cạnh những ông đạo phức-tap, mang nhiều danh-hiệu kỳ lạ (Đạo Đất, Đạo Ngôi, Đạo Năm...) vừa nói trên, chúng ta không quên nêu lên vài nhân-vật đứng đầu. Xưa nhất là ông Cử Đa (2). Xuất thân từ giới bát-lương & Vinh-Kim (Định-Tường), ông cải tà qui chánh, vượt biên-giới đèn núi Tà-Lơn tám đạo. Chính ông là người Việt-Nam đầu tiên đã thám-hiểm cặn kẽ và đặt tên cho từng mỏm núi, hang đá, ngọn suối của dãy Tà-Lơn cao ngắt trong một tập văn rất có giá-trị về tài-liệu địa-lý.

Đầu năm 1904, nhà chí-sĩ Phan-Bội-Châu vào Nam, luôn dịp đi Châu-Đốc, Hà-Tiên, viếng sư cụ Trần-Nhật-Thi & Thủ-Sơn (3). Chúng tôi chưa hiểu rõ nội-dung cuộc gặp-gỡ này.

Cũng năm ấy, ông Cao-Vân-Long (tục gọi là ông Bảy Đo) từ Bến-Tre lên núi Cầm, xây dựng một ngôi chùa bí-mật trên chót núi cao 700 thước, có thể chứa hàng năm trăm người. Từ chân núi đèn chùa phải qua con đường quanh co bí-mật, đi suốt năm tiếng đồng-hồ. Ông ngao-du khắp các tỉnh & Nam-Kỳ, ít khi có mặt tại chùa (4). Đường như ông không theo một xu-hướng nào rõ-rệt, chỉ cò gắng dung-hòa và kết-hợp những phần-tử chồng thực-dân Pháp & các nhóm Thiên-Địa hội, Đông-Kinh

(1) 50 đạo hứa, mỗi người làm công quả 10 ngày, tức là mỗi năm được 500 ngày công, đó khả-năng lập một mảnh vườn.

(2) Năm 1915, cậu bảy Tài, em ông Cử Đa được 50 tuổi (G. Coulet) Chúng ta có thể phỏng ông Cử sinh vào khoảng 1860

(3) Chi tiết này của G. Coulet.

(4) Ngoài sách đã dẫn, xem thêm G. COULET, Pagodes et sociétés secrètes en Cochinchine, Extrême Asie Juillet 1928.

NÚI CÔ - TÔ



TÌM SƠ ĐỒ VIỆT NAM.VN
Ngoài núi đẹp nhất ở phía cực Nam dãy Thác-Sơn (con số bảy chỉ là ố về phong-thủy như Tam-Đảo, Ngũ Hành Sơn, 99 ngọn Hồng-Linh...)

Từ trên núi, nhiều ô (suối, ravin) chảy xuống, có suối nước khoáng-chát. Xóm của người Việt gốc Miền tây-trung ở dưới chân núi (khuynh vòng dài trên bờ biển), rải-rác những chùa (+) (Bản đồ năm 1893). Sau này mấy tu-sĩ Việt-Nam khai-thác tận đỉnh núi, làm rẫy chổi, cù iến, dừa, trái m.

nghĩa-thục, Phan-Xích-Long... Năm 1917, thực-dân Pháp đâu không truy được tội-trạng gì cụ-thể vẫn lên án năm năm cầm cõ ; ông giữ thái-độ thản-nhiên : « Tôi kẽ tu hành, & đâu cũng tu được vậy thôi » (1).

Nơi Láng-Linh, các trại ruộng của thầy Đoàn-Minh-Huyền mãi sòng trong bầu không-khi trầm-mặc, bi-quan. Cuộc khởi-nghĩa của đức Cồ Quản thất bại, việc khai-hoang không thu được kết-quả nào tươi sáng « Trich cõ nghe át la vang; đậu khoai nuôi bùa, bắp rang đỡ lòng ». May thay ! Nhờ giòng lúa sạ do tu-si Công-Giáo Conte đem từ Kompong-Cham đến (2), vùng nước ngập & hưu ngạn Hậu-Giang bắt đầu dư-giả về lúa gạo ; nhà cửa dựng lên rải-rác theo những con kinh đào. Vài người tiếp-tục phát-triển thuyết Tận-thè của thầy Đoàn-Minh-Huyền, tìm thêm tài-liệu & sâm Trạng Trinh, truyện Phong-Thần, sách Qui-Nguyên Trực-Chi, thi nhau làm thơ bát cú, tứ cú, sáng-tác những loại sâm-truyện mới để tiên đoán thời-cuộc. Lại còn thuyết « Chuyện kiếp » theo đó thì thầy Đoàn-Minh-Huyền (Phật Thầy Tây-An) sẽ tái-sanh liên-tục trong xác phàm (3). Nguyễn-vọng và pháp-giáo nguyên-thúy của thầy Đoàn-Minh-Huyền cũng vì vậy mà lần-lần biến chất và bị thiêu sô người lợi-dụng, đưa vào những mục-dịch chánh-trí có tánh-chất phong-kiền, giao hậu-quả tai-hại về sau.

Năm 1919, ông phủ Ngô-văn-Chiêu ở đảo Phú-Quốc — như

(1) PHAN-VĂN-HÙM dẫn trong *Ngôi tù khám lớn*, nhà xuất-bìa Difa ioc, Saigon, tái bản 1957, trang 144.

(2) Vào năm 1891, nhưng chỉ phát-triển từ năm 1913—1914 và sau Xem *Monographie Long-Xuyên*, Édu. du Moisiteur D'Indochine Hà-nội 1930.

(3) Vùng đồng khô cỏ cháy (sertao) ở Brésil cũng xảy ra những trường hợp giống như ở Thủ-Son (sâm-truyện về tận-thè, chuyện kiếp...). Xem R. BASFIDE, Brésil, *terre des contrastes*, Hachette, 1957, chương 5 (L'ouest Nord-Est) từ trang 108.

Victor Hugo ở đảo Jersey⁽¹⁾; — câu cơ và lần đầu tiên nhận được điểm linh-ứng của Cao-Đài. Giáo-lý này lần lần thành hình, phát-triển khắp Nam-Kỳ (1925) nhưng chúng ta nên ghi nhớ đất Hậu-Giang là nơi xuất-xứ của nó.



Đời là một cuộc đi giây, như nhà chí-sĩ Phan-văn-Hùm đã từng so-sánh. Nếu bị ngã phía tay mặt thì chúng ta phải tìm cách té qua tay trái để giữ thê quân-binhh, như những người hát xiếc.

Những người đi núi Cầm Lanh tục tăm tiên đã tìm được thê quân-binhh cho đời họ. Còn những người khác, đồng-đảo hơn?

Một số ít ra thành-thị, làm cu-li xe kéo, làm bạn ghe chài. Họ trở lòn về quê cũ ở Tân-An, Cần-Thơ, Sài-Gòn để hy-vọng tìm bà con mà nương tựa. Nhưng đứa con lang-tú trót vể tro-trên, lúc nén kinh-tế theo lối mới đã phả-hủy chè-độ đại gia-dinh! Bà con với nhau, chung một đầu ống cò chỉ là mồi liên-lạc mỏng-manh, gần như xa lì. Họ thất vọng, đi phiêu-lưu mãi mãi...

Nhưng đại đa số vẫn ở lại. Họ bỏ nền nhà cũ, tìm đất mới để trồn sò bạc góp, sò lúa vay mà họ không tài nào trả nổi. Họ ra hòn Cỏ-Tron, hòn Sơn Rái, hòn Thủ-Châu ngoài vịnh Xiêm-La để thay đổi không-khi. Họ tìm một góc từng chưa khai phá nào đó

(1) Xem GABRIEL GOBRON, *Histoire du Caodaïsme*, Édit. Dervy, Paris, 1948; YVONNE CASTELLAN, *Le spiritisme*, Presses universitaires (Quốc suy-đe), 1954, trang 80.

mà cắt chòi. Một số người từ Tân-An, Mỹ-Tho, Sa-Đéc, Sài-Gòn (1) vì thât nghiệp, nghèo túng hoặc bị can-phạm chánh-trị chạy xuồng kè cứu vớt con nghèo, thoát nạn tập-nã. Nhưng thời-đại hoàng kim không còn nữa ! Việc khai-hoang đã trở thành một cực hình vô ích. Thà cứ nhìn rừng hoang mà nghèo-ngao, hường chử nhàn như cụ Nguyễn-Công-Trứ lúc về già. Họ vào rừng tràm-thám-hiểm đất U-Minh huyền-bí mà chơi, bắt rùa, bắt rắn, tìm món ngon về ăn cho thỏa-thích, chia sót với bạn bè. Ngày cúng giỗ ông bà, khi van vái, đất đai vương trạch, tiên-hiển khai-khan, hậu hiến khai-cơ, họ không khỏi ngâm-ngùi. Ông tiên-hiển chánh-thức của phần đất này đã chết, lưu-lạc phương nào ? Những buổi hát huê-tinh ngày xưa, những buổi tiệc ăn heo quay còn đâu nữa ? Muôn hát, muôn hò cũng khó nói. « Khi vui muôn khóc, buồn tênh lại cười ». Bản Vọng-Cô phải chăng là một câu hò dài mà không ai đáp lại được cho ôn-thoba ? Là một kiền-trúc âm-điệu có qui-mô lớn hơn những câu hò Hậu-Giang ngày xưa ? Từ ngày bản Vọng-Cô phát-triển, thêm nhịp, thì các buổi hát huê-tinh, các câu hò lắn lán mệt địa-vị quan-trọng cũ. Nhiều cụ già tuy nghèo tà-tội nhưng dám vay nợ, mua đòn, rước thầy về dạy Vọng-Cô cho con. Các cụ cũng thức khuya, tản-thường. Nếu có phản-đồi thi phản-đồi lời thi đua uống rượu, lời tình-ái bắt chánh kèm theo.

Kinh-tè không-khoảng châm-dứt vào năm 1936, 1937. Bản Vọng-Cô Bạc-Liêu đã ngao-du, chinh-phục những con tim đau buôn khắp miền Nam, từ đồng quê đèn nơi đô-thị. Nhiều người tìm cách bê nó lại, từ hình-thức đèn nội-dung, nhưng dấu nhịp 16, dấu hài-hước công-kịch từ đồ-tường, dấu ca ngợi tráng-si Kinh-Kha... cái hương-vị Hậu-Giang thuở ấy như vẫn còn phảng-phất đâu đó (2).

(1) Từ 1930 đến 1933, dân số Sài-Gòn — Chợ-Lớn sụt giảm-nép : 308.234 người còn 197.473 người. Xem A. BAUDRIT, *Guide Historique des rues de Saigon*, SILI, 1943.

(2) Điều đáng chú ý là các danh ca Vọng Cô phản-lên đều sinh-trưởng ở Hậu-Giang: Út (Trà-Ô), Năm Nghĩa, Bảy Cao (Bạc-Liêu); Tâm Bằng, Thành Công (Rạch-Gia), Hữu-Phuộc (Sóc-Trăng), Ba-Khuê (Bạc-Liêu)...

— Ông Vương-Quang-Tiến (giao Tiến ở Rạch-Gia) là người đầu tiên dùng nhạc khí Tây Phương (mandoline) để đèn thử bản Vọng Cô và sáng tác is "Giấy Rạch-Gia".

Nhưng, cuộc-diện của đất Hậu-Giang vẫn nằm trong cuộc-diện của Việt-Nam và của thế-giới. Nhiều mầm móng của nguy-cơ thế-giới chiến tranh lần thứ II đã phát-khởi.

Trái bao hưng-vong biền-cô, chúng ta hiện đang chứng-kiến sự trưởng-tkành của người dân Việt. Đất Hậu-Giang bước sang một giai-đoạn mới, rạng-rỡ hơn. Việc khai hoang được thúc-đẩy mạnh-mẽ trong bầu không-khi tự-do, độc-lập, tôn-trọng nhân-vị.

TIMSACH.COM.VN

PHU - LUC
~~TIM SACH.COM.VN~~

HÌNH BÓNG

của

“SÂN CHIM”

 **TIMSACH.COM.VN**

DẤT Nam-Phần nói chung và đất Hậu-Giang nói riêng thuộc vào loại sinh lầy, ầm-thấp có thể gọi là nơi thiên-dường của loại chim cò (1). Nếu chú ý vào địa-danh của những vùng ở Tiền-Giang, và ở Hậu-Giang chúng ta thường được nghe những tên : Láng Cò, Trảng Cò, Láng Chim, Láng Le, Đầm Chim, Sân Chim, Mảng Diệc, Vườn Cò... Đó là chưa kể Hòn Nhạn, một đảo ở vịnh Xiêm-La nơi mà dân ở miền duyên hải thỉnh thoảng ra đó để hốt trứng nhạn. Lại còn Cù-lao Dung gồm ba làng khá rộng ở giữa vàm sông Ba-thắc ; Dung tức là Tung, tiếng Cam-Bốt nghĩa là con Thằng-bé (Kok Tung : cù-lao chim thằng bé). Rạch Chắc-

Xem bản đồ trang 23.

(1) theo bác sĩ TIRANT, thống kê hồi năm 1878, ở Nam kỳ có hơn 1.000 loài chim khác nhau. Dr TIRANT, Les oiseaux de la Basse-Cochinchine. *Bulletin du Comité agricole et industriel*, tome 1, no 1, 1878.

Băng ở U-Minh cũng do tiếng Miên, Chợ-Tung
(chim thẳng bè) nói trại lại.

*Sông sâu sông búa láng cò
Thương em vì bời câu hò có duyên.*

Câu hát trên mờ đầu cho những buổi hò xay lúa rất tĩnh-hành ngày xưa. Trong Mười cảnh đẹp của đất Hà-Tiên, có cảnh «Châu-Nham lạc lộ» tức là bầy cò trắng đáp xuống dãi Châu-Nham. Mạc-Thiên-Tú đã vịnh như sau :

*Biết chỗ mà nương lánh rất khôn,
Bay về đầm cũ mấy mươi muôn.
Đã giăng chử nhút vài trăm trượng
Lại sắp bàn cây trắng mấy non.*

FIMS CH CÔNG VN

*Ngày giữa ba xuân ngàn phần cây,
Đêm trường chín hạ tuyêt sương còn.
Quen cây chim thè người quen chúa
Dẽ đổi ngàn cân một tấc son.*

Rõ ràng ngày xưa nơi đây là một vườn cò có đầm, có núi và gần bờ biển. Rất tiếc cảnh tượng hùng-vĩ ấy không còn thấy nữa. Lời lẽ trong bài thơ : mấy mươi muôn, vài trăm trượng, trắng mấy non, tánh rất khôn... thật khoa-học, tả chân, không có gì là quá đáng đối với những ai đã từng thấy cảnh rần-rộ của chim về sân, lúc trời ngã bóng chiều.

Đè dể nhận-dịnh, chúng tôi tạm chia các danh-từ trên ra làm hai loại :

1) Những nơi chim về tạm thời ; chim sanh đẻ ở nơi khác đến trú trong mươi hôm, dời ba tháng. Đó là Láng Cò, Láng Le, Đầm Chim, Trảng Cò... Nếu biết lợi dụng cơ-hội, thợ săn chồn có thể làm

bầy giờ, lười chụp, thâu-hoạch nguồn lợi khá to. Chúng tôi được biết nhiều tay chuyên-môn giết cò bằng giàn thun, bằng roi. Roi đây là cây tre dài chừng 4, 5 mét. Ban đêm, cứ roi đèn « bin » vào nơi cò ngủ rồi đập túi bụi. Mỗi roi giết dỗi ba con cò là chuyện thường. Nhiều tay thiện-xạ sử-dụng giàn thung, bắn bá phát bá trúng... Tuy không làm giàu làm có nhưng họ bán được chút ít tiền, còn thì để dành đem tặng bà con lối xóm chung vui một ngày thắng lợi. Cò đem nấu cháo, muối xả ớt mà nướng ăn hoặc phơi khô để dành...

2) Loại thứ hai gồm những nơi chìm cu-trú lâu dài, nếu không là vĩnh-viễn :

a) *Mang diệc túc* là khu vườn hoặc khu rừng mà loài diệc lâm ð. sanh đẻ từ đời này đến đời khác. Xen vào loại diệc, còn có cò ma, cồng-cộc...

b) *Vườn cò* thường thường là khu vườn dừa, vườn cau của tư nhơn. Vì thấy « huê lợi chim cò » khá to-tác nên chủ vườn hy-sinh huê-lợi hoa quả trồng xen vào đó cây tràm, cây sán... để vườn thêm rậm rạp, chim cò có chỗ thuận-tiện làm ð. Phần lớn những vườn cò gồm một ít cò ma (cò lép) và dại đa số cồng-cộc. Theo chúng tôi được biết, hiện nay còn mấy vườn cò ở Hòa-Lưu (Rạch-giá), Cái-Nước, Bà-Hình (Cà-Mau). Chủ vườn bán trứng, chim con, lông chim và phân chim. Thiết tưởng đó là những kỳ quan của đất nước đáng được các nhà điện-ảnh, các nhơn-viên phụ-trách ngành du-lịch, các tay nấu bếp khéo chú-ý khai-thác.

c) *Sân chim đường* như là một danh-từ áp-dụng riêng cho loại lồng-ô, già sói, thẳng-bè, bồ-nông... Các sân chim hầu như không còn nữa, nghe đâu còn

một đồi sắn ở giữa ruột rừng U-Minh (Kiên-Giang). Trong phạm-vi bài này, chúng tôi cố gợi lại sinh-hoạt của các sân chim ấy, hồi đầu thế-kỷ.

Việc khai-thác các sân chim ở Kiên-Giang là một thiên anh-hùng ca của người Việt-Nam trên đường khai-hoang về phía Tây. Tuy qui-mô hơi nhỏ bé, ta có thể so sánh nội-dung của nó với những cuộc săn bò rừng, ngựa rừng ở Châu-Mỹ. Năm 1879, việc dău thầu sân chim đem lại cho ngân-quỹ 25.000 quan (franc) so với 25.808 quan về thuế thân trong tỉnh Rạch-Giá.

SÂN có nghĩa là khu-vực. Các khu-vực này rải-rác ở khắp tả-ngạn sông Cái-Lớn, ranh giới thiên-nhiên phía Bắc và Tây-Bắc của vùng Láng-Biển (làng U-Minh). Nổi danh nhất là những sân ở rạch Thủ-Nhứt, Kinh-Dài, Cái-Nước, Thây-Quơn, Chắc-Băng. Ở đây, rừng tràm mọc dày bít, xưa kia nước ngập mặn năm Dón, choại bò lan, phủ mặt đất một lớp dày. Lòng đất vẫn là đất sét, làm ruộng rất tốt (1).

Người Việt-nam bắt đầu khai-thác sân chim từ lúc nào ? Ta có thể phỏng đoán vào đời Gia-Long. Long chim hối thuở ấy bán cho các tàu buôn Hải-Nam để tiêu-thụ nơi ngoại quốc. Họ theo vịnh sông Cái-Lớn đi ngược vào ngon, đến các vịnh rạch nhỏ có sân chim. Trong Đại-Nam nhứt thống chí, ở Kiên-Giang có ghi vùng Điều-Dinh khá trù mật. Điều-Dinh tức là vùng sân chim ở Gò Quao.

Sân ở ven U-Minh gồm các loại chim sau đây :

(1) Đất ở U-Minh vẫn là đất sét, bên trên có lớp « đất cháy » (tourbe) dày hơn một mét. Sau khi « đất cháy » bị cháy, có thể lòi lên trên đất sét, trông như cau, đào kinh như vùng Dinh-diễn U-Minh ngày nay đã làm. Nó không phải là thứ bùn non lỏng bóng.

— *Thắng-bè* (*pélican blanc*), *bồ-nông* (*pélican gris*) (1). Không cần tả hình dạng rõ, các bạn cũng đã hình dung được loài chim quen thuộc này rồi. Điều đáng nói là chúng rất lớn, hai cánh dài non 2 mét. *Bồ-nông* màu xám tro, nhỏ hơn *thắng-bè* (*lông trắng*), mỗi con lớn nặng từ 20 đến 25 kilô. Hai thú chim này có dây, đi ăn, tích-trữ mỗi đêm về dứt cho con. Đây có thể chứa hơn 10 lít. Chúng tôi đã từng thấy chim *thắng-bè* ăn gấp trọn một rồ cá hoặc xúc vào dây trọn bầy cá ròng-ròng, luôn cả cá lóc mè.

— *Chó-dồng, lông-ô, già-dây* (*petit marabout*).

Theo ngôn ngữ bình-dân, *chó đồng* là loại lông ô nhỏ. *Lông-ô, già-sói, già-dây...* tuy gọi tên khác nhau nhưng chỉ là một. Dừng ngóng cò, chim già-sói cao đến 1 mét, 1 mét 30 như đứa con nít. Sọ trán của già-tối rất to, ngày nay có người còn giữ những bộ sọ cổ trái đứa xiêm (trục kính 12 đến 15 phân). Già-sói ăn cá, gấp trọn một hay hai con rắn. Lông cánh rất dài, có cộng đến 5 tấc tây. Ở xa, trông con già-sói giống như một người bận áo mưa cao-su...

Hồi người Pháp chưa đến, các tay anh-hùng của chốn « tràm xanh cùi lục » giàn nhau việc khai-thác săn chim. Kẻ nào có sức mạnh, bè-dâng đồng và khéo sử-dụng dao búa thì làm chủ săn. Biết rõ nguồn-lợi của săn chim, người Pháp đã cố gắng điều-tra các lợi-tức.

Săn chim là nơi qui tụ binh-sí của cụ Nguyễn-Trung-Trực.

(1) Các bạn có thể xem thêm G. FICHTER. Un défilé d'oiseaux, le pélican Sélection du R. D. Février, 1957.

U-Minh là vùng anh em Đỗ-Thira-Luông, Đỗ-Thira-Tự (dư-dâng của Nguyễn-Trung-Trực) khởi-loạn và bị đồn-áp giải-tán vào năm 1872, do quan chủ tỉnh Benoist. Chính ông Benoist này đã nghiên-cứu tỉ-mỉ việc khai-thác các sân chim ở U-Minh, lưu lại nhiều tài-liệu đáng để ý (1).

Từ tháng 10 âm lịch, chim bồ-nông bắt đầu đạp giây choại xuống lò (đạp lò). Chúng dùng mõ nhô cỏ xung quanh để chim con khi nở ra có chỗ tập lội...

Tháng 11, chim đẻ chừng đôi ba trứng. Chim trống và chim mái thay phiên nhau ấp. Trứng nở, chim mẹ, chim cha thay phiên nhau đi tìm mồi ở tận Biển Hồ hoặc Tiền-Giang, Hậu-Giang... đem về đút cho con.

Chim mẹ há miệng, đầy cá và máu. Chim con rút rìa lương-thực trong đáy của mẹ. Thi hào Alfred de Musset đã nói lên sự hy-sinh cao cả ấy. Nếu được sống ở sân chim... Rạch-Giá, có lẽ thi hào sẽ bất-mãnh. Trong lúc thằng-bè mẹ chia mồi cho con, hàng chục con già-sói, chó đồng bay tới cướp phần máu sữa. Các loài chim cẩu xé, đá nhau, cắn nhau. Bọn chim bắt lương già-sói, chó đồng lại ăn thua nhau lượt thứ nhì như bọn cướp giành chia của Đôi ba chục ngàn con chim xáo động lên như thế, vang-dội cả khu rừng.

Ngay từ lúc trứng chim vừa nở, chủ sân bắt đầu chuẩn-bị, họ mướn bạn, cắt chòi & giữ sân thường-trực. Họ đốn tràm, dốn tre về xây 2 vòng rào. Rào hình vuông, mỗi cạnh uóc 500, 600 mét, cao 2 mét. Lại còn vòng rào thứ nhì, nhỏ hơn chút ít. Mấy cây song rào phải cầm khít nhau,

(1) xem *Excursions et Reconnaissances*, tome 1, 1879.

đóng sâu xuống đất ngừa khi chim phá rào chạy thoát.

Cuối tháng giêng, chủ nhân gọi bạn giết đến. Bạn giết có nghĩa là bạn chuyên-môn giết. Giờ ra tay thường là vào đêm không trăng, cuối tháng giêng. Nếu trăng sáng, chim con dù lòng dù kiẽn sẽ bay mất.

Hai ba chục người bạn giết nai-nit hàn hòi, xông vào sân, tay quơ đuốc lửa, tay cầm cây « xơ-quất » để đập mòng, bò-chết bay ào ào hút máu chim. Họ la hét, đập được ngay các ổ chim. Chim hoảng sợ, chạy vào vòng rào thứ nhứt rồi tuôn qua vòng rào thứ nhì. Các bạn giết liền hạ được xuống rồi dùng hai tay mà bẻ cổ chim, hết con này đến con khác, cứ như vậy từ canh ba đến canh tư, canh năm..

Trời rạng sáng. Xác chim nằm la liệt trên . . . bãi chiến-trường. Bạn giết làm xong nhiệm vụ, giờ đến phiên bạn nhồ, chuyên việc nhồi lồng. Lồng của mỗi con bó lại thành một bó chừng 35 lồng lớn, 30 lồng nhỏ, dù kết một cây quạt. Họ trao cho chủ sân, lãnh thè để sau này căn-cứ vào sổ thè mà trả tiền công. Sau bạn nhồ, đến lượt những người đí hôi. Họ được quyền nhồ những lồng còn sót lại với điều kiện là thanh-toán các tử-thị, đem bỏ tận ngoài sông Cái vì mùi xác hôi thúi có thè làm cho lũ chim còn lại hoảng sợ, bỏ sân bay mất.

Mỗi mùa, chim bị giết 3 lần, lần đầu vào cuối tháng giêng, hai lần sau vào cuối tháng hai, tháng 3 Âm-lịch.

Mỗi kỳ, trong một đêm, tại một sân, số chim bị giết ước từ 1.000 đến 5.000 con. Tính trung-bình mỗi con 10 kí-lô thịt, chúng ta có con số không lẽ là 10 đến 50 tấn thịt bỏ trôi sông, sinh lén lếu-bểu.

Tại sân chim Chắc-Băng vào khoảng năm 1873, 3 lần giết chim tòng cộng chừng 16.000 con.

Tại sân Cái-Nước, riêng một đêm 16 Mars, 5.000 chim bị giết.

Chủ sân chim nọ có 2 sân chánh, mỗi mùa giết 3 lần, phỏng-dịnh 30.000 con, thâu-hoạch chừng 9 tạ lông chim !

Quan chủ tỉnh Benoist thử làm một bài toán về huê-lợi trong 2 sân nọ :

30.000 con bồ-nông, 6.000 thằng bè, 6.000 lông-ô trị giá 56.700 quan tiền. Trừ chi-phí còn một số lời khă-to : 29.122 quan tiền tức 26.610 quan (franc).

Năm 1881, có cho đấu giá sân chim ở Rạch-giá từ 3, 6, 9 năm, « Bây giờ mãn hạn 3 năm, phỏng định nếu đấu lại thì thêm 500 đồng bạc » (1)

FIMIS Sân chim làm đấu để cho các văn-sĩ ở thuộc-địa, thích màu sắc địa-phương. A. Schreiner từng nhắc đến chim già sói trong quyển *Contes de Cochinchine*, chuyện *La chasseur de marabouts* (tác-giả xuất bản, Sài-gòn, 1907). Ký giả lão thành H.-L. Jammes tả lại việc khai-thác sân chim với những lời lẽ quá bi-dát (H.-L. Jammes. *Souvenirs du pays d'Annam*. Challamel, Paris 1900). Quan thanh-tra thuộc-địa Ch. Hoarau-Desruisseaux ghi lại nạn muỗi mòng ở Long-Xuyên. Năm 1875, quan chủ tỉnh Long-Xuyên tiếp rước quan thanh-tra. Trời chạng-vạng tối, chủ và thượng khách phải dứt mình vào một cái bao vải dày, trùm từ chân chí ngực vậy mà muỗi vẫn không chịu buông tha. Sau lưng mỗi ông thực-dân có một tên « bồi » bồn xú cầm quạt long-ô, phe-phầy... (2)

Chợ Gò-Quao (Rạch-Giá) ở ven sông Cái-Lớn

(1) *Gia-dịnh báo* — 18 octobre 1884.

(2) HOARAU — DESRUSSEAU, *Aux colonies*. Emile Larose, Paris 1911.

là nơi tập-trung lông chim của vùng U-Minh. Tuy là chợ làng nhưng có một chủ « nhà băng » Ăn-Độ, Pajanne Appachetty (1) giúp vốn cho các chủ sàn.

Vào khoảng 1910, các sân chim bắt đầu ngưng hoạt động vĩnh-viễn. Lý-do rất dễ hiểu : sự tàn phá quá mức, thiếu kế-hoạch : chim con sanh không kịp đẻ cung cấp lông kiến và sinh mạng ! Người Việt-Nam đã hưởng thứ lộc trời ấy những 70, 80 năm, nghĩ đã mang tạo hóa cũng đã quá rộng lượng rồi ! Đã đến lúc biến sân chim thành rẫy khosi lang và biến rẫy khoai ra ruộng lúa...

Hồi trước năm 1945, nhiều người dân ở U-Minh còn mạo hiểm vào giữa rừng để tìm sân chim. Họ khởi hành từ xóm Tân Bằng, đi thẳng về phía đông chừng 10 cây số... Việc khai thác rất gay go. Tung đoàn người mang gùi, búa, rủ nhau vạch một con đường giữa các bụi tràm tràm thủy, dày bít. Hai người đi tiên-phuông cầm hai đầu cây cán cỏ, dè bẹp sậy, choại... xuống. Bọn đi sau theo đó mà tiến lên rất chậm-chạp. Phải đi gần 2 ngày mới đến sân.

Cũng theo lời thuật lại, sân chim rộng hơn 10 mẫu, nồng nực mùi phèn, mặt đất như bõe khói vì hơi thở của bao nhiêu chim con chim mẹ đang hò hét, lúc hoàng hôn. Loại lông-ô rất thính hơi người, ai nấy phải cởi áo ra bỏ một chỗ để dấu mùi mồ-hôi. Đêm đến, họ ra tay giết chim, nhổ lông rồi kéo xác chim bỏ xa.

Mỗi năm, họ vào sân lấy lông chừng đôi ba lần, cũng từ tháng giêng, tháng hai, tháng ba... Huê-lợi

(1) Annuaire général 1901, F. H. Schneider, Hanoi.

tuy to-lác nhưng phí nhiều sức khoẻ nên ít ai muốn mạo hiểm...

Ngày nay, loại lông ô, chó dồng, già sói, bồ-nông của sân chim ngày xưa đã thuộc về giai-thoại... Dân chúng ở ven vịnh Xiêm-La, ở ven sông Cái-Lớn thỉnh-thoảng còn thấy vài con chim khồng-lồ bay về hướng sân cũ. Đôi khi nó dừng cánh, đậu ngắt-nghẽo trên ngọn tràm cao. Máy cụ già kính nể nó, dè coi chơi, như muốn gìn-giữ những pho tượng cổ-tích có tim có máu.

S. N.

TIM SACH.COM.VN

ĐẸP HẬU-GIANG

của

KIỀN-GIANG

TIM SACH.COM.VN



ĐẸP HẬU - GIANG

Để dâng tặng người Việt
yêu Hậu-Giang

ĐÂY Hậu-Giang ! ĐÂY Hậu-Giang !
Nhánh sông gân bó Cửu-Long Giang.
Phù-sa cuộn chảy trong dòng nước,
Khôi sóng hòa hơi thở xóm làng.

Nơi đây đời sống thanh bình lâm,
Với đất phi nhiêu nước Hậu-Giang ;
Vù sùa Cần-Thơ căng ý mong
Sầu riêng Long-Mỹ nhơ mang mang...

Mười Bạc-Liêu mặn tinh biền cà,
Tiều Hà-Tiên nồng ý quê-hương.
Thơm tho khói thuốc mùi Cao-Lãnh,
Cá cháy bùi ngon vị Sóc-Trăng.

ĐẸP HẬU - GIANG — THƠ KIỀN - GIANG

GÀO móng chim thơm mùi ra ngọt,
Nấu nồi Hòn-Dất, lò Hòn-Me,
Chum than đượm lửa lòng cây được
Ôi lửa Cà-Mau đẹp ý quê !

TÀU mệt-cật, em chăm nón là
Anh đội đầu, che nắng chang chang,
Sáng cày, khuya cấy, chiều phảng hơi.
Anh nhớ tâm tình gái Hậu-Giang.

NĂM nào thiêu áo không mùng ngủ,
Sao nhớ bàn tay gái Thát-Sơn...
Đêm tối... nhồ bang đương đêm nopolitan
Mặc cho tiếng súng vọng bên đồn.

QUÁ mùa nước nổi... vùng Châu-Đốc
Nhờ lá Cà-Mau, với lóng tre
Cộng cho quí U-Minh thương nước lợ ..
— Đèn khuya mới sáng giữa nhà bè.

HÒN-Tre, Phú-Quốc dù xa bối,
Vẫn nỗi tình thương mạnh đất liền,
Nước biển phù-sa trào máu đất
— Đắp bối cho máu trở về tim.

NẾU thiếu lá dừa soi bóng nước,
Thiếu bóng lúa trè, búp măng tre,
Cành diều không vút trên lưng gió
Thì chết trong lòng những ỷ què !

NẾU có thôn-nữ ngừng câu hát,
Nếu bạn thương-hồ bặt tiếng ca,
Nước bạc trường-giang không chảy nữa,
Hoa bần thời rụng xuống phù-sa !

NHỚ lại năm nao, ngày cháy loạn
Hậu-Giang trăm-mặc giữa niêm kinh,
Mùi diêm thuốc súng mờ hương khói,
Chuông vọng niềm đau khóc thái-bình.

TRỞ lại xóm dừa, mía lùa loạn
Ngồi trên bến cũ lắng không gian...
Vô tình tôi vớt trong dòng nước
Giọt máu miền Nam, máu Hậu-Giang.

NƯỚC chảy một dòng ra biển cả
Vẫn mang tinh nước Cửu-Long-Giang.
Sông ơi ! dù nước ra khơi biển,
Vẫn nhớ chan hòa nước Hậu-Giang

* MỤC - LỤC *

| | |
|--|-----|
| MIỀN HẬU-GIANG | 7 |
| LỜI NÓI ĐẦU | 11 |
| I.— KHUNG-CẢNH | |
| Sơ-lược về địa- lý | 15 |
| II.— TỪ MẠC-CỨU ĐẾN NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG | |
| Vài nét lịch-sử trước khi Nam-Tiền | 29 |
| Mạc-Cửu thành-lập 7 xã suối vịnh Xiêm-La | 34 |
| Hà-Tiền thời Mạc-Thiên-Tú, hưng-thịnh và suy-vong | 40 |
| Ảnh-hưởng của những chuyến Gia-Lóng tầu qu Doe ở Rạch-Gia — Cà-Mau | 47 |
| Dất An-Giang qua các giai-doạn quân-sự và giai-doạn đồn-diễn. Sắc-thái vùng biên-giới | 53 |
| III.— GIỮA HAI THẾ-KỶ THỨ XIX và XX | |
| Phản ứng chống thực-dân Pháp. Làn sóng dị dân | 67 |
| Hai kiểu khai-thác vùng rừng già và rừng tràm. Sanh-hoạt | 80 |
| Cần-Thơ, trung-tâm văn-hóa Hậu-Giang. | |
| Các giai-từng đại điện-chủ, ta-diễn | 84 |
| Mức sanh-hoạt. Nợ Bằng và nợ Chù | 105 |
| Kinh-tế khủng-hoảng năm 1930 ở Hậu-Giang | |
| Vùng biên-giới. Khúc ca Vọng-Cò | 108 |
| PHỤ-LỤC : | |
| Hình bóng của sân chim | 128 |
| ĐẸP HẬU-GIANG | 135 |

BẢN ĐỒ và HÌNH ẢNH

| | |
|------------------------------------|-----|
| Hậu-Giang trong miền Đông Nam Á | 4 |
| Hậu-Giang tông-quát | 6 |
| Bja-chát miền Hậu-Giang | 16 |
| Khung-cảnh Thất Sơn | 20 |
| Bảo-vệ cỏ thụ | 21 |
| Vùng than bùn U-Minh | 22 |
| U-Minh Thượng và U-Minh Hạ | 23 |
| Đuốc và mắm | 24 |
| Trái đuốc | 25 |
| Cỏ vặt Óc-Eo | 31 |
| Mũi Cà-Mau | 52 |
| Vùng biên-giới | 61 |
| Ranh-giới các tỉnh thời Pháp thuộc | 74 |
| Mật độ dân số | 79 |
| Khai-hoang vùng rừng già | 81 |
| Khai-hoang vùng rừng tràm | 85 |
| Luyện thuốc cài lão hưởn đồng | 88 |
| Hát bài giữa rừng | 89 |
| Kèo ong | 90 |
| Cè Rèng và nồi đất | 92 |
| Mùng trâu | 93 |
| Chiếc xáng Loire | 96 |
| Vùng Ngà Bay | 100 |
| Núi Tà-Lơn | 113 |
| Núi Cô-Tô | 115 |

PHỤ BẢN :

*Chó rừng Phú-Quốc — Hòn Phụ-Tử — Mè Phết
Thầy Tây-An — Bên suối núi Cát — Điện Cát Dù ở
Tà-Lơn — Núi Sam — Các tòi tie Vọng-Cô*

ĐÍNH CHÁNH

Trang

CHỮ TRẬT và SỬA LẠI

- 80 Chú-thích (1) và (2), thay vì : BFEO, xin đọc :
B.E.F.E.O. (Bulletin de l'Ecole française d'Extreme -
Orient).
- 41 Chú-thích (2), thay vì : COMMANDER, xin đọc
COMMAGER.
- 46 Dòng thứ 4, xin xóa bỏ số (1770) ở chót câu.
- 54 Dòng thứ 25, thay vì : năm 1816, xin đọc : năm
Đinh Sửu (1817).
- 107 Dòng thứ 8 thay vì : tổng số đất ở Hậu-Giang, xin
đọc : tổng số đất không bị cấm thuế chun ở Hậu-
Giang.

TÌM HIỂU ĐẤT HẬU-GIANG, quyển
tách thứ nhì của nhà xuất bản PHÚ-SA.
In xong ngày 12 - 12 - 1959 tại ấp quán
Huỳnh - Văn 316, Bến Chương - Dương
Saigon. Ngoài những bốn thường cóin thêm
100 bốn đặc biệt đánh dấu từ 1 đến 100.
Giấy phép số 1823/XB do Nha Thông-
Tin Báo Chí cấp ngày 14 - 9 - 1959.

BẢN

福
地
福
人

TIM SACH.COM.VN

THÁI - VỊ - THỦY

• PHƯỚC ĐỊA, PHƯỚC NHƠN •
Trích trong về đồi đê bến vàng
mộ Thoại-Ngọc-Hầu.

Nhà Sách TPHCM 181
Lê, Đại-Lộ Lê-Lợi, SAIGON

Net

150-

Giá